

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV
BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Số: 395 /BSC-CBTT

No: 395 /BSC-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025

Hanoi, April 10, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

- *State Securities Commission of Vietnam*

**- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Sở Giao dịch Chứng
khoán TP HCM/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**- *Vietnam Exchange/Ho Chi Minh Stock Exchange/Hanoi
Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV/*BIDV Securities
Joint Stock Company*

Mã chứng khoán/Mã thành viên/Stock code/Broker code: BSI/002

Địa chỉ/Address: Tầng 8, Tầng 9 Toà nhà ThaiHoldings, 210 Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn
Kiếm, Hà Nội/*Floor 8, 9 ThaiHoldings Building, 210 Tran Quang Khai, Trang Tien, Hoan Kiem,
Hanoi.*

Điện thoại/Tel: 024.39352722

Fax: 024.33816699

Email: ir@bsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo thường niên năm 2024/ *The Annual Report 2024.*

3. Thông tin này đã được công bố trên **trang thông tin điện tử của công ty** vào ngày 10/4/2025 tại đường dẫn: <https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>

This information was published on the company's website on April 10, 2025, as in the link: <https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Văn bản liên quan đến nội dung công bố thông tin/*Document related to the content of disclosure*

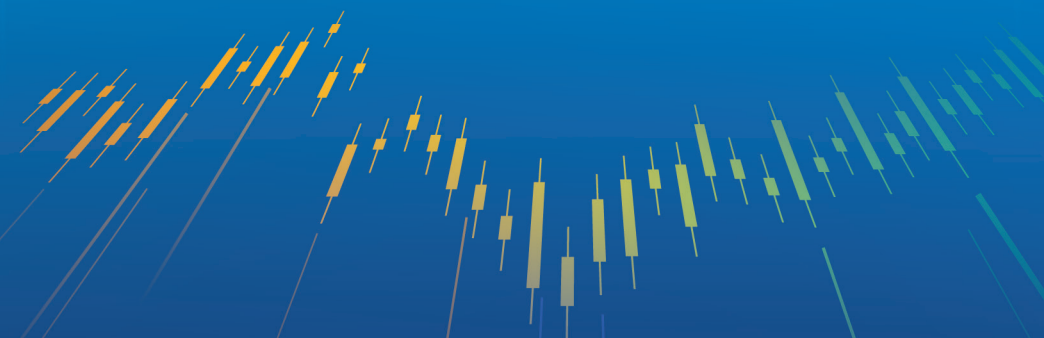
TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR 



NGUYỄN DUY VIỄN

TIẾN BƯỚC ĐỒNG HÀNH





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2024

MỤC LỤC

04 THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC
06 ĐIỂM SÁNG 2024

01 TỔNG QUAN VỀ BSC

10 Thông tin doanh nghiệp
12 Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi
14 Chặng đường phát triển
16 Ngành nghề & Mạng lưới hoạt động
19 Định hướng phát triển
20 Giải thưởng
22 Mô hình quản trị
26 Nhân sự chủ chốt

02 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

38 Môi trường kinh doanh
45 Kết quả kinh doanh 2024

03 ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2025

56 Bối cảnh thị trường 2025
63 Định hướng hoạt động kinh doanh 2025



04 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

68 Thông tin cổ đông
70 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
86 Báo cáo của Ban kiểm soát
90 Giao dịch, thù lao & các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát & Ban điều hành

05 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

100 Thông tin báo cáo phát triển bền vững
101 Định hướng phát triển bền vững
102 Quản trị phát triển bền vững
107 Dấu ấn của BSC trên hành trình phát triển bền vững
122 GRI công bố thông tin

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

131 Thông tin về doanh nghiệp
133 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
134 Báo cáo kiểm toán độc lập
136 Báo cáo tình hình tài chính
141 Báo cáo kết quả hoạt động
144 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
148 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
152 Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Khách hàng, Đối tác và Cổ đông

Năm 2024 khép lại không quá thuận lợi khi thị trường chứng khoán Việt Nam đối mặt với diễn biến phức tạp của các yếu tố kinh tế, chính trị trên thế giới. Kết thúc 31/12/2024, Vn-Index ghi nhận mức tăng 12,1% phần lớn đà tăng diễn ra trong quý I, 3 quý còn lại thị trường dao động không vượt qua ngưỡng 1.300 điểm, cùng thanh khoản ảm đạm.

Nguyên nhân chủ yếu đến từ các tác động bên ngoài, trong đó đà tăng giá của đồng USD khiến tỷ giá trong nước tăng mạnh và làn sóng bán ròng kỷ lục của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thống kê đến giữa tháng 12/2024, tổng giá trị bán ròng đã lên tới gần 90.000 tỷ đồng, gấp gần 4 lần năm 2023. Không chỉ riêng Việt Nam, dòng vốn đầu tư khắp châu Á và các thị trường mới nổi cũng bị rút về các thị trường phát triển.

Trải qua năm 2024 với những thuận lợi và thách thức đan xen, hoạt động kinh doanh của BSC vẫn gặt hái được những kết quả tích cực, kiểm soát tốt rủi ro và đạt được điểm sáng trên nhiều khía cạnh. Kết thúc năm 2024, BSC ghi nhận lợi nhuận trước thuế 515,7 tỷ đồng; Tổng tài sản đạt 10.315 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ; Vốn chủ sở hữu đạt 5.062 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2023. BSC luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo các giới hạn trong mọi hoạt động kinh doanh. Công tác quản lý tài sản và dòng tiền được vận hành linh hoạt, kết hợp với việc kiểm soát chặt chẽ để tối ưu hóa lợi nhuận, đồng thời không phát sinh rủi ro thanh toán hay thanh khoản, đáp ứng tốt các yêu cầu kinh doanh.

Kiên định với sứ mệnh **“Phụng sự thị trường – Phụng sự khách hàng, đối tác & cổ đông”**, những đóng góp của BSC trong năm 2024 tiếp tục được ghi nhận bởi nhiều giải thưởng uy tín trong & ngoài nước: 02 lần nhận bằng khen của Bộ Tài chính về thành tích đóng góp xây dựng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2020-2024, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã

hội của đất nước; 03 năm liên tiếp vinh dự nhận giải thưởng “Nhà Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2024” do tạp chí Global Banking & Finance Review trao tặng.

Bước sang năm 2025, BSC kỳ vọng GDP sẽ tăng trưởng tốt với động lực chính chuyển từ thương mại sang thúc đẩy tăng trưởng trong nước. Lạm phát được dự báo trong tầm kiểm soát do các yếu tố gây áp lực đều đã hạ nhiệt, tạo dư địa cho chính sách tiền tệ trong nước tiếp tục nới lỏng. Tuy nhiên, các rủi ro địa chính trị toàn cầu vẫn còn tồn tại khiến tình hình kinh tế năm 2025 vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, biến động. Cùng với đó, các chính sách dưới thời Trump 2.0 có khả năng khiến lạm phát Hoa Kỳ tăng trở lại, gián tiếp khiến tốc độ hạ lãi suất của FED chậm lại hoặc kết thúc sớm hơn.

Với tầm nhìn và sứ mệnh của định chế tài chính vững mạnh, cùng sự đồng hành, tin tưởng của Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng, BSC sẵn sàng đón nhận những cơ hội mới và từng bước thực hiện các mục tiêu trong giai đoạn tới, tự tin nối tiếp những thành quả đã đạt được, tiếp tục tinh thần đổi mới, sáng tạo, tận dụng mọi cơ hội phát triển để hoàn thành cao nhất các mục tiêu kinh doanh năm 2025, mang giá trị tài chính bền vững tới Khách hàng, Đối tác & Cổ đông của Công ty.

Thay mặt HĐQT, Ban Lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ nhân viên BSC, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới Quý Khách hàng, Đối tác và Cổ đông đã đồng hành cùng BSC trong suốt 25 năm qua. Sự tin tưởng của Quý vị là tài sản quý báu, là động lực để BSC nỗ lực, tạo nên những kết quả vượt trội hơn trong năm 2025.

Xin kính chúc quý vị sức khỏe và thành công!

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Viễn

“Với tầm nhìn và sứ mệnh của định chế tài chính vững mạnh, cùng sự đồng hành, tin tưởng của Quý Cổ đông, đối tác và khách hàng, BSC sẵn sàng đón nhận những cơ hội mới và từng bước thực hiện các mục tiêu trong giai đoạn tới.”

Ông NGUYỄN DUY VIỄN
Tổng Giám đốc BSC



ĐIỂM SÁNG 2024

Năm 2024 với những thách thức và cơ hội đan xen, BSC không ngừng đổi mới để thích nghi với những khó khăn và nắm bắt những cơ hội mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

25
NĂM

Hành trình đồng hành & phụng sự

01

Thành viên giao dịch có thị phần môi giới lớn nhất năm 2024

01

Thỏa thuận hợp tác quốc tế

03

Giải thưởng, bằng khen trong nước & quốc tế

13

Dự án an sinh xã hội

25
Năm

Hành trình đồng hành và phụng sự

Năm 2024 là dấu mốc quan trọng kỷ niệm 25 năm thành lập & phát triển của BSC. Là một trong hai công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, BSC tự hào là thành viên có những đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của thị trường chứng khoán; đặc biệt trong công tác xây dựng, đóng góp ý kiến hoàn chỉnh sản phẩm, chính sách; tích cực tham gia thúc đẩy quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo chủ trương của Chính phủ thông qua hoạt động tư vấn cổ phần hóa, IPO, tư vấn niêm yết,... tạo nguồn hàng chất lượng cho thị trường.

Xuyên suốt hành trình 25 năm phát triển là sự tin yêu và đồng hành của hơn 200.000 Đối tác, Nhà đầu tư & Cổ đông. Với sứ mệnh là một thành viên có trách nhiệm với thị trường, một đối tác tin cậy của khách hàng và nhà đầu tư, BSC cam kết sẽ tiếp tục mang đến niềm tin yêu, kết nối sức mạnh để sáng tạo không ngừng trên hành trình trở thành "Người bạn đồng hành đáng tin cậy" của Đối tác & Nhà đầu tư!

01

Thành viên giao dịch có thị phần môi giới lớn nhất năm 2024

Thị trường chứng khoán đã trải qua một năm 2024 với nhiều thăng trầm, từ những phiên sôi động thanh khoản tỷ USD trong giai đoạn nửa đầu năm, những lần thử thách ngưỡng 1.300 điểm cho tới nhịp điều chỉnh trước áp lực bán rong của khối ngoại trong nửa cuối năm. Trong diễn biến đó, hoạt động môi giới của BSC vẫn ghi nhận nhiều kết quả tích cực. Đối với thị phần môi giới cổ phiếu thị trường cổ phiếu niêm yết lớn nhất năm 2024, BSC chiếm thị phần 3,24%, giữ vị trí thứ 7 (tăng 2 bậc so với năm 2023). BSC được VNX vinh danh trong "TOP 10 thành viên giao dịch có thị phần môi giới lớn nhất năm 2024".

Trên thị trường môi giới trái phiếu Chính phủ lớn nhất năm 2024, BSC duy trì trong nhóm có thị phần trên 10%, giữ vị trí thứ 4 trong top 10 CTCK có thị phần lớn nhất.

01

Thỏa thuận hợp tác quốc tế

Với sự đồng hành và hỗ trợ từ Ngân hàng BIDV, năm 2024, BSC và Edmond de Rothschild đã ký kết thỏa thuận hợp tác nhằm phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm đầu tư an toàn, hiệu quả cho các khách hàng giàu có tại thị trường Việt Nam. Đây cũng là cơ hội để BSC mở rộng cơ sở khách hàng, tiếp cận các thị trường tiềm năng và phát triển cơ hội hợp tác với nhà đầu tư nước ngoài.

03

Giải thưởng, bằng khen trong nước & quốc tế

Kiên định với sứ mệnh "Phụng sự thị trường, khách hàng, đối tác & cổ đông", những đóng góp của BSC trong năm 2024 tiếp tục được ghi nhận với nhiều giải thưởng uy tín trong & ngoài nước như:

- Bằng khen của Bộ Tài chính ghi nhận **"Thành tích đóng góp xây dựng, phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2020 – 2024"**.

- Bằng khen của Bộ Tài chính ghi nhận **"Thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2020-2024, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước"**.

- Giải thưởng **"Nhà Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2024"** do tạp chí Global Banking & Finance Review trao tặng.

13

Dự án an sinh xã hội

Kinh doanh hiệu quả, không ngừng tăng trưởng, BSC còn kiên định phát triển bền vững, cống hiến những giá trị sống tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng, cam kết song hành cùng sự phát triển của đất nước. Năm 2024, BSC tiếp tục dành nhiều nguồn lực cùng tâm sức để triển khai 13 dự án an sinh xã hội với tổng kinh phí **1,5 tỷ đồng**. Các dự án đã thực hiện đều hướng tới các lĩnh vực phát triển bền vững như: giáo dục, y tế, hỗ trợ người nghèo, khắc phục hậu quả thiên tai, ... Trong đó, dự án **"Mái trường cho em"** đã được BSC triển khai trong nhiều năm liên tiếp, chấp cánh ước mơ đến trường cho các em nhỏ vùng cao, chung tay xây dựng vì một Việt Nam tốt đẹp hơn.

TỔNG QUAN VỀ BSC

- 01 Thông tin doanh nghiệp
- 02 Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi
- 03 Chặng đường phát triển
- 04 Ngành nghề & Mạng lưới hoạt động
- 05 Định hướng phát triển
- 06 Giải thưởng
- 07 Mô hình quản trị
- 08 Nhân sự chủ chốt



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) được cấp phép thành lập ngày 26 tháng 11 năm 1999, tiền thân là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trải qua hơn 2 thập kỷ đồng hành cùng thị trường chứng khoán, BSC đã liên tục mở rộng và phát triển. BSC luôn khẳng định vị thế tiên phong trong việc cung cấp hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ toàn diện, không ngừng mở rộng và phát triển hệ thống với trụ sở chính tại Hà Nội và một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng mạng lưới hỗ trợ khách hàng giao dịch rộng khắp toàn quốc.

Với nguồn lực hiện có cùng sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ BIDV và đối tác chiến lược Hana Securities (Hàn Quốc), BSC đã đang và sẽ không ngừng nỗ lực vươn lên với mục tiêu trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV
Tên viết tắt	BSC
Vốn điều lệ tại 31/12/2024	2.230.607.010.000 VND
Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024	5.061.881.530.671 VND
Trụ sở chính	Tầng 8 & 9, Toà nhà ThaiHoldings,số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiển, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Chi nhánh	Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place, Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Số điện thoại	84-24 39352722 84-28 38218885
Số fax	84-24 22200669 84-28 38218510
Website	www.bsc.com.vn
Mã cổ phiếu	BSI
Ngành nghề	Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.



SỨ MỆNH TẦM NHÌN GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sứ mệnh

Đóng góp tích cực cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích tối ưu cho Đối tác, Khách hàng và Cổ đông của Công ty.

Tầm nhìn

Trở thành **Công ty Chứng khoán hàng đầu, trên nền công nghệ số tiên tiến**, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ toàn diện và tối ưu. Xây dựng nền tảng vững chắc để trở thành Ngân hàng đầu tư khi khuôn khổ pháp lý cho phép (Investment Bank).

Giá trị cốt lõi

Niềm tin (Belief)

Thượng tôn pháp luật, minh bạch và chuyên nghiệp trong hoạt động, để xây dựng niềm tin vững chắc với khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông và người lao động.

Hợp lực (Synergy)

Hợp sức đồng lòng giữa từng cá nhân, từng tập thể trong công ty; giữa sức mạnh nội tại của BSC với đối tác chiến lược... để cùng đóng góp vào sự thành công chung.

Sáng tạo (Creativity)

Không ngừng tư duy, học hỏi và sẵn sàng đón nhận những tri thức mới, công nghệ mới, tiên phong mang đến những lợi ích và tiện ích tốt nhất cho khách hàng và đối tác.

Khẩu hiệu

Chia sẻ cơ hội Hợp tác thành công

Slogan khẳng định BSC luôn đồng hành, đặt khách hàng là trung tâm trong chiến lược phát triển, với cam kết:

- Mang tới các sản phẩm và giá trị tối ưu.
- Mang tới sự thịnh vượng tài chính.
- Thúc đẩy sự phát triển bền vững; mang những giá trị thực, lâu dài cho các cá nhân, tổ chức cũng như cộng đồng xã hội.



CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

NĂM 1999

Thành lập Công ty

Ngày 26/11/1999 được cấp phép thành lập với tên giao dịch Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên, đồng thời là Công ty đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

NĂM 2000

Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

NĂM 2010 – 2011

Chuyển đổi mô hình

- Ngày 17/11/2010 thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng – chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần.
- Ngày 01/01/2011 đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng.
- Ngày 19/07/2011 chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.

NĂM 2013

Vươn lên TOP 10 thị phần môi giới

BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai sàn HNX và HSX. Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu tại HNX.

NĂM 2014 – 2015

Thành tựu ấn tượng trong mảng IB

Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường như tư vấn IPO cho Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex và Vietnam Airlines.

NĂM 2016 – 2018

Nâng cao năng lực tài chính

- Ngày 12/12/2016, tăng vốn điều lệ lên 902 tỷ đồng, đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch hợp đồng tương lai.
- Ngày 27/11/2017, tăng vốn điều lệ lên 976 tỷ đồng.
- Ngày 13/07/2018, tăng vốn điều lệ lên 1.109,7 tỷ đồng.

NĂM 2019 – 2020

Tiên phong phát triển sản phẩm

- Ngày 11/07/2019, tăng vốn điều lệ lên 1.220 tỷ đồng.
- 1 trong 2 Công ty chứng khoán đầu tiên phát hành chứng quyền có đảm bảo trên thị trường.
- Ra mắt 02 sản phẩm mới ứng dụng công nghệ hiện đại hỗ trợ nhà đầu tư là i-Broker và i-Invest; đồng thời ra mắt sản phẩm Quản lý tài sản cá nhân i-Fortune tạo giá trị khác biệt cho khách hàng.

NĂM 2021

Không ngừng cải tiến

- Ra mắt tính năng mở tài khoản trực tuyến trên website và thông qua ứng dụng BIDV SmartBanking có ứng dụng công nghệ eKYC.
- 8 năm liên tiếp giữ vững vị trí TOP 1 thị phần môi giới TPCP trên sàn HNX.
- Tháng 11/2021: BSC chuyển trụ sở mới, mang tới cho khách hàng sự thuận tiện, không gian giao dịch hiện đại, nâng cao trải nghiệm khách hàng.

NĂM 2022

Bước tiến quan trọng

- Tháng 06/2022: Ra mắt ứng dụng đầu tư chứng khoán thể hệ mới – BSC Smart Invest tích hợp nhiều tính năng nổi trội, là là công cụ tiện lợi, thông minh, hiệu quả và hỗ trợ đắc lực cho nhà đầu tư.
- Tháng 09/2022: Hoàn tất giao dịch bán chiến lược với đối tác nước ngoài tổng giá trị đặt mua gần 2.700 tỷ đồng cho 65.730.042 cổ phần nâng tổng vốn chủ sở hữu lên gần 4.400 tỷ đồng.

NĂM 2024

Đồng hành & Phụng sự

Tháng 03/2024: Ký kết thỏa thuận hợp tác nhằm phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm đầu tư an toàn, hiệu quả cho các khách hàng giàu có tại thị trường Việt Nam.

- Tháng 01/2023: BSC chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới với hình ảnh logo trẻ trung, năng động được xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi:

Niềm tin (Belief) – Hợp lực (Synergy) – Sáng tạo (Creativity).

- Tháng 05/2023: Ra mắt nền tảng giao dịch chứng khoán BSC WebTrading phiên bản mới: Giao dịch dễ dàng – Đầu tư nhẹ nhàng.

- Tháng 06/2023: BSC chính thức đổi tên từ "CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam" thành "CTCP Chứng khoán BIDV" và tên viết tắt là BSC.

NĂM 2023

Vươn cánh chuyển mình

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Dịch vụ chứng khoán

Dịch vụ giao dịch chứng khoán

- Mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán.
- Đặt lệnh với các phương thức giao dịch thuận tiện: đặt lệnh qua điện thoại, đặt lệnh tại quầy, đặt lệnh qua web.
- Đặt lệnh đầu thầu trái phiếu chính phủ.
- Dịch vụ đại lý đấu giá.
- Phân phối chứng chỉ quỹ mở.

Dịch vụ tài chính

- Dịch vụ ký quỹ.
- Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.

Dịch vụ đăng ký lưu ký và thanh toán trái phiếu

- Lưu giữ thông tin và danh sách trái chủ.
- Chuẩn bị danh sách trái chủ cho các sự kiện của Tổ chức phát hành và hội nghị người sở hữu trái phiếu.
- Quản lý chuyển nhượng trái phiếu.
- Chốt danh sách, xác định lãi suất và chi trả cổ tức cho các trái chủ.

Tư vấn đầu tư

- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn tái cấu trúc danh mục.
- Tìm kiếm và thực hiện các deal giao dịch lô quản lý tài sản cá nhân.
- Quản lý tài sản cá nhân.
- Cung cấp báo cáo phân tích hàng ngày, định kỳ hoặc đột xuất theo biến động của thị trường tài chính.
- Tư vấn đầu tư các sản phẩm công nghệ i-Broker và i-Invest.

Dịch vụ ngân hàng đầu tư

- Tư vấn cổ phần hóa.
- Tư vấn niêm yết.
- Tư vấn thu xếp nguồn vốn.
- Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng.
- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Tư vấn M&A.

Đầu tư

- Tự doanh cổ phiếu.
- Tự doanh trái phiếu.
- Tự doanh các sản phẩm cấu trúc.

- ◆ DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN
- ◆ TƯ VẤN ĐẦU TƯ
- ◆ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
- ◆ ĐẦU TƯ

25 năm đồng hành & phát triển cùng thị trường chứng khoán Việt Nam, BSC luôn tiên phong trong việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng và toàn diện tới khách hàng. Mục tiêu BSC hướng đến không chỉ ở số lượng mà còn ở chất lượng các sản phẩm, dịch vụ cung cấp, luôn tuân thủ nguyên tắc cao nhất về đạo đức nghề nghiệp, mang lại trải nghiệm tối ưu cho khách hàng.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Với mong muốn nâng cao hơn nữa trải nghiệm của khách hàng, mạng lưới giao dịch được BSC phát triển mở rộng trên toàn quốc. BSC luôn sẵn sàng cung ứng dịch vụ đến khách hàng với sự tận tâm, nhiệt huyết của toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên BSC.

Trụ sở chính

TẦNG 8 & 9, TOÀ NHÀ THAIHOLDINGS

Số 210 Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiến, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

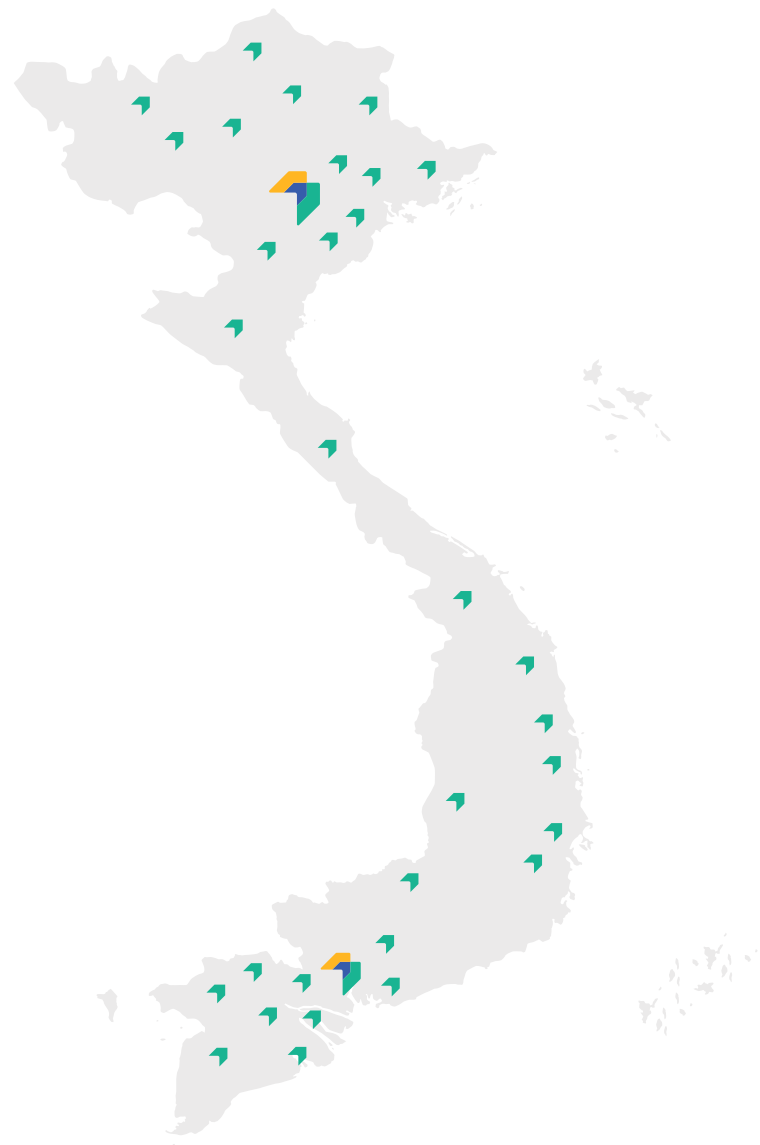
Chi nhánh

TẦNG 4 & 9 TÒA NHÀ PRESIDENT PLACE

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



Mạng lưới khách hàng giao dịch trên toàn quốc



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng phát triển bền vững

BSC xác định phát triển bền vững là mục tiêu quan trọng, là hướng đi lâu dài tạo giá trị cho doanh nghiệp. Là một thành viên hoạt động tích cực vì sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung và nền kinh tế xã hội nói riêng, BSC xây dựng và xác định rõ văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và tinh thần vì cộng đồng, góp phần phát triển xã hội ổn định, bền vững.



Chiến lược phát triển dài hạn



Nhân sự

Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, văn hóa ứng xử và cởi mở đón nhận những tri thức mới, sáng tạo, đổi mới không ngừng.



Công nghệ

Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển và đưa vào vận hành hệ thống các phần mềm ứng dụng tiên tiến, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm công nghệ ứng dụng kỹ thuật số mang tới khách hàng trải nghiệm đầu tư tối ưu.



Khách hàng

Luôn lấy khách hàng là trung tâm trong xây dựng chính sách kinh doanh, sản phẩm dịch vụ; đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng trong việc sử dụng và trải nghiệm các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật số hiện đại.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).



Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 01 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch.



Giải thưởng **Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất** do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn.



Nhận **Huân chương lao động hạng 3** do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.



• Nhận bằng khen của Bộ Tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2013.

• Giải thưởng **Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam** do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.

• Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh **TOP 5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đấu giá cổ phần lớn nhất năm 2014**.



• Giải thưởng **Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam** – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn.

• Giải thưởng **Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam** – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.

• Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh là **Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình**.



• Giải thưởng **Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam** – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn.

• Giải thưởng **Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam** – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.

• Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh là **Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình**.



• Giải thưởng **Best Investment Management 2016** do tạp chí World Finance bình chọn.

• Bộ Tài chính tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho NSNN thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính – Ngân sách năm 2016.



• Giải thưởng **Best Investment Management 2017** do tạp chí World Finance bình chọn.

• HNX trao kỷ niệm chương **Công ty chứng khoán tiêu biểu năm 2017** và **Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh đầu tiên**.



• Giải thưởng **Nhà cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản tốt nhất Việt Nam năm 2018** do tạp chí World Finance tổ chức.

• Giải thưởng **Best Securities Broker Vietnam 2018** do tạp chí CFI bình chọn.

• Top 3 hạng mục Best Overall Country Research, Top 1 hạng mục Best analyst for Automobiles & Components tại giải bình chọn Asia Money Broker Poll 2018 do tạp chí AsiaMoney/EuroMoney, dựa trên khảo sát các khách hàng tổ chức trên toàn cầu.



• Giải thưởng **Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2019** do tạp chí Ngân hàng Tài chính Toàn cầu (Global Finance and Banking) tại London – Anh quốc bình chọn.

• **Top 3 Công ty chứng khoán Việt Nam trong cả 3 hạng mục của Asia Money Broker Poll 2019** –(1) Best overall research, (2) Best overall sales service và (3) Best local brokerage.



• Giải thưởng **Công ty chứng khoán có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu** tại sự kiện Diễn đàn Dịch vụ Tài chính Việt Nam.

• Giải thưởng **Công ty chứng khoán có dịch vụ Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2020** do tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.



• Giải thưởng **Công ty quản lý đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2021** do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

• **06 giải thưởng do Tạp chí Asiamoney trao tặng**

Top 1 Chuyên gia phân tích ngành xây dựng và kỹ thuật

Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới nội địa tốt nhất

Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ phân tích nghiên cứu tốt nhất

Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ bán hàng tốt nhất

Top 2 Công ty chứng khoán có hoạt động giao dịch tốt nhất

Top 3 Công ty chứng khoán tiếp cận doanh nghiệp tốt nhất

• **Vinh danh TOP 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam giai đoạn 2020 – 2021** do báo VnEconomy, Kinh tế Việt Nam và Vietnam Economic Times tổ chức.



• Giải thưởng **Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2022** do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

• Giải thưởng **Nhà phân tích xuất sắc nhất năm 2022** được trao cho ông Trần Thăng Long – Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu công ty BSC do Tạp chí Asiamoney trao tặng.



• Giải thưởng **Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2023** do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

• Giải thưởng **Nhà phân tích định lượng/kỹ thuật xuất sắc nhất Việt Nam năm 2023** được trao cho Bà Đỗ Thu Phương - Phó Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu BSC do Tạp chí Asiamoney trao tặng.

• Giải thưởng **Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam năm 2023** được trao cho Bà Đỗ Thu Hà – Phó phòng Tư vấn đầu tư Khách hàng tổ chức BSC do Tạp chí Asiamoney trao tặng.



• Giải thưởng **Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2024** do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

• Nhận bằng khen của Bộ Tài chính ghi nhận thành tích đóng góp xây dựng, phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024.

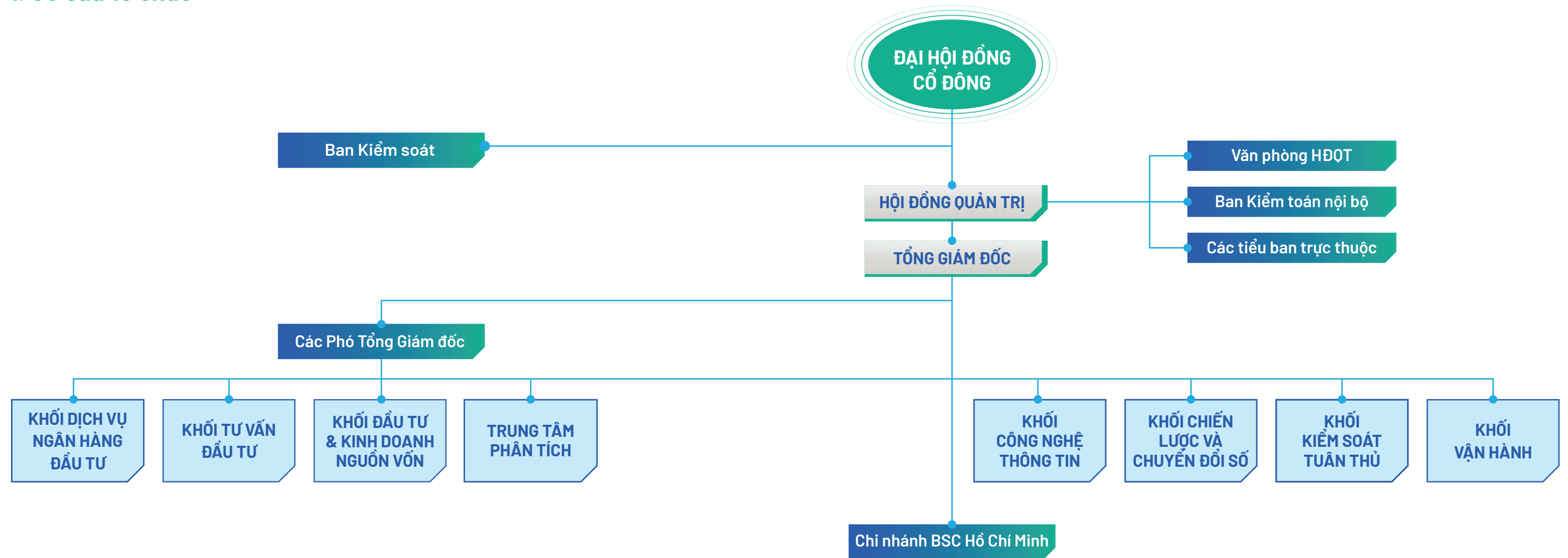
• Nhận bằng khen của Bộ Tài chính ghi nhận thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2020 - 2024, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

• Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam vinh danh BSC trong TOP 10 thành viên giao dịch có thị phần môi giới lớn nhất năm 2024.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

I. Cơ cấu tổ chức



II. Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận



Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư phù hợp quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty trong từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn: Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A); tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp; tư vấn tài chính doanh nghiệp; Đại lý phát hành chứng khoán; Dịch vụ tư vấn bảo lãnh phát hành.



Khối Tư vấn Đầu tư

Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán; phát triển mở rộng các đối tượng khách hàng nhằm gia tăng thị phần Môi giới của Công ty; nghiên cứu, phát triển, quản lý các sản phẩm dịch vụ tài chính có liên quan đến hoạt động Môi giới.



Khối Vận hành

Cung cấp các dịch vụ liên quan đến hoạt động giao dịch, quản lý chứng khoán cho khách hàng, đối tác của công ty; Đầu mối tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ Ban Điều hành công ty trong hoạt động quản trị nội bộ của Công ty bao gồm: quản trị kế hoạch kinh doanh, kế hoạch hoạt động của Công ty và Khối/Trung tâm/Chi nhánh; quản trị kế toán tài chính, quản trị nhân sự, quản trị hành chính; quản trị các hoạt động Truyền thông – Marketing của Công ty.



Khối Kiểm soát tuân thủ

Giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty; Xây dựng chính sách quản trị rủi ro, theo dõi giám sát trạng thái rủi ro toàn Công ty; Đầu mối công tác pháp chế phục vụ hoạt động của Công ty.



Trung tâm Phân tích

Xây dựng, quản lý và cung cấp hệ thống các báo cáo/sản phẩm phân tích phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, khách hàng/đối tác.



Khối Đầu tư và Kinh doanh nguồn vốn

Cân đối và quản lý nguồn vốn của Công ty; Nghiên cứu xây dựng và thực hiện chiến lược đầu tư của Công ty.



Khối Công nghệ thông tin

Xây dựng, phát triển, vận hành hệ thống hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty; Xây dựng, phát triển, vận hành hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.



Khối Chiến lược và Chuyển đổi số

Tham mưu, đề xuất Ban lãnh đạo công ty về chiến lược hoạt động kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ; Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược chuyển đổi số của công ty.



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (TÍNH ĐẾN 31/12/2024)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGÔ VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

1991 – 1998 : Công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
1998 – 2002 : Giám đốc BIDV Chi nhánh Thăng Long
2002 – 2004 : Giám đốc Ban Tín dụng BIDV
2004 – 2007 : Giám đốc Ban Quản lý rủi ro BIDV
2007 – 2015 : Giám đốc BIDV Chi nhánh Hà Nội
2015 – nay : Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
2019 – nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 63.758.143 cổ phiếu, tương đương 28,58 %
Cá nhân sở hữu: 0,0000 %



Ông CHUNG JAE HOON

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

04/2008 – 07/2010 : Trưởng phòng – Ban Phát triển nguồn nhân lực – Công ty Chứng khoán Hana
07/2010 – 06/2012 : Trưởng phòng – Ban Quản lý Kế hoạch – Công ty Chứng khoán Hana
07/2012 – 03/2013 : Phó Giám đốc – Ban Kinh doanh Quốc tế – Công ty Chứng khoán Hana
07/2014 – 04/2018 : Phó Giám đốc – Ban Quản lý tài sản – Công ty Chứng khoán Hana
04/2018 – 01/2021 : Giám đốc – Ban Sản phẩm Dịch vụ Đầu tư – Công ty Chứng khoán Hana
01/2021 – 11/2022 : Giám đốc – Ban bán buôn Dịch vụ tài chính – Công ty Chứng khoán Hana
18/11/2022 – nay : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị BSC
01/12/2022 – nay : Phó Tổng Giám đốc BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 0,0000 %
Cá nhân sở hữu: 0,0000 %



Ông NGUYỄN DUY VIỄN

Thành viên Hội đồng quản trị BSC kiêm Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

2000 – 2007 : Công tác tại BIDV
11/2007 – 09/2009 : Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
09/2009 – 07/2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
07/2012 – 10/2012 : Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
10/2012 – 12/2017 : TGD Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
01/2018 – 03/2019 : Phó Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp – Hội sở BIDV
03/2019 – 06/2020 : Phó Tổng Giám đốc BSC
06/2020 – nay : Thành viên HĐQT kiêm TGD BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 34.777.169 cổ phiếu, tương ứng 15,59 %
Cá nhân sở hữu: 0,0000 %



Ông LIM DO KYOON

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

04/2013 – 07/2013 : Phó Giám đốc – Ban Kinh doanh Quốc tế – Công ty Chứng khoán Hana
07/2013 – 09/2014 : Phó Giám đốc – Ban Chiến lược & Quản trị – Công ty Chứng khoán Hana
09/2014 – 12/2016 : Phó Giám đốc – Ban Chiến lược Toàn cầu – Công ty Chứng khoán Hana
01/2017 – 07/2018 : Giám đốc – Ban Chiến lược & Đổi mới Doanh nghiệp – Công ty Chứng khoán Hana
07/2018 – 12/2018 : Giám đốc – Ban Sản phẩm Đầu tư – Công ty Chứng khoán Hana
12/2018 – 04/2021 : Trưởng phòng – Phòng xúc tiến kinh doanh Ngân hàng đầu tư – Công ty Chứng khoán Hana
05/2021 – nay : Trưởng phòng – Phòng chiến lược toàn cầu – Công ty Chứng khoán Hana
18/11/2022 – nay : Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 0,0000 %
Cá nhân sở hữu: 0,0000 %



Bà HOÀNG THỊ MINH NGỌC

Thành viên Hội đồng quản trị BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Kinh nghiệm chuyên môn:

10/2003 – 07/2004 : Cán bộ – Sở Giao dịch 1 BIDV
08/2004 – 12/2006 : Cán bộ – Chi nhánh Đông Đô BIDV
01/2007 – 05/2011 : Cán bộ – Ban Đầu tư BIDV
05/2011 – 04/2016 : Phó Trưởng phòng – Ban Quản lý đầu tư BIDV
05/2016 – 05/2023 : Trưởng phòng – Ban Quản lý đầu tư BIDV
06/2023 – nay : Phó Giám đốc Ban Quản lý đầu tư BIDV
11/2023 – nay : Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam
04/2024 – nay : Thành viên HĐQT BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 17.388.585 cổ phiếu, tương đương 7,8%

Cá nhân sở hữu: 0,0000%



BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN DUY VIỄN

Thành viên Hội đồng quản trị BSC kiêm Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

2000 – 2007 : Công tác tại BIDV
11/2007 – 09/2009 : Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
09/2009 – 07/2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
07/2012 – 10/2012 : Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
10/2012 – 12/2017 : TGD Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
01/2018 – 03/2019 : Phó Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp – Hội sở BIDV
03/2019 – 06/2020 : Phó Tổng Giám đốc BSC
06/2020 – nay : Thành viên HĐQT kiêm TGD BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 34.777.169 cổ phiếu, tương ứng 15,59%

Cá nhân sở hữu: 0,0000%



Ông CHUNG JAE HOON

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

04/2008 – 07/2010 : Trưởng phòng – Ban Phát triển nguồn nhân lực – Công ty Chứng khoán Hana
07/2010 – 06/2012 : Trưởng phòng – Ban Quản lý Kế hoạch – Công ty Chứng khoán Hana
07/2012 – 03/2013 : Phó Giám đốc – Ban Kinh doanh Quốc tế – Công ty Chứng khoán Hana
07/2014 – 04/2018 : Phó Giám đốc – Ban Quản lý tài sản – Công ty Chứng khoán Hana
04/2018 – 01/2021 : Giám đốc – Ban Sản phẩm Dịch vụ Đầu tư – Công ty Chứng khoán Hana
01/2021 – 11/2022 : Giám đốc – Ban bán buôn Dịch vụ tài chính – Công ty Chứng khoán Hana
18/11/2022 – nay : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị BSC
01/12/2022 – nay : Phó Tổng Giám đốc BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 0,0000%

Cá nhân sở hữu: 0,0000%



Bà NGÔ THỊ PHONG LAN

Phó Tổng Giám đốc BSC kiêm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 6/2001 – 5/2005 : Chuyên viên Phân tích – BSC
- 06/2005 – 12/2006 : Phó Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển – Chi nhánh BSC
- 12/2006 – 05/2007 : Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển – Chi nhánh BSC
- 06/2007 – 12/2010 : Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính – Chi nhánh BSC
- 01/2011 – 03/2011 : Trưởng phòng Tư vấn tài chính – Chi nhánh BSC
- 03/2011 – 06/2014 : Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Campuchia Việt Nam
- 06/2014 – 10/2014 : Trợ lý Tổng Giám đốc BSC
- 27/10/2014 – nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 0,0000%

Cá nhân sở hữu: 15.206 cổ phiếu, tương ứng 0,007%



Ông LÊ QUANG HUY

Phó Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 2002 – 2005 : Chuyên viên tín dụng Sở Giao dịch 1 – BIDV
- 2005 – 2007 : Phó Trưởng phòng Tín dụng – BIDV Chi nhánh Quang Trung
- 2007 – 2008 : Phó Trưởng phòng Tư vấn tài chính BSC
- 2008 – 2010 : Trưởng phòng Tư vấn tài chính BSC
- 2010 – 2012 : Trưởng phòng Tự Doanh BSC
- 2012 – 2018 : Phó Tổng Giám đốc BSC
- 2018 – 2020 : Làm việc tại Công ty Chứng khoán VCBS
- 10/2020 – nay : Phó Tổng Giám đốc BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 0,0000%

Cá nhân sở hữu: 0,0000%



Ông PHẠM XUÂN ANH

Phó Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 1999 – 2005 : Cán bộ tại Bộ Thương mại
- 2008 – 2009 : Chuyên viên phân tích tại BSC
- 2009 – 2011 : Phó Trưởng phòng Phân tích và Tự doanh BSC
- 2012 – 2017 : Trưởng phòng Tư vấn tài chính BSC
- 2017 – 2020 : Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- 10/2020 – nay : Phó Tổng Giám đốc BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 0,0000%

Cá nhân sở hữu: 1 cổ phiếu, tương ứng 0,...001%



Bà TRẦN NGỌC DIỆP

Kế toán trưởng BSC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- 11/2007 – 03/2011: Cán bộ phòng Tài chính kế toán – Hội sở BSC
- 03/2011 – 01/2013: Phó Trưởng phòng Dịch vụ Chứng khoán – Hội sở BSC
- 02/2013 – 11/2016: Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán BSC
- 11/2016 – nay: Kế toán trưởng BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024:

Đại diện sở hữu: 0,0000%

Cá nhân sở hữu: 0,0000%

BAN KIỂM SOÁT

Bà PHẠM THANH THUỶ

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm chuyên môn:

2007 – 02/2009 : Trưởng phòng TCKT BIDV – Chi nhánh Hà Thành
03/2009 – 06/2013 : Phó Giám đốc BIDV – Chi nhánh Hà Thành
07/2016 – nay : Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV
04/2021 – nay : Trưởng Ban Kiểm soát BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2024: 0,0000%



Bà KANG HEE JOUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Kinh nghiệm chuyên môn:

2/2002 – 6/2005 : Nhà phân tích – Trung tâm nghiên cứu
– Công ty Chứng khoán Hana
6/2005 – 1/2009 : Quản lý – Chi nhánh Gwangjangdong – Công ty
Chứng khoán Hana
2/2009 – 12/2018 : Quản lý – Khối Bán hàng Sản phẩm Tài chính
– Công ty Chứng khoán Hana
1/2019 – 12/2020 : Quản lý – Ban IPS – Công ty Chứng khoán Hana
1/2021 – 12/2023 : Quản lý – Ban Quản trị rủi ro – Công ty Chứng
khoán Hana
1/2023 – nay : Quản lý – Ban Thanh tra và Kiểm toán – Công ty
Chứng khoán Hana
04/2023 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2024: 0,0000%



Bà VŨ MINH CHÂU

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Kinh nghiệm chuyên môn:

02/2006 – 11/2012 : Cán bộ Ban Quản lý Đầu tư BIDV
12/2012 – 11/2020 : Phó Trưởng phòng Ban Quản lý Đầu tư BIDV
12/2020 – nay : Trưởng phòng Ban Quản lý Đầu tư BIDV
04/2021 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2024: 0,0000%

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Bà BÙI THỊ HỒNG NHUNG

Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế ngân hàng

Kinh nghiệm chuyên môn:

2009 - 2014 : Kế toán viên BIDV
2014 - 2016 : Chuyên viên Tổ chức hành chính BSC
2016 - 2023 : Chuyên viên Dịch vụ chứng khoán BSC
2023 - 02/2023 : Phó Trưởng phòng Dịch vụ chứng khoán BSC
02/2023 - nay : Trưởng ban Kiểm toán nội bộ BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2024: 0,0000%



VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông PHÙNG MINH SƠN

Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

11/2007 - 10/2008 : Chuyên viên Tín dụng cá nhân Ngân hàng HSBC tại Việt Nam
11/2008 - 04/2010 : Cán bộ phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
04/2010 - 11/2011 : Trưởng phòng Tư vấn tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sacombank
12/2011 - 03/2020 : Cán bộ Ban Quản lý đầu tư BIDV
04/2020 - 08/2022 : Phó Trưởng phòng - Ban Quản lý đầu tư BIDV
09/2022 - 02/2023 : Trưởng ban Kiểm toán nội bộ BSC
02/2023 - 04/2023 : Chánh Văn phòng HĐQT BSC
04/2023 - nay : Chánh Văn phòng HĐQT BSC kiêm Người phụ trách quản trị công ty

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2024: 0,0000%



Ông NGUYỄN ĐỨC MINH

Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính và ngân hàng

Kinh nghiệm chuyên môn:

2009 - 2013 : Kế toán viên BSC
2013 - 2014 : Chuyên viên phòng Tư vấn đầu tư BSC
2014 - 2018 : Chuyên viên phòng Dịch vụ khách hàng BSC
2018 - 04/2024 : Chuyên viên Trung tâm tư vấn BSC
04/2024 - nay : Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2024: 0,0000%



Ông ĐỖ VĂN SƠN

Thư ký Công ty

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tiếng Hàn

Kinh nghiệm chuyên môn:

08/2019 - 12/2019 : Giáo viên tiếng Hàn - Korea Vietnam Culture Communication
10/2020 - 02/2023 : Giáo viên tiếng Hàn - Samsung Multicampus
02/2023 - 04/2023 : Chuyên viên Biên phiên dịch Tiếng Hàn - Văn phòng HĐQT BSC
04/2023 - nay : Thư ký Công ty

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2024: 0,0000%

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2024

01 Môi trường kinh doanh

02 Kết quả kinh doanh 2024



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

I. Diễn biến nền kinh tế trong năm 2024

1. GDP

GDP năm 2024 tăng đều theo từng quý, lần lượt ở mức 5,87%, 7,09%, 7,40%, 7,55% y/y, giúp cho tăng trưởng GDP cả năm +7,09% y/y – mức tăng trưởng cao thứ hai trong 5 năm trở lại đây (chỉ sau 2022). Trong các cấu phần thuộc GDP, Dịch vụ vẫn giữ tỷ trọng cao nhất và có mức đóng góp lớn nhất lên tăng trưởng GDP (tăng trưởng +7,38% y/y, đóng góp 3,26 điểm phần trăm). Cấu phần Công nghiệp và xây dựng, đặc biệt là cấu phần Công nghiệp (thuộc Công nghiệp và xây dựng) ghi nhận mức tăng trưởng nổi bật trong năm +8,32% y/y, đóng góp 2,49 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP, nhờ sự hồi phục mạnh mẽ từ xuất nhập khẩu.

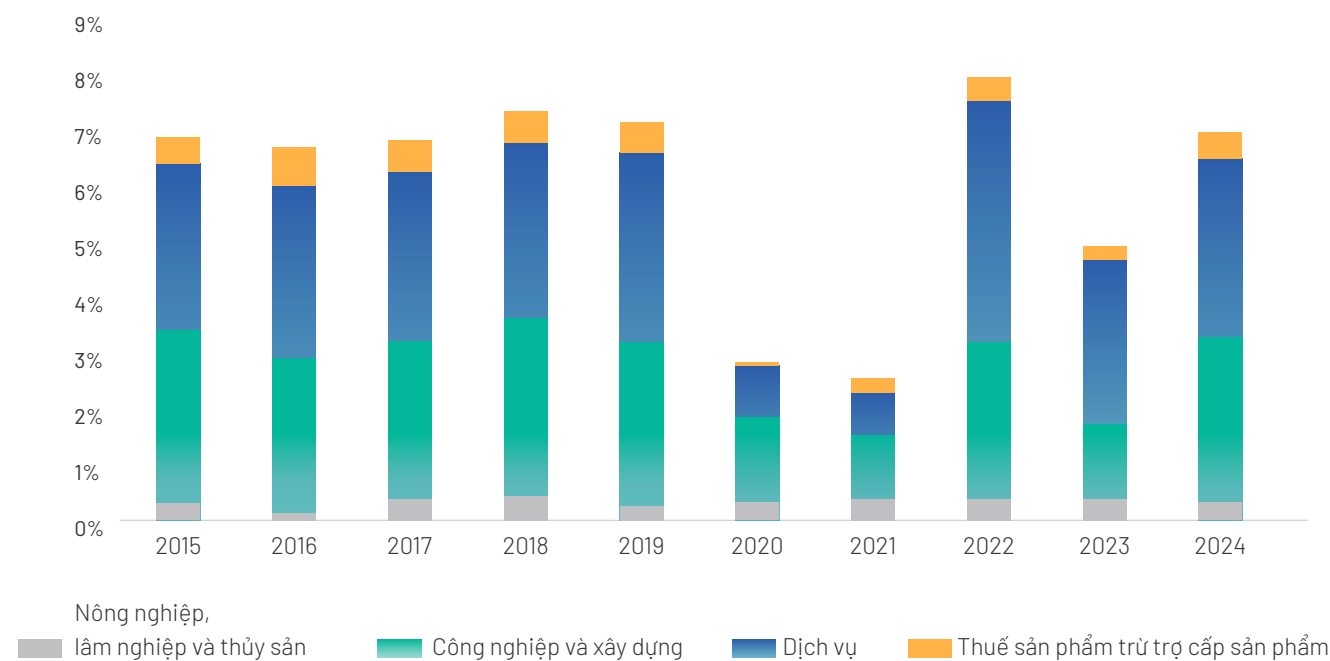
Tuy nhiên, phần đóng góp lớn đến từ khu vực thương mại chưa có tính lan tỏa cao, tăng trưởng tiêu dùng trong năm 2024 vẫn ở mức thấp (+8,96% y/y).

+7,09%

Tăng trưởng GDP năm 2024

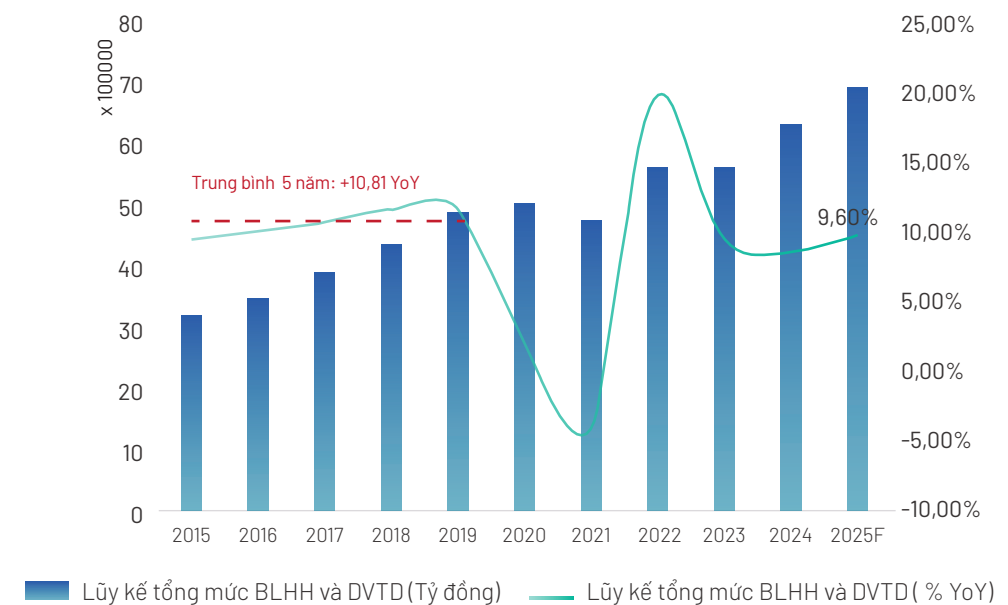
Đồ thị 1: Tăng trưởng GDP hàng năm

Nguồn: GSO, BSC Research



Đồ thị 2: Diễn biến tiêu dùng trong nước

Nguồn: GSO, BSC Research



2. Lạm phát

CPI tháng 12/2024 đạt +2,94% y/y; CPI cơ bản tháng 12/2024 đạt +2,85% y/y; CPI và CPI cơ bản trung bình cả năm 2024 lần lượt đạt +3,63% y/y và +2,71% y/y. Lạm phát 2024 trong tầm kiểm soát do: (1) Giá xăng dầu trong nước giảm theo giá dầu thế giới; (2) Giá gạo trong nước giảm theo giá gạo xuất khẩu khi Chính phủ Ấn Độ gỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo từ cuối tháng 09/2024.

+3,63%

CPI trung bình năm 2024

3. Lãi suất

Trên thị trường l, nơi diễn ra các giao dịch giữa định chế tài chính với doanh nghiệp và dân cư, tăng trưởng tín dụng hồi phục đáng kể bắt đầu từ tháng 05/2024, trong khi tăng trưởng huy động ở mức thấp so với tăng trưởng tín dụng và chính nó trong quá khứ. Tính đến cuối tháng 12/2024, tăng trưởng tín dụng ước đạt 15,08% YTD (cùng kỳ 2023: khoảng +13,8% YTD), tăng trưởng huy động ước đạt +9,1% YTD (cùng kỳ 2023: khoảng +13,2% YTD). Đây là lý do khiến mặt bằng lãi suất huy động trên thị trường một đã có xu hướng tạo đáy và tăng dần qua các tháng kể từ quý 2/2024. Tuy nhiên, ở mặt tích cực, lãi suất cho vay được duy trì ở nền thấp (thấp hơn cả giai đoạn dịch COVID-19). khoảng +13,2% YTD). Đây là lý do khiến mặt bằng lãi suất huy động trên thị trường một đã có xu hướng tạo đáy và tăng dần qua các tháng kể từ quý 2/2024.

Tuy nhiên, ở mặt tích cực, lãi suất cho vay được duy trì ở nền thấp (thấp hơn cả giai đoạn dịch COVID-19).

+15,08%

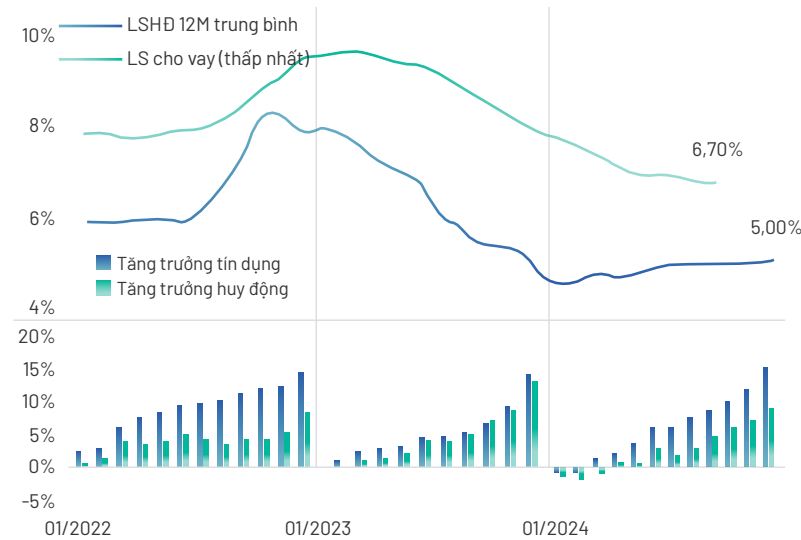
Tăng trưởng tín dụng

+9,1%

Tăng trưởng huy động

Đồ thị 3: Diễn biến thanh khoản thị trường mở

Nguồn: FiinProX, BSC Research

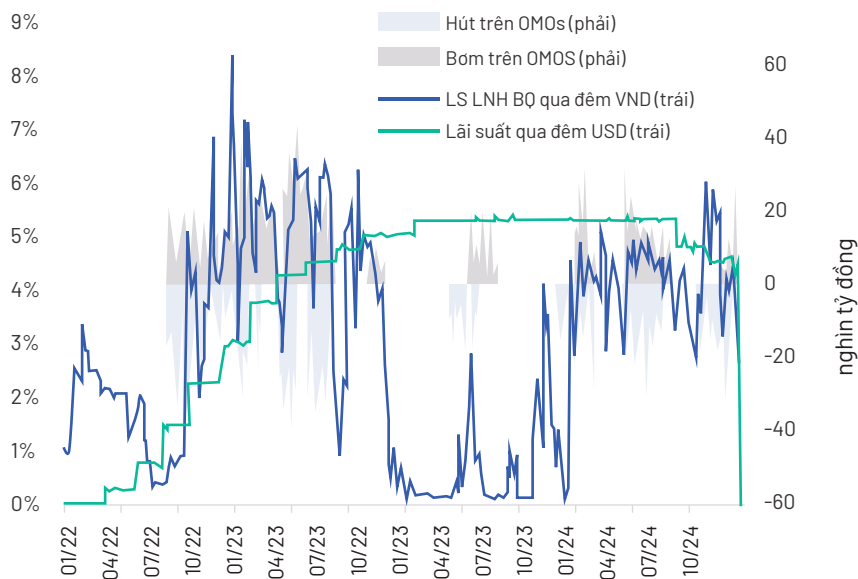


Mặt bằng lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng mạnh từ cuối tháng 03/2024 từ vùng 0% – 3% lên vùng 4% – 6% sau khi NHNN thực hiện bán USD để ổn định tỷ giá. Ngoài ra, hiện tượng thiếu tiền cục bộ tại một số ngân hàng cũng là lý do khiến lãi suất liên ngân hàng tăng.

Để ổn định tỷ giá, NHNN đã điều tiết thanh khoản qua việc bơm và hút tiền trên thị trường mở, kể từ đầu quý 02/2024 đến nay.

Đồ thị 4: Diễn biến thanh khoản thị trường hai

Nguồn: FiinProX, BSC Research

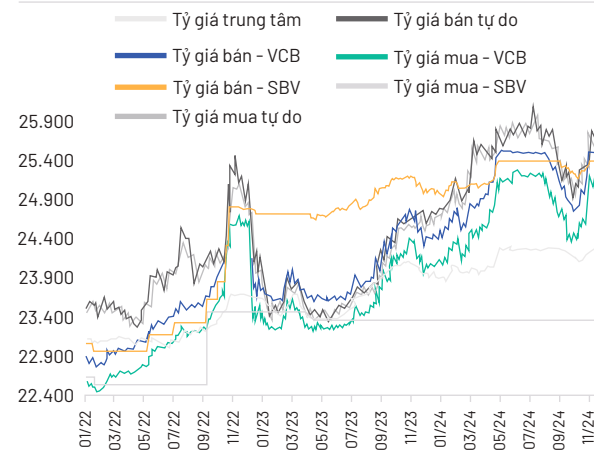


4. Tỷ giá

Tỷ giá USD/VND trung bình năm 2024 tăng khoảng 5% y/y do:

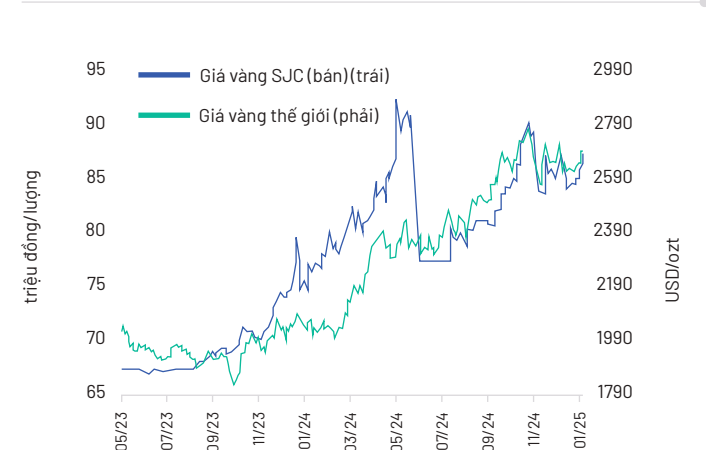
- Chỉ số DXY duy trì ở mức cao bởi việc cắt giảm lãi suất chậm hơn của FED so với các Ngân hàng Trung ương lớn khác trên toàn cầu, cũng như kỳ vọng đồng USD mạnh lên đến từ chính sách của ông Donald Trump.
- Nhu cầu USD trong nước phục vụ cho hoạt động thương mại tăng vọt kể từ cuối quý 2/2024.
- Giá vàng tăng, nguồn cung vàng trong nước hạn chế, một lượng tiền VND chảy qua kênh vàng. Cùng với đó, việc giá vàng trong nước cao hơn giá vàng thế giới, đã kích hoạt nhu cầu USD cho hoạt động buôn lậu vàng.

Đồ thị 5: Diễn biến tỷ giá trong nước



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Đồ thị 6: Diễn biến giá vàng trong nước và quốc tế



Nguồn: Bloomberg, BSC Research tổng hợp

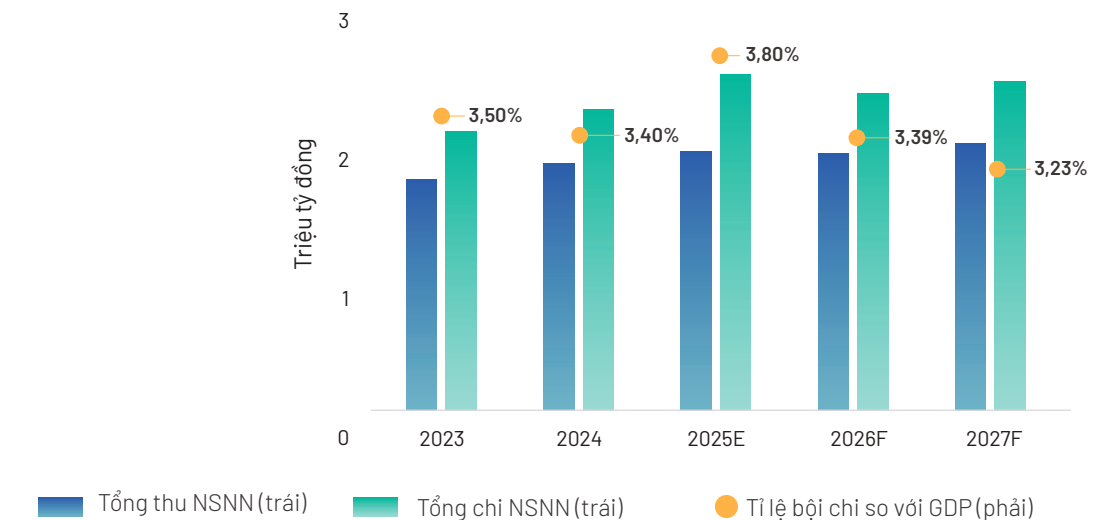
Để ổn định lại tỷ giá cũng như thị trường vàng, NHNN đã thực hiện các biện pháp sau:

- Điều hành chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt, điều tiết thanh khoản trên thị trường mở.
- Bán ngoại tệ giao ngay và can thiệp trên thị trường vàng. Ước tính, đến hết năm 2024, NHNN đã bán 9,1 tỷ USD, đưa mức dự trữ ngoại hối về khoảng 80 tỷ USD.

5. Chính sách tài khóa

Đồ thị 7: Dự kiến cân đối NSNN 2025 – 2027

Nguồn: BSC Research tổng hợp



Thu Ngân sách Nhà nước năm 2024 vượt dự toán, tăng tích cực so với cùng kỳ năm 2023, phản ánh sự phục hồi của nền kinh tế, cũng như những nỗ lực trong công tác quản lý thu ngân sách. Các lĩnh vực thu ngân sách nhà nước đều cơ bản ước đạt và vượt dự toán giao. Trong đó, thu nội địa ước đạt 1.572,7 nghìn tỷ đồng, vượt 8,9% so dự toán; Thu từ dầu thô đạt 59,3 nghìn tỷ đồng, vượt 28,9% so dự toán; Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 235,2 nghìn tỷ đồng, vượt 15,3% so dự toán. Số thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất được miễn, giảm, gia hạn ước khoảng 189,6 nghìn tỷ đồng, góp phần tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Ngoài ra, thuế thu nhập cá nhân cũng ghi nhận mức tăng ấn

tượng nhờ thu từ chuyển nhượng bất động sản, chứng khoán và quản lý hiệu quả các nguồn thu nhập từ nền tảng số, thương mại điện tử, livestream bán hàng. Bên cạnh đó, việc giảm thuế VAT 2% khiến cho ước tính thu 11 tháng năm 2024 giảm 17,3 nghìn tỷ đồng, tuy nhiên, con số thu ngân sách nói chung vẫn ghi nhận tích cực, cho thấy sự phục hồi của nền kinh tế.

Chi Ngân sách Nhà nước năm 2024 không cho thấy nhiều đột phá. Lũy kế đến hết tháng 10/2024, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công chỉ đạt 54% tổng kế hoạch vốn được giao trong năm 2024.

6. Thương mại

Xuất nhập khẩu hồi phục mạnh mẽ từ mức giảm của năm 2023, và ghi nhận tăng trưởng ấn tượng trong năm 2024, cụ thể, xuất khẩu tăng 14,3% y/y; nhập khẩu tăng 16,7% y/y; cán cân thương mại thặng dư 24,8 tỷ USD.

2024, xuất khẩu đạt 405,5 tỷ USD (+14,3% y/y). Xuất khẩu từ khối FDI đạt 289,2 tỷ USD (tỷ trọng 71,3% – tăng trưởng +12,5% y/y).

Các thị trường xuất khẩu của Việt Nam hầu hết đều ghi nhận tăng, ngoại trừ Trung Quốc do tiêu dùng nội địa tại đây vẫn yếu.

Các quốc gia xuất khẩu chính của Việt Nam	Tỷ trọng	Tăng trưởng (y/y)
Hoa Kỳ	29,5%	+23,2%
Trung Quốc	15,1%	+0,01%
Hàn Quốc	6,3%	+9,0%
Nhật Bản	6,1%	+5,6%
Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam	Tỷ trọng	Tăng trưởng (y/y)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	17,9%	+26,6%
Điện thoại và các loại linh kiện	13,3%	+2,89%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	12,9%	+21,0%
Hàng dệt may	9,1%	+11,2%
Giày dép các loại	5,6%	+13,0%

Năm 2024, nhập khẩu đạt 380,76 tỷ USD (+16,7% y/y). Nhập khẩu từ khối FDI đạt 240,7 tỷ USD (tỷ trọng 63,2% – tăng trưởng +15,1% y/y). Nhập khẩu của Việt Nam hồi phục theo xuất khẩu do các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu đều là đầu vào cho khâu sản xuất. Tăng trưởng nhập khẩu bắt đầu ghi nhận sự hồi phục nhanh hơn tăng trưởng xuất khẩu kể từ tháng 05/2024.

Các quốc gia nhập khẩu chính của Việt Nam	Tỷ trọng	Tăng trưởng (y/y)
Trung Quốc	37,8%	+30,2%
Hàn Quốc	14,7%	+6,5%
Đài Loan	6,0%	+23,5%
Nhật Bản	5,7%	-0,2%

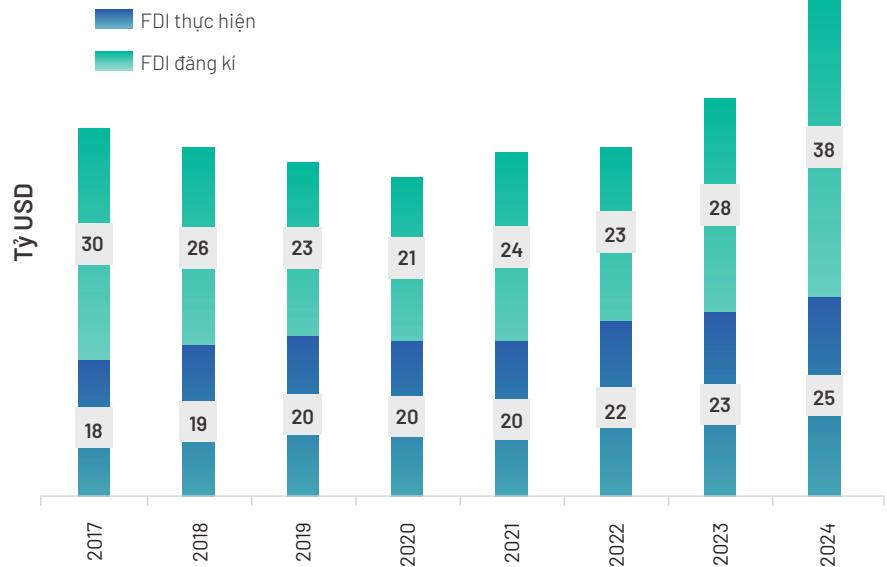
Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam chủ yếu vẫn là hàng hóa đầu vào cho sản xuất:

Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam	Tỷ trọng	Tăng trưởng (y/y)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	28,1%	21,7%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	12,8%	17,6%
Vải các loại	3,9%	14,5%
Sắt thép các loại	3,3%	20,6%
Chất dẻo nguyên liệu	3,1%	20,7%

7. FDI

Đồ thị 8: Dòng vốn FDI vào Việt Nam

Nguồn: FiinProX, BSC Research



Trong năm 2024 có:

- 3.375 dự án mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (tăng 1,8% so với năm 2023), tổng vốn đăng ký đạt gần 17,39 tỷ USD (tăng 0,7% so với cùng kỳ).
- 1.350 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (tăng 12,9% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt hơn 9,93 tỷ USD (tăng 40,7% so với cùng kỳ).
- 3.029 giao dịch góp vốn mua cổ phần của nhà ĐTNN (giảm 7% so với cùng kỳ), tổng giá trị vốn góp đạt gần 4,06 tỷ USD (giảm 39,7% so với cùng kỳ).

Về cơ cấu vốn FDI:

- Ngành Công nghệ chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 25,58 tỷ USD, chiếm gần 66,9% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 1,17% so với năm 2023.
- Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư gần 6,31 tỷ USD, chiếm hơn 16,5% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 18,8% so với năm 2023.

Về đối tác: có 114 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam trong năm 2024. Trong đó:

- Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 10,21 tỷ USD, chiếm hơn 26,7% tổng vốn đầu tư.
- Hàn Quốc đứng thứ hai với gần 7,06 tỷ USD, chiếm 18,5% tổng vốn đầu tư, tăng 37,5% so với năm 2023. Tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản,...
- **Ngoài ra, có một điểm đáng chú ý:** Xét về số dự án, Trung Quốc là đối tác dẫn đầu về số dự án đầu tư mới (chiếm 28,3%); Hàn Quốc dẫn đầu về số lượt điều chỉnh vốn (chiếm 22,8%) và góp vốn mua cổ phần (chiếm 25,2%).

Về địa bàn đầu tư: Các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 56 tỉnh, thành phố trên cả nước trong năm 2024. Cụ thể:

- Bắc Ninh dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 5,12 tỷ USD, chiếm 13,4% tổng vốn đầu tư cả nước, gấp hơn 2,8 lần cùng kỳ.
- Hải Phòng đứng thứ hai với hơn 4,94 tỷ USD, chiếm 12,9% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 42,4% so với năm 2023.
- TP Hồ Chí Minh đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 3,04 tỷ USD, chiếm gần 8% tổng vốn đầu tư cả nước, giảm 49,4% so với năm 2023. Tiếp theo lần lượt là Quảng Ninh, Hà Nội, Bình Dương,...

Nếu xét về số dự án, TP Hồ Chí Minh dẫn đầu cả nước cả về số dự án mới (chiếm 42%), số lượt dự án điều chỉnh vốn (chiếm 15,4%) và góp vốn mua cổ phần (chiếm 69%).

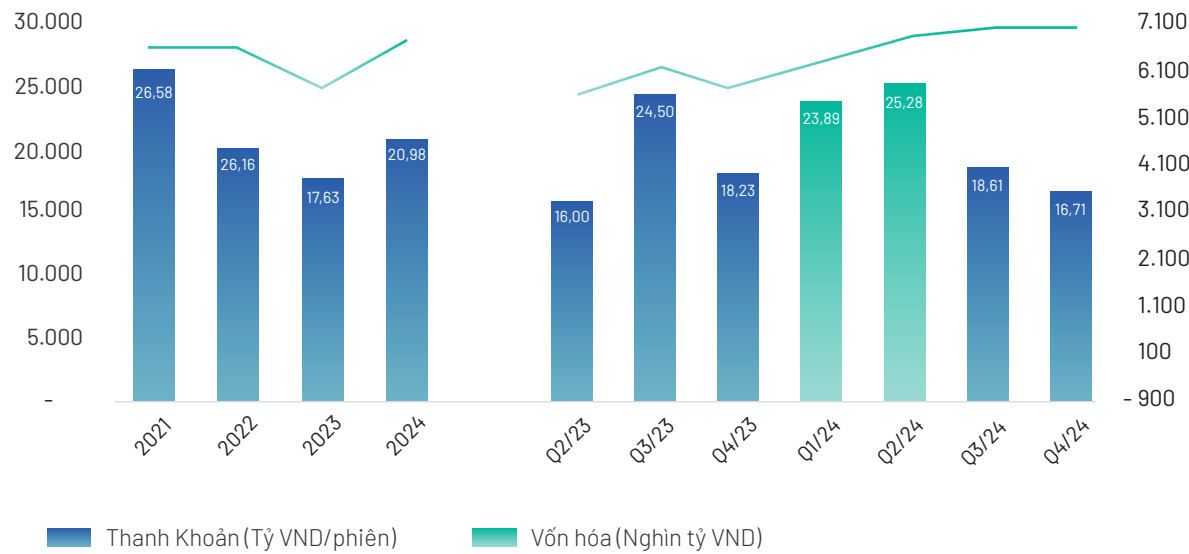
II. Nhìn lại thị trường chứng khoán 2024

Hai gam màu đối lập

Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2024 ghi nhận hai gam màu đối lập. Nửa đầu năm bùng nổ với mức tăng trưởng hơn 10% của VN-Index. Thanh khoản đạt đỉnh hơn 21 nghìn tỷ đồng/phiên (858 triệu USD). Tuy nhiên, bức tranh thịnh vượng nhanh chóng nhường chỗ cho sự trầm lắng trong nửa cuối năm. VN-Index rơi vào trạng thái sideway, dao động trong 1.200 – 1.300 điểm, bất chấp nhiều lần nỗ lực vượt cản. Đáng chú ý, thanh khoản thị trường cũng hạ nhiệt đáng kể. GTGD bình quân chỉ đạt khoảng 18 nghìn tỷ đồng/phiên, báo hiệu sự thận trọng gia tăng trong tâm lý nhà đầu tư.

Biểu đồ: Thanh khoản thị trường chứng khoán

Nguồn: FiinProX, BSC Research

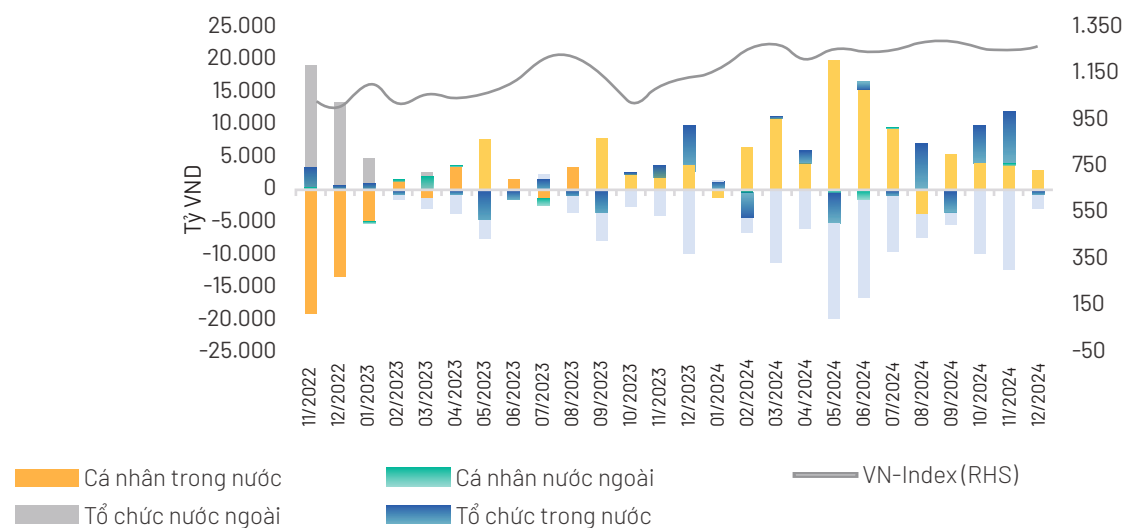


NĐT cá nhân sôi động đầu năm, lạng sóng cuối năm; NĐTNN trầm lắng

Năm 2024, NĐTNN bán ròng kỷ lục hơn 90 nghìn tỷ đồng, tương đương 3,54 tỷ USD, do dòng vốn toàn cầu dịch chuyển sang các thị trường phát triển. Tuy nhiên, NĐT cá nhân trong nước đã trở thành lực cầu chủ đạo, giúp thị trường duy trì thanh khoản. Dù dòng tiền này có phần suy giảm vào cuối năm do áp lực từ các đợt phát hành và sức hút của kênh đầu tư khác, nhưng triển vọng nâng hạng thị trường và làn sóng giải ngân đầu tư công năm 2025 hứa hẹn tạo sức bật mới. Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư công, kỳ vọng tạo hiệu ứng lan tỏa và thúc đẩy đà tăng trưởng của thị trường.

Biểu đồ: Thanh khoản thị trường chứng khoán

Nguồn: FiinProX, BSC Research



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

Trong bối cảnh nền kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam được điều hành ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới 4%, các cân đối lớn được bảo đảm. Tuy nhiên, còn đan xen một số thách thức như áp lực tỷ giá, tăng trưởng tín dụng đạt 11%, thấp hơn mục tiêu đặt ra là 15%. Trước những áp lực đến từ nền kinh tế toàn cầu, thị trường trải qua nhiều biến động trong vùng 1.100 – 1.300 cùng thanh khoản sụt giảm mạnh ở những tháng cuối năm. Trước thách thức đó, hoạt động kinh doanh tại BSC vẫn đạt được những kết quả tích cực, kiểm soát tốt rủi ro đảm bảo an toàn vốn và đạt được kết quả tốt trên nhiều khía cạnh.

1. Tình hình tài chính 2024

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	Thay đổi
A. Tài sản ngắn hạn	9.761.438	8.239.818	18%
1. Tài sản tài chính	9.744.116	8.220.951	19%
Tiền và các khoản tương đương tiền	284.434	817.121	-65%
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	3.083.693	1.779.661	73%
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.024.903	1.245.058	-18%
Các khoản cho vay	5.200.190	4.295.818	21%
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	34.411	-	-
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-6.380	-6.354	0%
Tài sản tài chính khác	116.334	80.779	44%
2. Tài sản ngắn hạn khác	17.323	18.867	-8%
B. Tài sản dài hạn	553.617	86.561	540%
1. Tài sản tài chính dài hạn	466.314	0	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	466.314	0	-
2. Tài sản cố định	27.589	29.010	-5%
3. Tài sản dài hạn khác	59.714	57.551	4%
TỔNG TÀI SẢN	10.315.056	8.326.379	24%

C. Nợ phải trả	5.253.174	3.641.964	44%
1. Nợ phải trả ngắn hạn	5.235.252	3.636.264	44%
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	4.876.835	2.803.543	74%
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	0	500.000	-100%
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	252.171	222.827	13%
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	0	0	-
Nợ phải trả ngắn hạn khác	106.245	109.895	-8%
2. Nợ phải trả dài hạn	17.923	5.700	214%
D. Vốn chủ sở hữu	5.061.882	4.684.415	8%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.287.263	4.084.487	5%
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-4.286	0	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		0	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		0	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	778.905	599.928	30%
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	10.315.056	8.326.379	24%

Về tài sản: Tại thời điểm cuối năm 2024, tổng tài sản của BSC đạt 10.315 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm 95% tổng tài sản, tương đương 9.761 tỷ đồng. Cụ thể, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) đạt 3.084 tỷ đồng, tăng mạnh 73%; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đạt 1.025 tỷ đồng, giảm 18%; trong khi các khoản cho vay đạt 5.200 tỷ đồng, tăng 21%. Danh mục tài sản đầu tư của BSC chủ yếu gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành – những tài sản có độ an toàn cao, giúp Công ty đạt được mức chênh lệch lãi suất tốt đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động nguồn vốn.

Về nguồn vốn: Tại ngày 31/12/2024, nguồn vốn chủ sở hữu của BSC đạt 5.062 tỷ đồng, tăng 8% so với cuối năm 2023; nguồn vốn nợ đạt 5.253 tỷ đồng, tăng 44% nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

10.315 tỷ đồng

Tổng tài sản

5.062 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

BSC luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo các giới hạn trong mọi hoạt động kinh doanh. Công tác quản lý tài sản và dòng tiền được vận hành linh hoạt, kết hợp với việc kiểm soát chặt chẽ để tối ưu hóa lợi nhuận, đồng thời không phát sinh rủi ro thanh toán hay thanh khoản, đáp ứng tốt các yêu cầu kinh doanh. Công ty thực hiện quy trình kiểm soát nhiều lớp, từ các bước kiểm soát tại tác nghiệp, quản trị rủi ro, đến việc rà soát của bộ phận Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ. Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng theo Thông tư 91/2020/TT-BTC được duy trì ở mức cao, đạt 680% tại ngày 31/12/2024, thuộc nhóm tốt theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Nhờ quản trị tài sản và nguồn vốn hiệu quả, linh hoạt, BSC đã đạt được sự cân bằng giữa mục tiêu phát triển kinh doanh và kiểm soát rủi ro trong năm 2024.

Hoạt động quản trị tài sản – nguồn vốn được Công ty vận hành hiệu quả, linh hoạt giữa các hoạt động kinh doanh và tập trung vào công tác quản trị rủi ro trong năm 2024.



Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	1.410.672	1.258.998	12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	865.272	808.187	7%
Lợi nhuận trước thuế	515.686	509.048	1%
Lợi nhuận sau thuế	413.071	408.260	1%
Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Thay đổi
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,86	2,27	-18%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,51	0,44	16%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,04	0,78	33%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	29,3%	32,4%	-10%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,2%	8,7%	-6%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,0%	4,9%	-18%
4. Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.852	1.692	9%
- Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	1.852	1.692	9%

2. Kết quả kinh doanh 2024

Sau giai đoạn tăng điểm trong Quý I, thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào giai đoạn điều chỉnh từ tháng 4 trước việc bán ròng kỷ lục của khối Ngoại cũng như áp lực tỷ giá. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2024, chỉ số VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12% so với cuối năm 2023. Trong 6 tháng cuối năm, thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh, bình quân ở mức 17.675 tỷ đồng/phiên (giảm 27% so với 6 tháng đầu năm 2024 đạt 24.600 tỷ đồng/phiên) cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Lũy kế cả năm 2024, giá trị giao dịch thị trường đạt bình quân 21.017 tỷ đồng/phiên, tăng 19% so với bình quân năm 2023. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp có sự phục hồi tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn.

Kết thúc năm 2024, BSC đạt kết quả kinh doanh khả quan với lợi nhuận trước thuế đạt 515,69 tỷ đồng, tăng 1% so với mức thực hiện năm 2023. Trong năm 2024, dù phải đối mặt với những thách thức từ môi trường kinh doanh còn nhiều bất lợi, BSC đã xuất sắc hoàn thành mục tiêu kép: duy trì tăng trưởng lợi nhuận, và chuyển đổi thành công mô hình tổ chức mới. Bước chuyển mình này không chỉ khẳng định năng lực thích ứng và quản trị chiến lược của Công ty mà

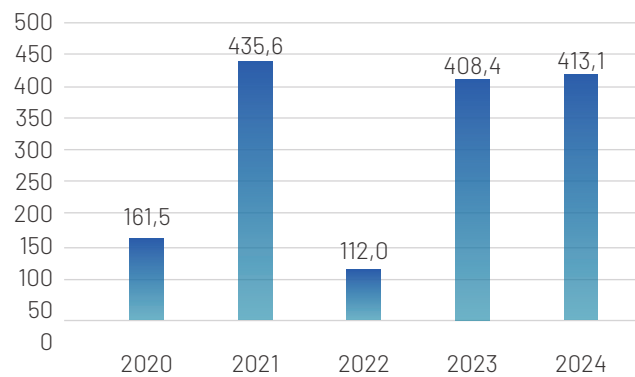
còn đặt nền móng vững chắc, tạo đà cho những bước tiến mạnh mẽ hơn trong tương lai.

515,69 tỷ đồng

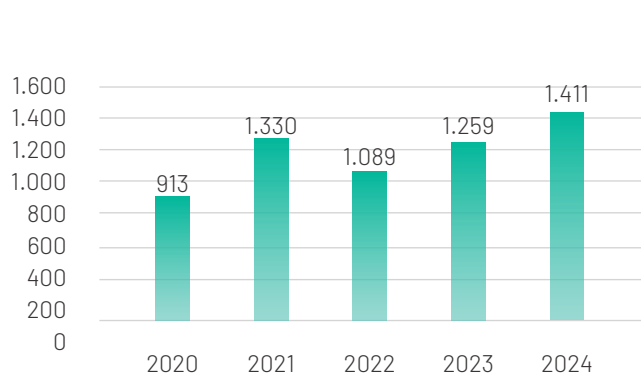
Lợi nhuận trước thuế

Kết quả kinh doanh BSC giai đoạn 2020-2024 (tỷ đồng)

Lợi nhuận sau thuế



Doanh thu hoạt động



HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

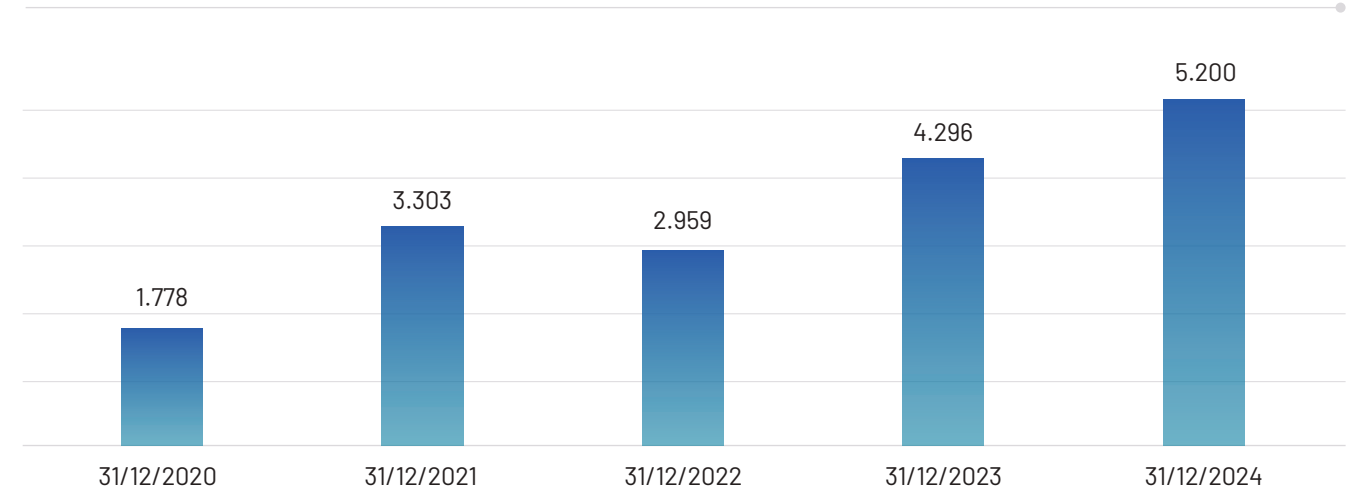
Mở rộng quy mô cho vay song hành kiểm soát rủi ro

Quy mô cho vay margin của BSC ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, đạt 5.200 tỷ đồng, tăng 22% so với cuối năm 2023. Trong giai đoạn 5 năm 2020 - 2024, tốc độ tăng trưởng kép dư nợ cho vay đạt 30,8%/năm, phản ánh sự mở rộng bền vững và hiệu quả trong hoạt động cho vay của Công ty.

Năm 2024, BSC không chỉ chú trọng mở rộng quy mô cho vay để tạo lợi nhuận mà còn kiên định với mục tiêu kép: thúc đẩy giao dịch qua các chính sách sản phẩm cạnh tranh và đảm bảo kiểm soát rủi ro chặt chẽ. Công ty đã chủ động triển khai mô hình quản trị rủi ro theo "3 lớp phòng vệ" bao gồm kiểm soát tại bộ phận vận hành, quản trị rủi ro tại cấp chuyên trách, và giám sát độc lập từ kiểm toán nội bộ. Song song đó, BSC liên tục đánh giá, quản lý hạn mức theo từng khách hàng và danh mục, bám sát diễn biến thị trường nhằm tối ưu hóa tính cạnh tranh của sản phẩm trong khi vẫn đảm bảo an toàn vốn.

Nhờ các biện pháp quản trị rủi ro đồng bộ và kịp thời, hoạt động cho vay margin tại BSC trong năm qua đã đạt hiệu quả tối ưu, với kết quả nổi bật là không phát sinh nợ xấu – một minh chứng rõ ràng cho năng lực quản lý và cam kết phát triển bền vững của Công ty.

Quy mô dư nợ cho vay tại BSC giai đoạn 2020-2024 (tỷ đồng)



Doanh thu môi giới

298,9
tỷ đồng

Duy trì doanh số giao dịch ổn định

Năm 2024, doanh thu môi giới BSC đạt 298,9 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2023 trước áp lực cạnh tranh giảm phí của các công ty chứng khoán cùng ngành.

Trong bối cảnh thị trường đối mặt với nhiều thách thức trong hoạt động kinh doanh, BSC đã biến khó khăn thành cơ hội bằng cách tập trung mạnh mẽ vào chiến lược chuyển đổi số. Công ty không ngừng hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ, nhằm nâng cao chất lượng, tối ưu hóa tiện ích và mang lại trải nghiệm vượt trội cho khách hàng. Đây là bước đi chiến lược, khẳng định tầm nhìn dài hạn và cam kết của BSC trong việc đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhà đầu tư.

Biểu đồ doanh thu môi giới các năm (triệu đồng)



Mở rộng nền tảng khách hàng

Bên cạnh hoàn thiện hệ thống sản phẩm dịch vụ, mở rộng nền tảng khách hàng cũng được BSC chú trọng.

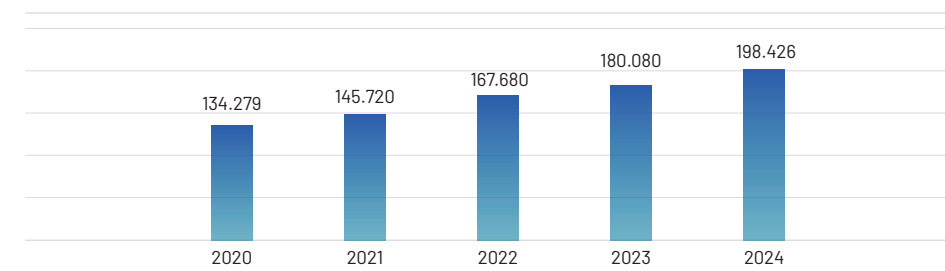
Dịch vụ môi giới cho khách hàng cá nhân

BSC đã đạt được nhiều thành tựu ấn tượng về tăng trưởng khách hàng trong năm 2024 thông qua việc nghiên cứu, điều chỉnh và triển khai các chính sách sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Cụ thể, BSC đã áp dụng mức phí ưu đãi 8,5% cho khách hàng mới, góp phần thúc đẩy hoạt động giao dịch và thu hút khách hàng mới, triển khai chương trình khuyến mãi dành riêng cho khách hàng mở tài khoản thông qua các đối tác lớn như BIDV và FireAnt, mở rộng tệp khách hàng và củng cố nền tảng nguồn thu bền vững,... Nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty, BSC đã tổ chức chương trình tri ân sự đồng hành của khách hàng với tổng giá trị giải thưởng lên đến gần 250 triệu đồng.

Năm 2024 ghi nhận 18.436 tài khoản mới được mở tại BSC, nâng tổng số tài khoản quản lý lên gần 199 nghìn tài khoản, tương ứng với mức tăng trưởng 10% so với năm 2023. Với định hướng phủ sóng toàn quốc, BSC đã tích cực mở rộng dịch vụ tại hầu hết các chi nhánh và phòng giao dịch của BIDV, đảm bảo khách hàng được hỗ trợ kịp thời và hiệu quả.

Những sản phẩm dịch vụ linh hoạt và chính sách khách hàng tối ưu đã giúp BSC giữ vững niềm tin của nhà đầu tư, đồng thời duy trì vị trí trong Top 10 thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn UPCoM, khẳng định năng lực và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Với sự cam kết không ngừng cải tiến và đổi mới, BSC tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu, mang lại giá trị bền vững và sự hài lòng tối đa cho khách hàng.

Số lượng tài khoản BSC



Dịch vụ môi giới khách hàng tổ chức

Nền tảng khách hàng tổ chức giao dịch qua BSC tiếp tục được chú trọng mở rộng trong năm 2024, tiêu biểu là các quỹ lớn trên thị trường như SSIAM, Vinacapital, DCVFM, IPAAM, KIM, CTBC, Bảo Việt Fund, FairFax ... Đối với mảng môi giới trái phiếu, BSC tiếp tục duy trì vị thế thuộc nhóm dẫn đầu môi giới trái phiếu chính phủ, thể hiện chất lượng dịch vụ ổn định, chuyên nghiệp cũng như sự tin nhiệm cao với các đối tác là các Ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm.

Nâng cao chất lượng tư vấn

Đa dạng các báo cáo phân tích, khuyến nghị:

Với uy tín 25 năm trên thị trường, chất lượng báo cáo tư vấn phục vụ khách hàng cá nhân và tổ chức luôn được BSC chú trọng. BSC đã phát triển và thực hiện cung ứng toàn diện các sản phẩm phân tích theo thông lệ thị trường, có tính dẫn dắt thị trường. Trong năm 2024, BSC đã thực hiện 363 báo cáo phân tích gồm 125 bản tin hàng ngày, 61 báo cáo doanh nghiệp, 25 báo cáo tuần, 12 báo cáo Vĩ mô tháng, 3 báo cáo Ngành lớn và được dịch ra Tiếng Anh và Tiếng Nhật nhằm liên tục cập nhật các thông tin, tìm kiếm các mã cổ phiếu tốt khuyến nghị cho Nhà đầu tư.

Danh mục khuyến nghị đạt hiệu suất cao:

BSC xây dựng danh mục khuyến nghị đáp ứng đa dạng nhu cầu đầu tư và phương án quản trị rủi ro tương ứng bao gồm Danh mục BSC10, BSC30, BSC50. Trong đó, danh mục BSC10 ổn định và kết quả tốt với hiệu quả đầu tư đạt 38,6% trong năm 2024.

Với nỗ lực mang tới cho nhà đầu tư và khách hàng các báo cáo cập nhật tin tức

nhANH chóng và kịp thời đến khách hàng, BSC đã được thị trường ghi nhận, đánh giá cao về chất lượng dịch vụ và nhận được nhiều giải thưởng danh giá do các Tạp chí tài chính lớn, uy tín trên thế giới: - Giải thưởng **“Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2024”** do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

Số lượng tài khoản

▲18.436
so với năm 2023

Giải thưởng

**“Nhà môi giới
chứng khoán tốt
nhất Việt Nam
năm 2024”**



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tăng trưởng tốt trong điều kiện thị trường còn nhiều khó khăn

Hoạt động Tư vấn tài chính của BSC trong năm 2024 vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, tuy nhiên từ nửa cuối quý II, hoạt động này cho thấy dấu hiệu khởi sắc với các hợp đồng tư vấn thu xếp vốn cho các ngân hàng thương mại cổ phần và các doanh nghiệp lớn như Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB) và Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB), Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (Becamex IDC)... Lũy kế năm 2024, doanh thu hoạt động Tư vấn tài chính đạt 14,4 tỷ đồng, tăng 124% so với năm 2023.



ĐẦU TƯ & KINH DOANH NGUỒN VỐN

Điều tiết và sử dụng vốn hiệu quả, nâng cao lợi suất đầu tư

Trong năm 2024, trước những biến động của thị trường, BSC đã thành công trong việc tận dụng tốt các nhịp tăng của thị trường và quản trị rủi ro chặt chẽ trước những đợt giảm điểm. Năm 2024, lợi nhuận từ các tài sản ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) và các tài sản nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM) đạt 320 tỷ đồng.

Hoạt động đầu tư bao gồm 02 mảng chính:

- **Đầu tư cổ phiếu và sản phẩm cấu trúc:** Năm 2024, BSC nắm bắt tốt các cơ hội của thị trường và tập trung vào việc đầu tư cổ phiếu của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt. Hoạt động đầu tư cổ phiếu trong năm 2024 đã đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận với tỷ suất sinh lời đạt 22,4%, hiệu quả cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng của VN-Index (tăng 12%). Ngoài ra, BSC tiếp tục hoạt động phát hành chứng quyền dựa trên các cổ phiếu cơ sở là ACB, FPT, HPG, MWG, TCB,... cùng với đó BSC đã thực hiện các biện pháp tạo lập thị trường tích cực nhằm cung cấp cho Nhà đầu tư các sản phẩm đầu tư có đòn bẩy và thanh khoản cao.
- **Đầu tư trái phiếu và các giấy tờ có giá khác:** Trong năm 2024, hoạt động kinh doanh TPCP, GTCG gặp khó khăn khi lãi suất trái phiếu chính phủ duy trì xu hướng tăng gần như trong 5 tháng đầu năm, chỉ với rất ít sự điều chỉnh. Bên cạnh đầu tư hưởng chênh lệch lãi suất, các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi đều là các tài sản có tính an toàn cao được BSC đầu tư nhằm mục tiêu phục vụ cho hoạt động nguồn vốn, đáp ứng đầy đủ, kịp thời và hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2025

01

Bối cảnh thị trường 2025

02

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025



BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG 2025

I. Dự báo diễn biến nền kinh tế trong năm 2025

1. GDP

Sang năm 2025, BSC kỳ vọng GDP vẫn sẽ tăng trưởng tốt, động lực chính chuyển từ thương mại sang thúc đẩy tăng trưởng trong nước. Một số công tác đã và đang được thực hiện để chuẩn bị cho động lực tăng trưởng này bao gồm:

- Điều hành chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt, điều tiết thanh khoản trên thị trường mở.
- Kế hoạch giải ngân đầu tư công cao. Ngày 04/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1508/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch đầu tư vốn Ngân sách Nhà nước năm 2025, trong đó Chi đầu tư phát triển 790,7 nghìn tỷ, +16,7% y/y – mức tăng cao thứ hai trong nhiều năm trở lại đây, sau năm 2023 (+38,1% y/y). Chúng tôi cũng kỳ vọng khi thể chế đã ổn định, bộ máy được tinh gọn, việc giải ngân đầu tư công sẽ hanh thông hơn.
- Chính phủ tiếp tục hỗ trợ tiêu dùng trong nước. Từ năm 2022, Chính phủ đã giảm VAT từ 10% xuống 8% và chính sách này vẫn được kéo dài tới hiện tại. Ngày 30/11/2024, Quốc hội đã đồng ý tiếp tục giảm 2% trong nửa đầu năm 2025 đối với các nhóm hàng hóa tương tự như năm 2022.



Hiện tại, bối cảnh vĩ mô của Việt Nam ủng hộ cho việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng. Lạm phát năm 2025 sẽ nằm trong tầm kiểm soát do các yếu tố gây áp lực tăng đối với lạm phát đều hạ nhiệt so với 2024 như giá xăng dầu, giá gạo,..., tạo dư địa cho CSTT trong nước tiếp tục nổi lên. Tuy nhiên, có những yếu tố bất định ở thời điểm hiện tại và cần quan sát trong tương lai, tiêu biểu là các chính sách dưới thời Trump 2.0 có khả năng khiến lạm phát Hoa Kỳ tăng trở lại, gián tiếp khiến tốc độ hạ lãi suất của FED chậm lại hoặc kết thúc sớm hơn.

BSC dự báo GDP năm 2025:

+6,5%

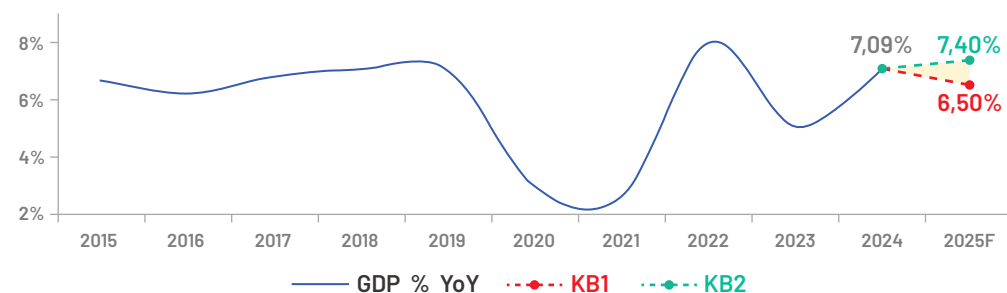
KB1: GDP tăng trưởng y/y

+7,4%

KB2: GDP tăng trưởng y/y

Đồ thị 9: Dự báo tăng trưởng GDP 2025

Nguồn: BSC Research



2. Lạm phát

Sang năm 2025, BSC dự báo lạm phát sẽ nằm trong tầm kiểm soát nhờ:

Giá dầu thế giới được dự báo ở mức thấp do (1) Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc yếu; (2) Sản lượng tại Hoa Kỳ tăng; (3) Ông Donald Trump đưa ra quan điểm muốn bãi bỏ các quy định cản trở khai thác dầu khí và than. Những điều này tạo động lực cho giá xăng dầu trong nước tiếp tục ở mức thấp (Đồ thị 06).

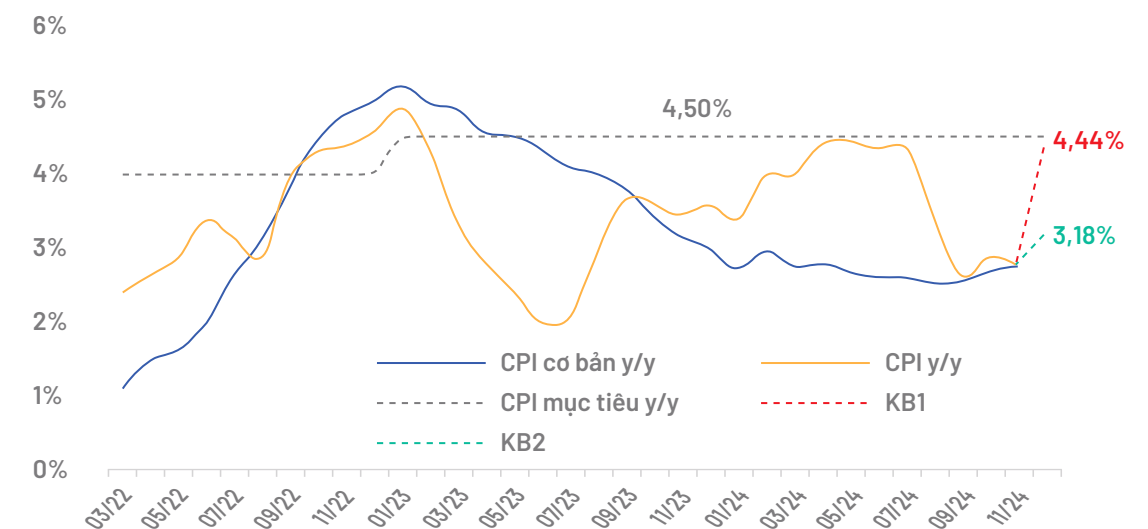
Giá gạo trong nước giảm theo giá gạo xuất khẩu sau khi Chính phủ Ấn Độ gỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo từ cuối tháng 09/2024 (Đồ thị 07).

BSC dự báo CPI trung bình trong năm 2025 sẽ ở mức 3,18% – 4,44% với các giả định như sau:

KB1: CPI trung bình năm 2025 ở mức 4,44% y/y	KB2: CPI trung bình năm 2025 ở mức 3,18% y/y
Giá dầu Brent ở mức 92 USD/thùng (giá trị cao nhất của Bloomberg consensus)	Giá dầu Brent ở mức 73,69 USD/thùng (giá trị trung bình của Bloomberg consensus)
Giá heo hơi trung bình đạt +68.000/kg	Giá heo hơi trung bình đạt 65.000/kg
Giá điện được điều chỉnh hai lần, tăng 7 – 8%	Giá điện được điều chỉnh một lần, tăng 5%
Giá y tế được điều chỉnh tăng 8%	Giá y tế, học phí giữ nguyên
Học phí được điều chỉnh tăng 7,5%	

Đồ thị 10: Dự báo CPI Việt Nam năm 2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research



3. Lãi suất

BSC dự báo mặt bằng lãi suất trên thị trường một có khả năng tiếp tục duy trì ổn định hoặc nhích tăng nhẹ với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trung bình ở mức 5% – 5,5% dựa vào:

- 1 Chu kỳ nói lỏng CSTT quy mô toàn cầu đã và đang diễn ra (dù chậm hơn dự kiến).
- 2 Lạm phát trong năm 2025 dự báo nằm trong tầm kiểm soát, tạo điều kiện cho NHNN tiếp tục CSTT nói lỏng.
- 3 Giải ngân đầu tư công được thúc đẩy giúp tăng trưởng cung tiền được cải thiện. (Tăng trưởng cung tiền tính đến 25/12/2024 đạt +9,42% YTD, đây là mức tăng trưởng thấp thứ hai sau năm 2022 trong giai đoạn 2019 – 2024).

4. Tỷ giá

Các yếu tố thuận lợi đối với tỷ giá trong năm 2025

- 1 Kỳ vọng FED tiếp tục CSTT nói lỏng (dù có thể chậm hơn kỳ vọng). Chênh lệch tốc độ cắt giảm lãi suất giữa FED và các Ngân hàng Trung ương lớn trên toàn cầu thu hẹp.
- 2 Thặng dư thương mại và dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ cải thiện tình trạng mất cân bằng cung cầu USD trong nước.
- 3 Du lịch Việt Nam hồi phục.

Các yếu tố khiến tỷ giá tăng trong năm 2025

Chính sách của ông Donald Trump rất khắc nghiệt có thể khiến kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng đi kèm với lạm phát tăng trở lại. Điều này khiến FED hạ lãi suất chậm hơn so với kỳ vọng.

BSC dự báo tỷ giá USD/VND trung bình năm 2025 như sau:

KB1: **26.056** **KB2:** **25.554**

tương ứng mức tăng khoảng +4% y/y.

tương ứng mức tăng khoảng +2% y/y.

5. Chính sách tài khóa

Thu Ngân sách Nhà nước tăng nhanh, nhưng Chi Ngân sách Nhà nước lại không có nhiều tiến triển, điều này đã tạo ra một lượng lớn tiền chưa được giải phóng ra khỏi nền kinh tế. Kết hợp với kế hoạch Ngân sách Nhà nước 2025, dự toán chi đầu tư phát triển 790,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 31% tổng chi ngân sách nhà nước, rõ ràng, các nhà điều hành đang có cả không gian và công cụ để hướng đến mục tiêu thúc đẩy nền kinh tế. Một khi khơi thông được những điểm nghẽn về vốn trong nền kinh tế, tác động của chính sách tài khoá thông qua giải ngân đầu tư công sẽ mang lại những hiệu quả tích cực, và tạo ra hiệu ứng lan toả đến nhiều ngành nghề trong nền kinh tế.



BSC dự báo kịch bản giải ngân vốn từ Ngân sách Nhà nước năm 2025:

KB1: Tỷ lệ giải ngân

85%

(672 nghìn tỷ VND)

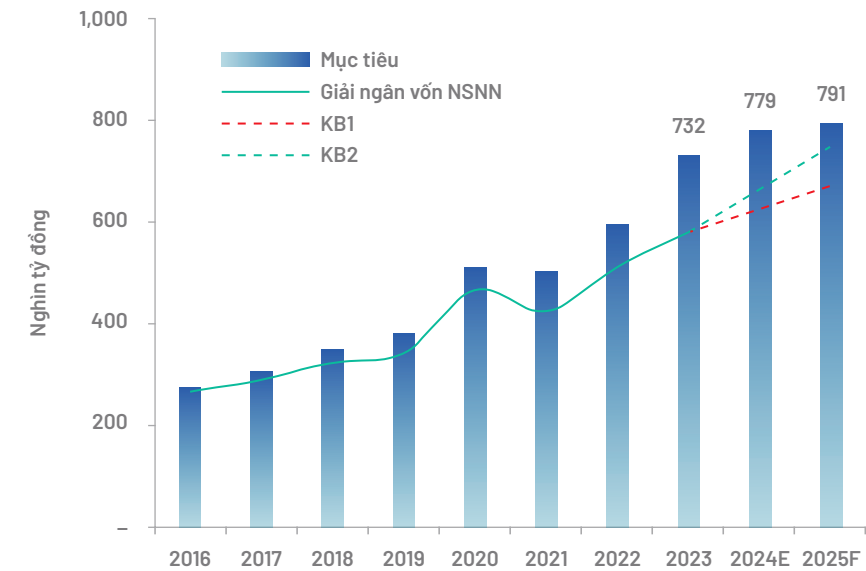
KB2: Tỷ lệ giải ngân

95%

(751 nghìn tỷ VND)

Đồ thị 11: Dự toán Giải ngân vốn NSNN

Nguồn: BSC Research



6. Thương mại

Các yếu tố thuận lợi đối với thương mại Việt Nam:

- 1 Chu kỳ nói lỏng CSTT quy mô toàn cầu đã và đang diễn ra (dù chậm hơn dự kiến).
- 2 Có thể sẽ có một đợt nhập khẩu lớn từ Hoa Kỳ trước khi các chính sách áp thuế lên hàng hóa nhập khẩu của Tổng thống Donald Trump chính thức được áp dụng.
- 3 Tăng trưởng hàng tồn kho tại Hoa Kỳ thấp.
- 4 Trong trường hợp chính sách áp thuế của Tổng Thống Donald Trump chủ yếu nhắm vào Trung Quốc khiến chiến tranh thương mại Hoa Kỳ – Trung Quốc trở nên nghiêm trọng hơn, Việt Nam có thể tiếp tục hưởng lợi từ xu hướng “Trung Quốc +1”, “Phòng hộ Trung Quốc +1”, “Friend-shoring” (Tham khảo báo cáo ngắn về Chiến tranh thương mại Hoa Kỳ – Trung Quốc 2024).
- 5 Trung Quốc – thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam hiện đang (1) dư thừa sản xuất và (2) cầu tiêu dùng trong nước yếu. Giá hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc đã giảm mạnh (Đồ thị 32), không gây áp lực đối với khâu sản xuất cũng như lạm phát Việt Nam.

Các yếu tố bất lợi đối với thương mại Việt Nam:

- 1 Chính sách thuế đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump.
- 2 Bất ổn địa chính trị tại vùng Trung Đông có thể gây ra đứt gãy chuỗi cung ứng.

BSC dự báo tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2025:

KB1: Tăng trưởng xuất nhập khẩu ở mức

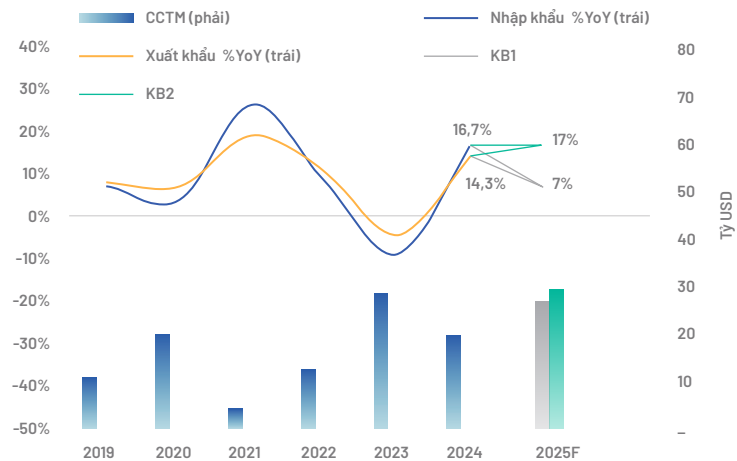
7%

KB2: Tăng trưởng xuất nhập khẩu ở mức

17%

Đồ thị 12: Dự báo tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam

Nguồn: FiinProX, BSC Research



7. FDI

Nhìn về năm 2025 và xa hơn: Các cơn gió ngược trong ngắn hạn như chính sách thương mại của ông Donald Trump, Thuế tối thiểu toàn cầu có thể gây ra những tác động tiêu cực trong ngắn hạn đối với dòng vốn FDI.

Tuy nhiên, nhìn về trung dài hạn, xu hướng dịch chuyển dòng vốn FDI đến Việt Nam sẽ vẫn duy trì do:

- 01** Xu hướng “Trung Quốc + 1” duy trì, các doanh nghiệp dịch chuyển chuỗi sản xuất cung ứng ra bên ngoài Trung Quốc.
- 02** Xu hướng “Phòng hộ Trung Quốc +1” sẽ tiếp tục mở rộng, khi chính các doanh nghiệp Trung Quốc cũng chuyển dịch ra nước ngoài trước những lo ngại áp thuế đến từ các nước phương Tây, cụ thể là Hoa Kỳ, lên Trung Quốc.
- 03** Chính phủ đã nhận diện được các vấn đề liên quan đến Thuế tối thiểu toàn cầu, và đang xây dựng các chính sách phù hợp để thu hút dòng vốn FDI.
- 04** Việt Nam có cơ sở hạ tầng được cải thiện đáng kể, lực lượng lao động trong độ tuổi vàng, số lượng nhân lực có trình độ gia tăng, kết hợp với nền tảng chính trị ổn định, tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTAs), cũng như sở hữu nhiều mối quan hệ song phương tốt với các cường quốc kinh tế trên thế giới.

BSC dự báo dòng vốn FDI năm 2025:

KB1: Tăng trưởng so với năm 2024

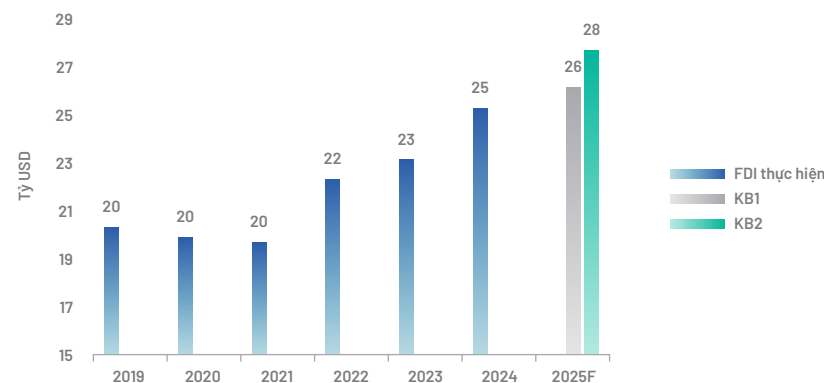
3-5%
(Khoảng 26 tỷ USD)

KB2: Tăng trưởng so với năm 2024

95%
(Khoảng 28 tỷ USD)

Đồ thị 13: Dự báo dòng vốn FDI năm 2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research



II. Thị trường chứng khoán 2025: VN-Index – Tiền Hung Hậu Cát

Dựa trên bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước, cùng các yếu tố vĩ mô, chính sách và xu hướng thị trường, BSC Research đưa ra những luận điểm chính cho triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025:

1 Động lực từ cuộc cách mạng “thể chế, nhân lực, kết cấu”

Những cải cách quan trọng về thể chế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, và đầu tư mạnh mẽ vào kết cấu hạ tầng đang tạo ra nền móng vững chắc cho sự phát triển kinh tế. Các dự án quy mô lớn như sân bay Long Thành và cao tốc Bắc – Nam nâng cao sức hấp dẫn của thị TTCK.

2 Đa hồi phục kinh tế vĩ mô và môi trường lãi suất thấp

Bên cạnh những dấu hiệu phục hồi rõ rệt của nền kinh tế vĩ mô, lạm phát được kiểm soát ổn định và lãi suất duy trì ở mức thấp tiếp tục là yếu tố thuận lợi, tạo điều kiện cho dòng vốn vào TTCK.

3 Triển vọng nâng hạng

Việt Nam đang từng bước giải quyết các vấn đề còn tồn tại nhằm đáp ứng tiêu chí nâng hạng lên thị trường mới nổi sơ cấp của FTSE. Thông tư 68/TT-BTC đã tháo gỡ nút thắt về prefunding. Song song với đó, Luật Chứng khoán sửa đổi, hệ thống giao dịch mới và giải quyết room ngoại. Những cải cách này tạo nền tảng quan trọng để thu hút dòng vốn ngoại và thúc đẩy sự phát triển của TTCK.

Đầu năm khó & cuối năm lên

Thị trường chứng khoán năm 2025 dự kiến sẽ phân hóa rõ rệt giữa hai nửa của năm. Trong nửa đầu năm, tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, lo ngại về rủi ro thuế quan, ẩn số chính sách Trump 2.0 và cần thời gian để chủ trương tinh gọn bộ máy hiệu quả, dẫn đến TTCK khó khăn với dao động sideway hoặc điều chỉnh. Tuy nhiên, càng gần nửa cuối năm, các chính sách thúc đẩy đầu tư hạ tầng, nâng hạng và tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế được kỳ vọng sẽ hỗ trợ nền kinh tế phục hồi, có thể tạo động lực giúp thị trường tăng trưởng tích cực.

Bảng: Các chỉ báo thị trường từ 2020 – 2024

Nguồn: BSC tổng hợp

Các tiêu chí	2020	2021	2022	2023	2024
Tiêu chí chung					
VN-Index	1.103,87	1.498,28	1.007,09	1.129,93	1.266,78
% tăng trưởng	14,9%	35,7%	-32,8%	12,2%	12,1%
HNX-Index	203,12	473,99	205,31	231,04	227,43
UPCOM-Index	87,04	71,65	112,68	74,45	56,56
Số công ty niêm yết					
% tăng trưởng					
VN-Index	392	404	402	394	392
HNX-Index	353	345	341	327	313
UPCOM-Index	910	892	892	862	886
Số tài khoản (nghìn tài khoản)	2.771	4.311	6.897	7.292	9.298
% tăng trưởng	17%	56%	60%	6%	28%
Tài khoản nước ngoài	35	40	43	45	48
Tài khoản trong nước	2.736	4.271	6.854	7.247	9.250
Vốn hóa thị trường (tỷ USD)	162	232	157	179	208
% tăng trưởng	24%	43%	-33%	14%	16%
Giá trị mua/bán ròng khối ngoại (triệu USD)	-602	-2.287	1.061	-975	-3.569
Tiêu chí thanh khoản					
GTGD trung bình/phiên 3 sàn (triệu USD)	292	1.051	797	697	830
% tăng trưởng	59%	260%	-24%	-13%	19%
Số lượng CP giao dịch BQ từ 1 triệu USD/ngày trên HOSE	63	127	120	104	113
Định giá					
VN-Index					
- P/E	21,7	18,1	11,0	13,8	14,1
- P/B	2,4	2,8	1,6	1,6	1,7
HNX-Index					
- P/E	15,0	27,2	16,5	28,4	28,4
-P/B	1,7	2,8	1,2	1,2	1,2

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Trong bối cảnh thị trường năm 2025 có nhiều diễn biến khó lường, BSC đã xây dựng các nhóm kế hoạch hành động chiến lược nhằm tối ưu hóa sức mạnh nội tại, khắc phục những nhược điểm hiện có, và linh hoạt thích nghi với các điều kiện thị trường. Các kế hoạch này được thiết kế hướng tới việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh đã được đề ra, đồng thời củng cố vị thế của BSC trên thị trường.

Kế hoạch hành động 2025 đối với từng nhóm giải pháp như sau:



I. Các giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty



Nâng cao năng lực tài chính

Sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính, tìm kiếm các nguồn vốn giá rẻ trong nước và nước ngoài nhằm tối ưu hóa nguồn vốn và tiết kiệm chi phí vốn.



Mở rộng mạng lưới bán hàng

Phát triển nhóm khách hàng VIP, khách hàng nước ngoài thông qua các chính sách sản phẩm ưu đãi chuyên biệt. Hợp tác với các cổ đông lớn (BIDV, Hana Securities) thúc đẩy hợp tác bán chéo và đa dạng các kênh bán hàng. Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, mở rộng tệp khách hàng.



Thúc đẩy mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư

Tích cực trong việc tìm kiếm các giao dịch Tư vấn tài chính. Nỗ lực vượt qua khó khăn của thị trường để đạt mục tiêu, tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược Hana Securities và BIDV. Nghiên cứu đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực tài chính xanh và phát triển bền vững, nỗ lực vượt qua khó khăn của thị trường để đạt được mức doanh thu mục tiêu, tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược HSC và BIDV, nghiên cứu đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực tài chính xanh và phát triển bền vững.



Nâng cao chất lượng dịch vụ

Phát triển hệ sinh thái sản phẩm đa dạng và phù hợp với từng phân khúc khách hàng mục tiêu cho nhóm khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức. Nghiên cứu và cập nhật chính sách sản phẩm, chính sách giá để tăng tính cạnh tranh, cải thiện tỷ lệ khách hàng active. Ứng dụng công nghệ trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, nâng cấp phần mềm giao dịch nhằm cải thiện trải nghiệm khách hàng. Nâng cao chất lượng báo cáo phân tích, phát triển hoạt động phân tích nghiên cứu theo hướng hỗ trợ sâu sát cho hoạt động của các khối kinh doanh và các đối tượng khách hàng đặc thù.



Nâng cao hiệu quả đầu tư

Bám sát thị trường, nắm bắt cơ hội kinh doanh, phân bổ danh mục đáp ứng tiêu chí vừa đầu tư, vừa quản trị được rủi ro thị trường. Phát triển các mảng kinh doanh vốn mang lại nguồn thu bền vững thông qua phát triển các khách hàng là các định chế tài chính, các quỹ.

II. Công tác quản trị điều hành



Hoàn thiện cơ chế quản trị

Thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của các phòng ban minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của bên liên quan.



Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ

Củng cố, nâng cao kỷ luật lao động, tính tuân thủ quy trình, quy chế trong các hoạt động; Tăng cường tư vấn, nâng cao kiến thức pháp luật, chính sách.



Nâng cao năng lực quản trị rủi ro

Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro; rà soát, cập nhật các chính sách, quy định quản trị rủi ro nhằm đảm bảo quy định pháp luật và theo các chuẩn mực, nguyên tắc quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế.

III. Công tác hoàn thiện hệ thống



Hoàn thiện chính sách nhân sự

Thực hiện rà soát, cải tiến đồng bộ hệ thống chính sách nhân sự, chính sách động lực gắn với thực tiễn và tạo động lực thúc đẩy hiệu quả kinh doanh, sử dụng lợi ích làm thước đo, đảm bảo công bằng và thu nhập.



Đầu tư và nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin

Nâng cấp, thay thế các phần mềm ứng dụng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật ngay khi KRX đi vào vận hành; Tăng cường năng lực cơ sở hạ tầng và kiểm soát an ninh bảo mật CNTT; Nâng cấp các phần mềm giao dịch trực tuyến.



Phát triển đội ngũ

Tăng cường đào tạo nhân sự nhằm phát triển và bồi dưỡng nguồn nhân lực, sẵn sàng cho sự đổi mới và sáng tạo.



Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số

Xây dựng hệ sinh thái sản phẩm số, nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua các dự án: xây dựng ứng dụng Mtrader (nền tảng giao dịch trực tuyến tích hợp với ứng dụng BIDV Smart banking), bổ sung tính năng Copytrading, nền tảng giao dịch chứng chỉ quỹ.

IV. Hoạt động quản lý thương hiệu và các hoạt động cộng đồng



Đẩy mạnh truyền thông thương hiệu

Xây dựng Chiến lược truyền thông phù hợp với từng phân khúc khách hàng với từng sản phẩm dịch vụ; Đẩy mạnh hoạt động truyền thông thương hiệu, vinh danh thương hiệu BSC hoạt động hiệu quả, minh bạch, phát triển bền vững.



Tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội

Tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, tài trợ cho giáo dục và y tế nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Những nỗ lực này khẳng định cam kết của BSC đối với sự phát triển cộng đồng và củng cố uy tín thương hiệu trên thị trường.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 01 Thông tin cổ đông
- 02 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 03 Báo cáo của Ban kiểm soát
- 04 Giao dịch, thù lao & các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát & Ban điều hành



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV tại thời điểm 31/12/2024:

I. Thông tin cổ phần

Tổng số cổ phần BSI	223.060.701 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	223.060.701 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	65.730.042 cổ phiếu

II. Thông tin cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số GCNĐKKD/ĐKSH	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % /Vốn điều lệ
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0100150619	Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	115.923.897	51,97%
2	Hana Securities CO., LTD	CB1827	82, Uisadang-daero, Youngdeungpo-gu, Seoul	78.087.289	35,01%

III. Cơ cấu cổ đông

Nguồn: VSDC, BSC tổng hợp

Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn vs cổ đông khác			
Cổ đông khác	6338	29.049.515	13,02%
Cổ đông lớn	2	194.011.186	86,98%
Cổ đông tổ chức vs cá nhân			
Nhà đầu tư cá nhân	6302	16.217.388	7,27%
Nhà đầu tư tổ chức	38	206.843.313	92,73%
Cổ đông nước ngoài vs trong nước			
Nhà đầu tư trong nước	6216	131.989.157	59,17%
Nhà đầu tư nước ngoài	124	91.071.544	40,83%
Cổ đông nhà nước và cổ đông khác			
Cổ đông nhà nước	0	0	0%
Cổ đông khác	6340	223.060.701	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	6340	223.060.701	100%

IV. Tình hình thay đổi vốn điều lệ trong năm 2024

Vốn điều lệ đầu năm:

2.027.831.270.000 đồng

Giá trị cổ phần phát hành thêm trong năm (theo mệnh giá):

202.775.740.000 đồng

Vốn điều lệ sau phát hành:

2.230.607.010.000 đồng

Lý do thay đổi:

Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông (tỷ lệ thực hiện 10%)



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Tình hình hoạt động của Công ty năm 2024

1. Bối cảnh kinh tế – xã hội năm 2024

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục trên đà phục hồi với mức tăng trưởng ước đạt 3,2%, tương đương năm trước (theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế – IMF). Tuy nhiên, đà phục hồi này không đồng đều giữa các khu vực, phản ánh sự phân hóa rõ nét giữa nhóm nền kinh tế phát triển và đang phát triển, cũng như giữa các lĩnh vực dịch vụ và sản xuất. Điểm sáng đáng chú ý là xu hướng giảm của lạm phát tại nhiều quốc gia, đặc biệt tại Mỹ và khu vực EU, tạo dư địa để các ngân hàng trung ương điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng và ổn định thị trường tài chính. Trong bối cảnh đó, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã bắt đầu thực hiện một số đợt giảm lãi suất từ nửa cuối năm 2024, góp phần hỗ trợ tăng trưởng.

Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với hàng loạt thách thức đáng kể. Căng thẳng địa chính trị tại Ukraine và Trung Đông tiếp tục leo thang, gây gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng và đẩy giá dầu lên cao, tác động trực tiếp đến lạm phát và tăng trưởng. Trong khi đó, sự cạnh tranh công nghệ và thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng gay gắt, với các biện pháp kiểm soát xuất khẩu làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, những vấn đề về nợ công, biến đổi khí hậu và rủi ro tài chính – tiền tệ vẫn là mối lo ngại lớn đối với nhiều quốc gia, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng GDP 7,09%, cao thứ hai trong vòng 5 năm trở lại đây. Động lực chính đến từ ngành dịch vụ với mức tăng 7,38%, nhờ vào

sự phục hồi mạnh mẽ của du lịch và tiêu dùng nội địa. Ngành công nghiệp cũng ghi nhận mức tăng 8,32%, nhờ sự phục hồi của hoạt động sản xuất và xuất khẩu, đặc biệt trong các lĩnh vực như điện tử và linh kiện, máy móc thiết bị, nông thủy sản và dệt may. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 786,3 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3% và nhập khẩu tăng 16,7%, với Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của tiêu dùng nội địa vẫn chưa đạt mức kỳ vọng, chỉ ở mức 8,96%, cho thấy sức mua của người dân chưa thực sự bứt phá.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 trải qua nhiều biến động do tác động đan xen của các yếu tố trong nước và quốc tế. Chỉ số VN-Index dao động trong khoảng 1.200 – 1.300 điểm, được hỗ trợ bởi chính sách tiền tệ thuận lợi và dòng tiền nội địa, vốn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định của thị trường. Tuy vậy, áp lực bán rong kỷ lục từ khối ngoại, lên tới 92.565 tỷ đồng, phản ánh tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư nước ngoài trước những bất ổn kinh tế toàn cầu và tình hình chênh lệch lãi suất giữa trong và ngoài nước. Đồng thời, nỗ lực từ Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) trong việc tháo gỡ rào cản, cải thiện tính minh bạch và thúc đẩy quá trình nâng hạng thị trường đã tạo ra những tín hiệu tích cực đáng lưu ý. Tuy nhiên, tác động từ chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn, cùng với những biến động vĩ mô toàn cầu, vẫn là yếu tố gây áp lực lên thị trường, khiến TTCK Việt Nam trong năm 2024 có nhiều biến động và chưa đạt được sự bứt phá như mong đợi.

2. Kết quả kinh doanh của BSC năm 2024

Năm 2024, Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh khả quan, bám sát kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 515,68 tỷ đồng, tăng 1% so với năm 2023, với sự đóng góp tích cực của các hoạt động môi giới, cho vay ký quỹ và tự doanh. Đây cũng là năm thứ ba liên tiếp BSC ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế vượt 500 tỷ đồng, khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 8,5%/năm, với tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2024 đạt 10.315 tỷ đồng, tăng 24% so với cuối năm 2023. Bên cạnh đó, nền tảng khách hàng tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với 18.346 tài khoản mở mới, đạt 117% kế hoạch năm, phản ánh sự tin tưởng của nhà đầu tư đối với dịch vụ và sản phẩm của BSC.

Về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, năm 2024 đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc tối ưu hóa nền tảng giao dịch và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Công ty đã hoàn thiện dự án Webtrading giai đoạn 2, triển khai thành công website mới và ứng dụng tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) vào các nghiệp vụ nội bộ, giúp nâng cao hiệu suất vận hành. Đồng thời, BSC cũng đã hoàn thành xây dựng Chiến lược chuyển đổi số trung và dài hạn để triển khai ngay từ đầu năm 2025. Những nỗ lực này không chỉ giúp công ty gia tăng năng lực cạnh tranh mà còn đặt nền móng cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Với những thành tích ấn tượng trong năm 2024, BSC tiếp tục nhận được sự ghi nhận và đánh giá cao từ thị trường cũng như các tổ chức uy tín. Công ty vinh dự nhận được Giải thưởng “Nhà Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2024” do tạp chí Global Banking & Finance Review trao tặng, khẳng định chất lượng dịch vụ và sự chuyên nghiệp trong hoạt động môi giới chứng khoán. Đồng thời, BSC cũng được Bộ Tài chính trao tặng các Bằng khen “Đã có thành tích đóng góp trong xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt

Nam giai đoạn 2020-2024” và Bằng khen “Đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2020-2024, góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước”. Những giải thưởng và vinh danh này không chỉ là sự công nhận cho những nỗ lực của BSC trong việc phát triển thị trường tài chính, mà còn là động lực thúc đẩy công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng và cộng đồng.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

1. Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC hiện bao gồm các Ông/Bà sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT
5	Ông Lim Do Kyoony	Thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên Hội đồng quản trị của BSC đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán, với cơ cấu đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm nhiệm điều hành, không điều hành và thành viên HĐQT độc lập.

2. Vai trò, trách nhiệm và hoạt động của HĐQT trong năm 2024

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty; ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo sự vận hành thống nhất, hiệu quả của Công ty. Đồng thời, HĐQT tiến hành công tác quản trị và giám sát hoạt động của Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất. HĐQT cũng đã nhanh chóng và kịp thời quyết định các vấn đề trọng yếu thuộc thẩm quyền, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được diễn ra thông suốt, hiệu quả.

Trong năm 2024, để thông qua các vấn đề quan trọng trong hoạt động của Công ty, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp tập trung và 140 lần xin ý kiến bằng văn bản, qua đó ban hành tổng cộng 179 nghị quyết/quyết định. Các cuộc họp của

HĐQT được tổ chức nhằm mục đích thảo luận, bàn bạc và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền, đảm bảo chỉ đạo kịp thời, phù hợp với biến động của thị trường trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của BSC.

Danh mục các cuộc họp của HĐQT, tỷ lệ tham dự của từng thành viên và số lượng nghị quyết/quyết định quan trọng được ban hành đều được công bố đầy đủ trong Báo cáo quản trị Công ty, tuân thủ đúng các quy định áp dụng đối với tổ chức niêm yết và công ty đại chúng.

Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2024 như sau:

➤ Ban hành Chính sách quản trị rủi ro năm 2024	➤ Phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch điều hành nội bộ Công ty năm 2024
➤ Thông qua Báo cáo quản trị Công ty năm 2023 và Báo cáo quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2024	➤ Phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán nội bộ
➤ Thông qua Chiến lược đầu tư Giấy tờ có giá của Tổ chức tín dụng năm 2024	➤ Chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
➤ Thông qua Chiến lược tự doanh Trái phiếu Chính phủ năm 2024	➤ Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty và cập nhật vốn điều lệ mới tại Điều lệ Công ty
➤ Thông qua Chiến lược tự doanh Trái phiếu Doanh nghiệp năm 2024	➤ Ban hành thay thế quy định về phân cấp, ủy quyền của HĐQT cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty
➤ Thông qua Chiến lược đầu tư Cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ, Hợp đồng tương lai và Chứng quyền năm 2024	➤ Ban hành Kế hoạch dự phòng tình huống khẩn cấp của BSC
➤ Bổ sung quy hoạch cán bộ BSC	➤ Ban hành Quy trình Quản trị rủi ro nghiệp vụ Chứng quyền có bảo đảm
➤ Giao KPI Công ty năm 2024	➤ Ban hành Quy chế Công bố thông tin sửa đổi
➤ Thông qua nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ 2024	➤ Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá KPI Công ty và quyết toán quỹ lương Công ty năm 2024
➤ Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 23/04/2024 đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty	➤ Giám sát và chỉ đạo việc thực hiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty
➤ Phê duyệt kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024	➤ Quyết định các vấn đề trọng yếu theo phân cấp, thẩm quyền
➤ Phê duyệt Mô hình tổ chức và Quy chế tổ chức của Công ty	➤ Chỉ đạo công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định
➤ Thành lập các Khối, Phòng, Trung tâm theo Mô hình tổ chức mới	➤ Đôn đốc và giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch Kinh doanh năm 2024
➤ Kiện toàn nhân sự theo Mô hình tổ chức mới	➤ Thông qua các giao dịch vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc
➤ Ban hành Quy định Phòng, chống rửa tiền tại BSC	➤ Thông qua các văn bản chế độ thuộc thẩm quyền HĐQT

(Chi tiết về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định đã được thông qua trong Phụ lục 01 và 02 đính kèm)

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát từ HĐQT và phải chịu trách nhiệm trước HĐQT cũng như pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Để đảm bảo hiệu quả giám sát, HĐQT thực hiện các hình thức giám sát như sau:

Giám sát qua hệ thống báo cáo

Thông qua chế độ thông tin báo cáo HĐQT định kỳ và đột xuất.

Giám sát qua các đơn vị hỗ trợ

Bao gồm Văn phòng HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Chính sách Phát triển, và Tiểu ban Nhân sự Tiền lương.

Giám sát trực tiếp

Thông qua các cuộc họp trực tiếp của HĐQT để thực hiện kiểm tra, giám sát và đưa ra chỉ đạo đối với Ban điều hành, trên cơ sở nguyên tắc trung thực, can trọng và khách quan.

HĐQT ban hành các nghị quyết để thông qua các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền. Đồng thời, trong phạm vi quyền hạn, HĐQT cung cấp định hướng chiến lược, nhận định về thị trường và bối cảnh kinh tế tổng quan nhằm hỗ trợ rà soát và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

HĐQT cũng thường xuyên trao đổi và tiếp nhận thông tin từ Ban Điều hành cùng các đơn vị, tiểu ban trực thuộc, đảm bảo giám sát chặt chẽ việc triển khai kế hoạch kinh doanh. Khi cần thiết, HĐQT đưa ra các điều chỉnh để đạt được các mục tiêu chiến lược mà BSC đã đề ra.

4. Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Mô hình quản trị công ty đã kiện toàn các Ban/Tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm: Ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương và Tiểu ban Chính sách phát triển để tham mưu và giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ.

Các Ban/Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng tham mưu cho HĐQT về các vấn đề chuyên môn như sau:

Ban Kiểm toán nội bộ

- | | |
|---|---|
| ➤ Rà soát Báo cáo tài chính và Chỉ tiêu an toàn tài chính | ➤ Báo cáo đánh giá định kỳ tình hình, hiệu quả hoạt động và các rủi ro thua lỗ tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh của Công ty |
| ➤ Kiểm toán hoạt động Phòng chống rửa tiền trong năm 2023 tại BSC | |
| ➤ Thực hiện 06 cuộc kiểm toán nội bộ theo kế hoạch | ➤ Rà soát hệ thống văn bản nội bộ tại BSC và khuyến nghị sửa đổi, cập nhật |



Tiểu ban Quản trị rủi ro

- Tham mưu cho HĐQT ban hành Chính sách quản trị rủi ro 2024 và xây dựng Chính sách Quản trị rủi ro năm 2025
- Tham mưu cho HĐQT các phương án xử lý đối với rủi ro trong danh mục đầu tư
- Tham mưu cho HĐQT xử lý kịp thời các vướng mắc trong công tác QTRR dựa trên báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, Phòng QTRR và các bộ phận liên quan đến hoạt động QTRR

Tiểu ban Nhân sự – Tiền lương

- Tham mưu cho HĐQT về công tác Xếp loại thi đua khen thưởng của năm 2023
- Tham mưu cho HĐQT về công tác quy hoạch cán bộ
- Tham mưu cho HĐQT về công tác khen thưởng cán bộ
- Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng Mô hình tổ chức mới và dự thảo Quy chế tổ chức Công ty
- Tham mưu cho HĐQT về công tác kiện toàn nhân sự theo Mô hình tổ chức mới
- Tham mưu cho HĐQT về công tác xếp lương đối với cán bộ sau khi kiện toàn theo Mô hình tổ chức mới
- Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng Dự thảo Quy chế chi trả thu nhập
- Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng Dự thảo Quy chế giao và đánh giá KPI

Tiểu ban Chính sách phát triển

- Tham mưu cho HĐQT về chiến lược và thực hiện chính sách phát triển của công ty

5. Nội dung hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị

Các hoạt động của HĐQT BSC tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT chủ động cập nhật kiến thức quản trị, pháp luật, thông tin thị trường và bám sát tình hình hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có đánh giá tổng quan về các thành viên như sau:

– Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật doanh nghiệp và các quy định nội bộ của Công ty; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

– Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

– Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

– Thông báo kịp thời, đầy đủ chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối.

Cụ thể hoạt động từng thành viên HĐQT trong năm 2024 như sau:

Chủ tịch HĐQT Ông Ngô Văn Dũng

Quản lý điều hành chung hoạt động của HĐQT và các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT

Chuẩn bị chương trình, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị

Đảm bảo việc Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin theo quy định cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, ký thay mặt ĐHĐCĐ trong các nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua

Chỉ đạo công tác hoạch định mục tiêu định hướng, chiến lược, kế hoạch của Công ty

Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông

Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc và từng thành viên;

Tạo điều kiện thuận lợi để Thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị

Chỉ đạo chung hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị

Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế

Thực hiện vai trò Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển và Trưởng Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương trực thuộc HĐQT

Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ông Chung Jae Hoon

Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản

Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Đầu mối hoạt động điều phối, trao đổi thông tin giữa HĐQT, Ban Điều hành với cổ đông chiến lược

Chỉ đạo, giám sát việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ

Chỉ đạo, giám sát hoạt động công nghệ thông tin, chuyển đổi số và marketing

Chỉ đạo việc triển khai dự án thành lập Công ty Quản lý Quỹ trực thuộc BSC

Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền

Thành viên các Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Chính sách phát triển và Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương trực thuộc HĐQT





Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Viễn

Tổ chức, thực hiện và giám sát các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản

Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền

Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty

Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ từ Ban điều hành Công ty đến Hội đồng quản trị

Chỉ đạo công tác chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị

Thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển thuộc HĐQT

Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lim Do Kyoong

Hỗ trợ Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc hoạch định mục tiêu, định hướng, chiến lược và kế hoạch của công ty

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản

Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị

Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định

Đánh giá định kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT tại từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật



Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản

Đầu mối thực hiện chức năng giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban Điều hành

Đầu mối giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, giao và đánh giá KPI của Công ty

Đầu mối giám sát hoạt động quản trị rủi ro

Chỉ đạo hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT

Đầu mối giám sát việc thành lập Công ty Quản lý Quỹ trực thuộc BSC

Trưởng Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT tại từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật

III. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Bước vào năm 2025, nền kinh tế Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội với sự triển khai đồng bộ của các chính sách kinh tế trọng điểm và hàng loạt dự án đầu tư công quy mô lớn. Đặc biệt, thị trường chứng khoán đang chờ đợi cú hích mạnh mẽ từ việc hệ thống KRX chính thức đi vào vận hành, cùng kỳ vọng nâng hạng từ thị trường “cận biên” lên “mới nổi”. Những cải cách mang tính chiến lược trong khuôn khổ pháp lý, kết hợp với động lực từ các dự án hạ tầng lớn, có thể mở ra một giai đoạn phát triển mới cho nền kinh tế. Tiềm năng nâng hạng TTCK không chỉ giúp thu hút dòng vốn ngoại mà còn tạo nền tảng củng cố niềm tin nhà đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Bên cạnh những cơ hội, năm 2025 nền kinh tế toàn cầu sẽ phải đối mặt với những thách thức lớn. Các chính sách thuế quan và bảo hộ mới của Mỹ có thể dẫn đến sự trả đũa qua lại giữa các cường quốc, gây bất ổn và làm thay đổi cấu trúc dòng chảy thương mại và đầu tư toàn cầu. Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến các nền kinh tế có tỷ trọng xuất khẩu lớn, trong đó có Việt Nam, khiến môi trường thương mại toàn cầu trở nên phức tạp và khó dự đoán hơn.

Việc áp dụng thuế quan và các rào cản nhập khẩu có thể làm giảm đáng kể nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Mỹ, đe dọa đến khả năng xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, các thay đổi này nếu tồn tại lâu dài sẽ ảnh hưởng đến dòng vốn FDI, cán cân thanh toán, dự trữ ngoại tệ và khả năng tạo việc làm, thu nhập trong các ngành xuất khẩu chủ lực. Điều này không chỉ tác động đến doanh nghiệp mà còn làm gia tăng áp lực lên nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, BSC đặt mục tiêu tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Hội đồng Quản trị (HĐQT) cam kết đồng hành chặt chẽ cùng Ban điều hành, định hướng chiến lược và thúc đẩy hoạt động kinh doanh thông qua các trọng tâm sau:

Tăng cường năng lực giám sát và điều hành: Nâng cao hiệu quả chỉ đạo của HĐQT nhằm đảm bảo triển khai kế hoạch kinh doanh một cách hiệu quả, linh hoạt trước biến động thị trường.

Thích ứng linh hoạt, tối ưu hiệu suất: Theo dõi sát diễn biến kinh tế – tài chính để đưa ra giải pháp kịp thời, gia tăng hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa lợi nhuận và tối đa hóa giá trị cho cổ đông.

Đầu tư mạnh vào công nghệ và đổi mới: Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính tiên tiến, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Mở rộng hợp tác chiến lược: Tận dụng tối đa lợi thế từ cổ đông chiến lược nhằm mở rộng thị phần, nâng cao vị thế trên thị trường và gia tăng giá trị bền vững cho Công ty.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiện đại: Phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp, chú trọng kiểm soát rủi ro, nâng cao năng suất lao động và phúc lợi nhân viên, đồng thời thực hiện trách nhiệm xã hội một cách bền vững.



Với chiến lược bài bản và sự chủ động thích ứng trước xu hướng thị trường, BSC tiếp tục cam kết mang lại giá trị vượt trội cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng, khẳng định vai trò tiên phong trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Phụ lục 01: Các cuộc họp HĐQT trong năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Văn Dũng	10/10	100%	-
2	Ông Chung, Jae Hoon	10/10	100%	-
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	10/10	100%	-
4	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	6/6	100%	- Bỏ nhiệm từ ngày 23/04/2024.
5	Bà Nguyễn Thanh Huyền	3/4	75%	- Vắng mặt tại 01 buổi họp ngày 29/03/2024 vì lý do cá nhân; - Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2024.
6	Ông Lim, Do Kyoon	10/10	100%	-

Phụ lục 02: Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2024

Số	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	10/NQ-BSC	09/01/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
2	33/QĐ-BSC	19/01/2024	Ban hành Chính sách Quản trị rủi ro năm 2024	100%
3	35/NQ-BSC	19/01/2024	Phê duyệt đầu tư tiền gửi có kỳ hạn/chứng chỉ tiền gửi	100%
4	37/NQ-BSC	19/01/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
5	54/NQ-BSC	25/01/2024	Phê duyệt phương án chi Quỹ lương bổ sung năm 2023	100%
6	55/NQ-BSC	25/01/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
7	113/QĐ-BSC	01/02/2024	Thông qua kết quả xếp loại thi đua đối với lãnh đạo cấp cao, cán bộ quản lý và khen thưởng với các tập thể/cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu năm 2023	100%
8	125/NQ-BSC	06/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
9	129/NQ-BSC	07/02/2024	Thông qua Chiến lược đầu tư Giấy tờ có giá của Tổ chức tín dụng năm 2024	100%
10	130/NQ-BSC	07/02/2024	Thông qua Chiến lược tự doanh Trái phiếu Chính phủ năm 2024	100%
11	131/NQ-BSC	07/02/2024	Thông qua Chiến lược tự doanh Trái phiếu Doanh nghiệp năm 2024	100%
12	135/QĐ-BSC	19/02/2024	Bổ sung quy hoạch cán bộ BSC	100%
13	136/QĐ-BSC	19/02/2024	Giao KPI Công ty năm 2024	100%
14	138/NQ-BSC	19/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
15	139/NQ-BSC	19/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
16	140/NQ-BSC	19/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
17	142/NQ-BSC	20/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
18	143/NQ-BSC	20/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%

19	145/NQ-BSC	21/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
20	146/NQ-BSC	21/02/2024	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
21	151/NQ-BSC	22/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
22	198/NQ-BSC	29/02/2024	Thông qua Chiến lược đầu tư Cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ, Hợp đồng tương lai và Chứng quyền năm 2024	100%
23	199/NQ-BSC	29/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
24	200/NQ-BSC	29/02/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
25	202/NQ-BSC	01/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
26	204/NQ-BSC	04/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
27	205/NQ-BSC	04/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
28	206/NQ-BSC	04/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
29	207/NQ-BSC	04/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
30	209/NQ-BSC	06/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
31	210/NQ-BSC	08/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
32	211/NQ-BSC	11/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
33	212/NQ-BSC	11/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
34	213/NQ-BSC	11/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
35	214/NQ-BSC	11/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
36	221/QĐ-BSC	11/03/2024	Thông qua Kế hoạch đào tạo năm 2024	100%
37	224/QĐ-BSC	13/03/2024	Phê duyệt hạn mức đầu tư trái phiếu	100%
38	225/NQ-BSC	13/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
39	228/NQ-BSC	15/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
40	240/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
41	241/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
42	242/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
43	243/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
44	244/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
45	245/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
46	246/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
47	247/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
48	248/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
49	249/QĐ-BSC	18/03/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%

50	252/NQ-BSC	20/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
51	253/QĐ-BSC	21/03/2024	Phê duyệt kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024	100%
52	254/NQ-BSC	21/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
53	256/NQ-BSC	22/03/2024	Phê duyệt Dự thảo Thỏa thuận liên doanh giữa BSC và Edmond de Rothschild (EDRS) trong việc góp vốn thành lập Công ty Quản lý quỹ tại Việt Nam	100%
54	261/NQ-BSC	26/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
55	262/NQ-BSC	26/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
56	268/QĐ-BSC	28/03/2024	Ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc BSC	100%
57	269/NQ-BSC	28/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
58	270/NQ-BSC	28/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
59	271/QĐ-BSC	28/03/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
60	272/NQ-HĐQT	29/03/2024	Phê duyệt Mô hình tổ chức và Quy chế Tổ chức của Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV	100%
61	273/QĐ-HĐQT	29/03/2024	Ban hành Quy chế Tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	100%
62	277/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Tư vấn Đầu tư	100%
63	278/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Đầu tư và Kinh doanh vốn	100%
64	279/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Trung tâm phân tích	100%
65	280/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Công nghệ thông tin	100%
66	281/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Kiểm soát tuân thủ	100%
67	282/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Chiến lược và Chuyển đổi số	100%
68	283/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối vận hành	100%
69	284/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)	100%
70	285/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Kế hoạch	100%
71	286/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Truyền thông và Marketing	100%
72	287/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Dịch vụ Tài chính	100%
73	288/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Tư vấn Đầu tư Khách hàng VIP 1 Hội sở	100%
74	289/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Tư vấn Đầu tư Khách hàng VIP 2 Hội sở	100%
75	290/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Pháp chế	100%
76	291/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Đầu tư	100%
77	292/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Chính sách Sản phẩm Bán lẻ	100%
78	293/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Trung tâm Tư vấn	100%
79	294/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Đổi tên một số Phòng trực thuộc Chi nhánh	100%

80	295/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Thành lập Phòng Tự doanh Chi nhánh	100%
81	296/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
82	297/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
83	298/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
84	299/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
85	300/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm cán bộ	100%
86	301/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm cán bộ	100%
87	302/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Bổ nhiệm cán bộ	100%
88	330/NQ-BSC	02/04/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
89	333/QĐ-BSC	03/04/2024	Điều động và giao nhiệm vụ mới đối với cán bộ	100%
90	337/QĐ-BSC	05/04/2024	Ban hành Quy định Phòng, chống rửa tiền	100%
91	346/NQ-BSC	10/04/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
92	351/QĐ-BSC	17/04/2024	Phê duyệt chủ trương tiếp tục ký Hợp đồng lao động với nhân sự Văn phòng HĐQT	100%
93	358/QĐ-BSC	22/04/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
94	359/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
95	360/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
96	361/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
97	362/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lại lương đối với cán bộ	100%
98	365/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
99	366/QĐ-BSC	25/04/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
100	418/QĐ-BSC	03/05/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
101	419/QĐ-BSC	03/05/2024	Phân công công tác đối với thành viên HĐQT	100%
102	426/QĐ-BSC	08/05/2024	Phê duyệt việc khen thưởng thành tích tiêu biểu đối với Tổ công tác xây dựng và đàm phán hợp đồng hợp tác thành lập Công ty Quản lý Quỹ giữa BSC và EDR	100%
103	431/QĐ-BSC	13/05/2024	Phê duyệt chi khen thưởng động viên công tác quản trị, điều hành năm 2023 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	100%
104	453/NQ-BSC	21/05/2024	Phê duyệt phương án phát hành 10 mã Chứng quyền dựa trên cổ phiếu ACB, FPT, HPG, MBB, MWG, STB, TCB, VHM, VNM và VPB	100%
105	457/QĐ-BSC	22/05/2024	Phê duyệt tiếp tục nắm giữ đầu tư trái phiếu	100%
106	462/NQ-BSC	27/05/2024	Phê duyệt Kế hoạch điều hành của BSC năm 2024	100%
107	465/NQ-BSC	28/05/2024	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của Công ty	100%
108	469/QĐ-BSC	06/06/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%

109	480/QĐ-BSC	07/06/2024	Phê duyệt Kế hoạch hoạt động Kiểm toán nội bộ 6 tháng cuối năm 2024	100%
110	481/QĐ-BSC	07/06/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
111	482/QĐ-BSC	07/06/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
112	486/NQ-BSC	12/06/2024	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu	100%
113	526/QĐ-BSC	01/07/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
114	634/QĐ-BSC	06/08/2024	Thông qua kết quả xếp loại thi đua và khen thưởng 06 tháng đầu năm 2024	100%
115	635/QĐ-BSC	06/08/2024	Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất tăng vốn điều lệ	100%
116	645/QĐ-BSC	09/08/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
117	647/NQ-BSC	13/08/2024	Phê duyệt phương án đầu tư trái phiếu	100%
118	648/QĐ-BSC	13/08/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
119	664/QĐ-BSC	26/08/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
120	728/NQ-BSC	09/09/2024	Phê duyệt cập nhật Điều lệ Công ty theo Vốn Điều lệ mới	100%
121	730/QĐ-BSC	09/09/2024	Phê duyệt quyết toán Dự án “Trang bị cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Trụ sở mới chi nhánh BSC TPHCM”	100%
122	731/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
123	732/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
124	733/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
125	734/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
126	735/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
127	736/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
128	737/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
129	738/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
130	739/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
131	740/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
132	741/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
133	742/QĐ-BSC	09/09/2024	Xếp lương đối với cán bộ	100%
134	745/QĐ-BSC	10/09/2024	Phê duyệt đề xuất thuê Dịch vụ đánh giá xâm nhập hệ thống (CA) và Dịch vụ giám sát an ninh mạng (SOC) cho hệ thống CNTT BSC	100%
135	758/QĐ-BSC	24/09/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
136	759/QĐ-BSC	24/09/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
137	768/QĐ-BSC	30/09/2024	Phê duyệt đầu tư trái phiếu	100%

138	780/QĐ-BSC	07/10/2024	Ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc BSC	100%
139	789/QĐ-BSC	10/10/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
140	797/QĐ-BSC	14/10/2024	Phê duyệt điều chỉnh việc đầu tư trái phiếu	100%
141	802/QĐ-BSC	16/10/2024	Ban hành Kế hoạch dự phòng tình huống khẩn cấp	100%
142	808/QĐ-BSC	18/10/2024	Phê duyệt việc bổ nhiệm lại vị trí Phó Tổng Giám đốc BSC	100%
143	809/QĐ-BSC	18/10/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
144	824/QĐ-BSC	24/10/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
145	836/QĐ-BSC	30/10/2024	Triển khai kế hoạch mua sắm tài sản CNTT năm 2024	100%
146	837/QĐ-BSC	30/10/2024	Phê duyệt đề xuất triển khai chương trình khuyến mại hợp tác với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC) để phát triển khách hàng mở tài khoản mới	100%
147	838/QĐ-BSC	30/10/2024	Phê duyệt điều chỉnh hạn mức tín dụng	100%
148	898/QĐ-BSC	05/11/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
149	901/QĐ-BSC	12/11/2024	Phê duyệt việc tiếp tục nắm giữ trái phiếu	100%
150	914/QĐ-BSC	18/11/2024	Phê duyệt ký kết Phụ lục Hợp đồng hợp tác phát triển khách hàng cung cấp thông tin kết nối trên hệ thống MIS giữa BSC và BIDV	100%
151	915/QĐ-BSC	18/11/2024	Phê duyệt đề xuất ký kết Thỏa thuận bảo vệ dữ liệu cá nhân giữa BSC và BIDV	100%
152	920/QĐ-BSC	20/11/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
153	922/QĐ-BSC	22/11/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
154	930/QĐ-BSC	28/11/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
155	935/QĐ-BSC	29/11/2024	Ban hành “Quy trình Quản trị rủi ro nghiệp vụ Chứng quyền có bảo đảm”	100%
156	948/QĐ-BSC	06/12/2024	Phê duyệt điều chỉnh hạn mức tín dụng	100%
157	950/QĐ-BSC	10/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
158	955/QĐ-BSC	10/12/2024	Phê duyệt việc tiếp tục đầu tư bổ sung trái phiếu	100%
159	957/QĐ-BSC	11/12/2024	Phê duyệt điều chỉnh hạn mức tín dụng	100%
160	965/QĐ-BSC	17/12/2024	Phê duyệt chủ trương triển khai hoạt động mua bán Chứng chỉ tiền gửi BIDV	100%
161	966/QĐ-BSC	17/12/2024	Ban hành Hạn mức rủi ro và Thông số rủi ro đối với hoạt động CD_Flex trong giai đoạn thí điểm	100%
162	969/QĐ-BSC	17/12/2024	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	100%
163	970/QĐ-BSC	17/12/2024	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	100%
164	975/QĐ-BSC	19/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
165	976/QĐ-BSC	19/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%

166	977/QĐ-BSC	19/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
167	981/QĐ-BSC	24/12/2024	Ban hành “Quy chế Công bố thông tin”	100%
168	984/QĐ-BSC	24/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
169	987/QĐ-BSC	25/12/2024	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
170	991/QĐ-BSC	26/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
171	993/QĐ-BSC	26/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
172	994/QĐ-BSC	26/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
173	995/QĐ-BSC	27/12/2024	Phê duyệt quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo hình thức kiểm nhiệm năm 2024	100%
174	999/QĐ-BSC	31/12/2024	Phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025	100%
175	1000/QĐ-BSC	31/12/2024	Ban hành Hạn mức và Thông số rủi ro năm 2025	100%
176	1001/QĐ-BSC	31/12/2024	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
177	1004/QĐ-BSC	31/12/2024	Phê duyệt chủ trương điều chỉnh bậc lương đối với Ông Chung Jae Hoon - Phó Chủ tịch HĐQT	100%
178	1005/QĐ-BSC	31/12/2024	Điều chỉnh bậc lương đối với cán bộ	100%
179	1007/QĐ-BSC	31/12/2024	Phê duyệt xếp loại đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và Quyết toán quỹ lương năm 2024 của BSC	100%

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC bao gồm ba (03) thành viên:

Thành phần Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban	Được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
2	Bà Vũ Minh Châu	Thành Viên	Được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
3	Bà Kang Hee Joung	Thành viên	Được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 14/04/2023

2. Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2024

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát, với vai trò đại diện cổ đông BSC, đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định, đồng thời kiến nghị các thay đổi cần thiết trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, và công tác quản trị - điều hành Công ty. Những nỗ lực này đã hỗ trợ HĐQT và Ban Điều hành trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh cùng các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT và BĐH của BSC đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ BSC, phù hợp với Cơ chế trao đổi thông tin giữa HĐQT, TGD, và BKS, bộ phận KTNB. Các thành viên BKS, Trưởng KTNB được mời và đã tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ của HĐQT; được cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh

của BSC phục vụ cho công tác giám sát của BKS. Kết quả giám sát, kết quả KTNB cùng các kiến nghị, đề xuất của BKS được gửi đầy đủ tới HĐQT, TGD và đã được Ban Lãnh đạo xem xét, chỉ đạo các đơn vị, cá nhân liên quan nghiên cứu thực hiện, báo cáo kết quả định kỳ cho BKS.

BKS đã báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ BSC, Quy chế hoạt động và Quy trình kiểm soát của BKS trước các cổ đông tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2024. Trong năm 2024 không phát sinh trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông lớn yêu cầu kiểm tra sổ kế toán, ghi chép kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của BSC. Trưởng BKS và các thành viên đã hoàn thành trách nhiệm trong việc thực hiện kế hoạch do BKS đề ra cụ thể:

Năm 2024, BKS đã giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ BSC, cũng như các quy định nội bộ liên quan.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, tại 31/12/2024, tổng tài sản Công ty đạt 10.315 tỷ đồng (tăng 24% so với năm 2023), lợi nhuận trước thuế đạt 515,6 tỷ đồng. Chất lượng tài sản được duy trì tích cực, không phát sinh nợ xấu hay các hạng mục vướng mắc cần xử lý.

2.2. Giám sát tình hình thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu KHKD năm 2024

Chỉ tiêu	KHKD 2024	Thực hiện tại 31/12/2024	% hoàn thành kế hoạch 2024
Lợi nhuận trước thuế	550 tỷ đồng	515,68 tỷ đồng	94%
Hệ số an toàn tài chính (%)	≥ 260%	679,95%	Hoàn thành

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt, thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu 10%.

Thù lao HĐQT, BKS năm 2024:

Trong năm 2024, BSC đã chi trả thù lao năm 2024 tới thành viên HĐQT và BKS theo quy định với tổng số tiền 3.244.180.014 VND, nằm trong phạm vi ngân sách ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024, trong đó tổng thù lao cho các thành viên chuyên trách là 2.986.830.014 VND; Tổng thù lao cho các thành viên HĐQT và thành viên BKS theo hình thức kiêm nhiệm là 257.350.000 VND

Như vậy, ngoài việc chưa hoàn thành mục tiêu lợi nhuận chủ yếu do yếu tố khách quan chung từ thị trường, BSC đã thực hiện đầy đủ các nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.

2.3. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2024, BKS nhận định HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể:



Công tác quản trị của Hội đồng quản trị

Năm 2024, HĐQT đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT, triển khai và thực hiện có hiệu quả các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp trực tiếp. Các thành viên HĐQT tham dự họp đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm, nhằm mục tiêu trao đổi, thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền. HĐQT chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của công ty theo diễn biến thị trường, đảm bảo lợi ích và quyền lợi của cổ đông, trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Đồng thời, HĐQT thực hiện 140 lần xin ý kiến bằng văn bản trong năm 2024 để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Với vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, trong năm, HĐQT đã ban hành 179 Nghị quyết/Quyết định ở nhiều khía cạnh hoạt động, làm cơ sở định hướng cho Ban Điều hành triển khai thực hiện.

Công tác điều hành của Tổng giám đốc

Cùng với Ban Điều hành, Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo Công ty triển khai đầy đủ, kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh ở mức tích cực trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý doanh nghiệp.

Trong bối cảnh TTCK có nhiều biến động, ảnh hưởng tới khả năng thực hiện kế hoạch kinh doanh, Tổng Giám đốc đã thường xuyên, kịp thời báo cáo HĐQT các kết quả hoạt động, khó

khăn, vướng mắc trong kinh doanh, đồng thời chủ động đưa ra các quyết định điều hành nhằm giảm thiểu thiệt hại và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

HĐQT, Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, nghị quyết/quyết định của HĐQT và các tài liệu khác phục vụ công tác của BKS. Đại diện BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, đóng góp ý kiến độc lập để đảm bảo các quyết định là tối ưu trong duy trì quyền và lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

2.4. Thẩm định báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ đầy đủ chuẩn mực kế toán. Công ty đã tổ chức tốt công tác tài chính kế toán, hạch toán và lập báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, năm đảm bảo chính xác, trung thực và hợp pháp.

Ban Kiểm soát đã xem xét, thống nhất số liệu trong Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên, cả năm 2024; đồng thời đóng góp ý kiến

để Ban Điều hành hoàn thiện, đảm bảo tính hợp lý, trung thực, cẩn trọng và nhất quán trong quản lý, kế toán.

Các báo cáo tài chính và tỷ lệ an toàn tài chính năm 2023 đã tuân thủ quy định hiện hành, được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập uy tín, phản ánh đúng và trung thực tình hình tài chính tại từng thời điểm. Báo cáo được công bố kịp thời, đúng quy định dành cho công ty niêm yết.

2.5. Giám sát và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành rà soát và giám sát định kỳ các hoạt động của Công ty. Qua quá trình này, Ban Kiểm soát đã nhận diện các vấn đề và rủi ro tiềm ẩn, đưa ra các kiến nghị cho HĐQT và Ban Điều hành để chỉ đạo khắc phục, xử lý.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát cũng đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cơ chế cảnh báo sớm, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro cho Công ty.

2.6. Công tác rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Trong năm 2024, Công ty có hợp đồng/giao dịch với 04 Bên có liên quan. Qua rà soát, các hợp đồng/giao dịch kể trên là hợp đồng dịch vụ, giao dịch thường xuyên với BIDV hoặc các bên có liên quan để phối hợp cung cấp dịch vụ cho khách hàng, phát triển hoạt động bán chéo sản phẩm. Đây

đều là những giao dịch đảm bảo lợi ích của BSC, góp phần gia tăng nguồn vốn cho Công ty và thúc đẩy hợp tác bán hàng với các bên liên quan, qua đó góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty và lợi ích cổ đông.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

II. Định hướng hoạt động năm 2025

Dựa trên chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát, BKS dự kiến các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 như sau:



- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ hoạt động của BSC, tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản trị - điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro.

- Theo dõi việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025.

- Tham gia và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định.

- Giám sát việc ban hành, sửa đổi các văn bản nội bộ của Công ty, nhằm đáp ứng yêu cầu từ cơ quan quản lý hoặc khi có thay đổi trong các văn bản pháp lý liên quan.

- Thẩm định và soát xét tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực của Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, xem xét các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty, thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT để trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định.

III. Kiến nghị đối với Công ty trong năm 2025

Dựa trên kết quả giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2024, Ban Kiểm soát đề xuất các kiến nghị cho năm 2025 như sau:

Năm 2025, các diễn biến khó lường về xung đột địa chính trị giữa các cường quốc và rủi ro về chính sách thương mại của Mỹ đối với Việt Nam khiến tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, biến động. Do đó, BSC cần linh hoạt trong công tác điều hành, kịp thời cập nhật thông tin, phân tích tình hình, diễn biến thị trường, đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời để có thể hoàn thành các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao phó.

Công ty cần duy trì các hoạt động trao đổi, hợp tác toàn diện với đối tác chiến lược Hana Securities về nghiệp vụ chuyên môn, quản trị - điều hành, chuyển đổi số cũng như phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiện đại; phối hợp khai thác nền khách hàng Hàn Quốc của Hana Securities để gia tăng lợi ích cho Công ty và cổ đông.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để nâng cấp tính năng, gia tăng tính ổn định, an toàn của hệ thống, bổ sung các tiện ích giao dịch và sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công tác kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro nhằm phát hiện, cảnh báo và đề xuất các biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT & BAN ĐIỀU HÀNH

1. Chế độ thù lao của HĐQT và BKS

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC năm 2024 được ĐHĐCĐ phê duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 23/04/2024. Theo đó, chế độ thù lao (trước thuế Thu nhập cá nhân) cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể như sau:

Thành viên chuyên trách

Hưởng lương theo quy chế thu nhập của công ty.

Thành viên không chuyên trách

Chủ tịch Hội đồng Quản trị	10.000.000 đồng/tháng
Thành viên Hội đồng Quản trị	5.000.000 đồng /tháng
Trưởng Ban Kiểm soát	5.000.000 đồng/tháng
Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000 đồng/tháng

Ghi chú: Mức thù lao chỉ trả cho thành viên HĐQT, BKS là trước thuế thu nhập cá nhân

2. Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Điều hành

Năm 2024	12.423.461.303 VND
Năm 2023	16.578.382.437 VND
Năm 2022	12.789.878.968 VND

3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ công ty

Trong năm 2024, BSC không ghi nhận giao dịch cổ phiếu của người nội bộ của công ty.



Phụ lục: Các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	GCNĐKDN 0100150619 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, Đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024	Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	2024		Số dư tiền gửi của Công ty tại BIDV 105.459.376.360 VND Số dư tiền gửi của nhà đầu tư tại BIDV 707.225.364.754 VND Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn 90.000.000.000 VND Dự thu lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu 3.507.945.208 VND Phải thu phí dịch vụ 60.000.000 VND Phải trả phí dịch vụ giao dịch cho BIDV 752.145.563 VND Phải trả lãi hoạt động cho vay ký quỹ cho BIDV 1.182.143.580 VND Giải ngân hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng 105.456.948.772 VND Doanh thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu 29.877.462.972 VND Doanh thu lưu ký khác 118.181.819 VND Chi phí dịch vụ giao dịch 31.247.621.470 VND Chi phí dịch vụ thanh toán 305.024.308 VND
						Quyết định số 914/QĐ-BSC ngày 18/11/2024	Phê duyệt ký kết Phụ lục Hợp đồng hợp tác phát triển khách hàng cung cấp thông tin kết nối trên hệ thống MIS giữa BSC và BIDV
						Quyết định số 915/QĐ-BSC ngày 18/11/2024	Phê duyệt đề xuất ký kết Thỏa thuận bảo vệ dữ liệu cá nhân giữa BSC và BIDV
						Quyết định số 965/QĐ-BSC ngày 17/12/2024	Phê duyệt chủ trương triển khai hoạt động mua bán Chứng chỉ tiền gửi BIDV

Phụ lục: Các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV	0100931299	Tầng 11, 263 Cầu Giấy, Hà Nội	2024		Doanh thu phí môi giới chứng khoán 344.403.405 VND Doanh thu phí lưu ký 36.973.101 VND Chi phí mua bảo hiểm 1.078.140.172 VND
						Quyết định số 837/QĐ-BSC ngày 30/10/2024	Phê duyệt đề xuất triển khai chương trình khuyến mại hợp tác với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC) để phát triển khách hàng mở tài khoản mới
3	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV	B7.09.148	#370, Monivong Blvd, Boeung Keng Kang I, Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	2024		Doanh thu lãi tiền gửi có kỳ hạn 31.780.822 VND
4	Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn	CB1827	82, Uisadang-daero, Youngdeungpo-gu, Seoul	2024		Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 70.988.440.000 VND Chi phí cho nhân sự phái cử 9.005.827.436 VND

Phụ lục: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

Phụ lục: Hợp đồng hoặc Giao dịch với cổ đông nội bộ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	GCNĐKDN 0100150619 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, Đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024	Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	2024		Số dư tiền gửi của Công ty tại BIDV 105.459.376.360 VND Số dư tiền gửi của nhà đầu tư tại BIDV 707.225.364.754 VND Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn 90.000.000.000 VND Dự thu lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu 3.507.945.208 VND Phải thu phí dịch vụ 60.000.000 VND Phải trả phí dịch vụ giao dịch cho BIDV 752.145.563 VND Phải trả lãi hoạt động cho vay ký quỹ cho BIDV 1.182.143.580 VND Giải ngân hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng 105.456.948.772 VND Doanh thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu 29.877.462.972 VND Doanh thu lưu ký khác 118.181.819 VND Chi phí dịch vụ giao dịch 31.247.621.470 VND Chi phí dịch vụ thanh toán 305.024.308 VND
						Quyết định số 914/QĐ-BSC ngày 18/11/2024	Phê duyệt ký kết Phụ lục Hợp đồng hợp tác phát triển khách hàng cung cấp thông tin kết nối trên hệ thống MIS giữa BSC và BIDV
						Quyết định số 915/QĐ-BSC ngày 18/11/2024	Phê duyệt đề xuất ký kết Thỏa thuận bảo vệ dữ liệu cá nhân giữa BSC và BIDV
						Quyết định số 965/QĐ-BSC ngày 17/12/2024	Phê duyệt chủ trương triển khai hoạt động mua bán Chứng chỉ tiền gửi BIDV
2	Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn	CB1827	82, Uisadang-daero, Young-deungpo-gu, Seoul	2024		Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 70.988.440.000 VND Chi phí cho nhân sự phái cử 9.005.827.436 VND

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01 Thông tin báo cáo phát triển bền vững

02 Định hướng phát triển bền vững

03 Quản trị phát triển bền vững

04 Dấu ấn của BSC trên hành trình phát triển bền vững

05 GRI công bố thông tin



THÔNG TIN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Phát triển bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng được BSC chú trọng xuyên suốt quá trình hoạt động. Báo cáo Phát triển bền vững được chúng tôi xây dựng như một hệ quy chiếu đến tất cả các hoạt động của công ty nhằm tổng hợp, đánh giá và công bố ngắn gọn những hoạt động hướng đến sự bền vững trong cả năm 2024. Nội dung báo cáo bao gồm các khía cạnh về định hướng phát triển bền

vững toàn diện và đảm bảo cam kết với các bên liên quan. Đây cũng là ấn phẩm thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong việc công bố thông tin đến các bên liên quan, bao gồm cổ đông, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý và người lao động; từ đó tăng giá trị mang lại cho cổ đông, góp phần phát triển cộng đồng và xã hội, cũng như xây dựng uy tín, thương hiệu của công ty.

Mục đích

Báo cáo Phát triển bền vững được lập bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (sau đây gọi là “BSC”) nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chiến lược, các cam kết và thực hành phát triển bền vững của BSC trong năm 2024.

Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo này được lập và công bố dựa trên cơ sở tham chiếu với Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Index - GRI). Danh mục các tiêu chuẩn GRI tham chiếu được miêu tả ở mục Tham chiếu nội dung Báo cáo với các tiêu chuẩn GRI.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

Nguồn thông tin

Các thông tin và dữ liệu được miêu tả, trình bày trong Báo cáo này được thu thập từ (i) các nguồn thông tin nội bộ của BSC và (ii) các thông tin bên ngoài chính thống, đáng tin cậy.

Phát hành báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 của BSC được đăng tải trên website BSC tại địa chỉ: www.bsc.com.vn.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những Công ty Chứng khoán đầu tiên và uy tín hàng đầu thị trường, BSC luôn chú trọng mang lại sự hài lòng toàn diện cho khách hàng trong từng dịch vụ, sản phẩm cung cấp, cân bằng và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, người lao động, và đảm bảo trách nhiệm với các bên liên quan, hướng đến tăng trưởng bền vững, nền tảng phát triển lâu dài.

Mô hình phát triển bền vững

Kinh tế

Quan điểm phát triển bền vững về kinh tế luôn được đặt lên hàng đầu đối với BSC. 2024 là một năm thị trường chứng khoán không có nhiều điểm sáng, BSC đã kiểm soát tốt rủi ro, thực hiện các biện pháp nhằm tối ưu hoá các nguồn lực để cạnh tranh và phát triển, đem lại giá trị bền vững cho cổ đông, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế. Bên cạnh đó, Chúng tôi luôn tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về chỉ tiêu tài chính và các giới hạn đầu tư theo Luật quy định nhằm đảm bảo tăng trưởng ổn định, an toàn và bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông.



Xã hội

Với phương châm không chỉ tập trung phát triển kinh tế, thực hiện trách nhiệm xã hội vì sự phát triển của cộng đồng cũng được BSC quan tâm. Những hoạt động phát triển xã hội như chung tay phòng chống dịch bệnh, thiên tai; đầu tư, xây dựng các chương trình phát triển giáo dục liên tục được đẩy mạnh góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.



Môi trường

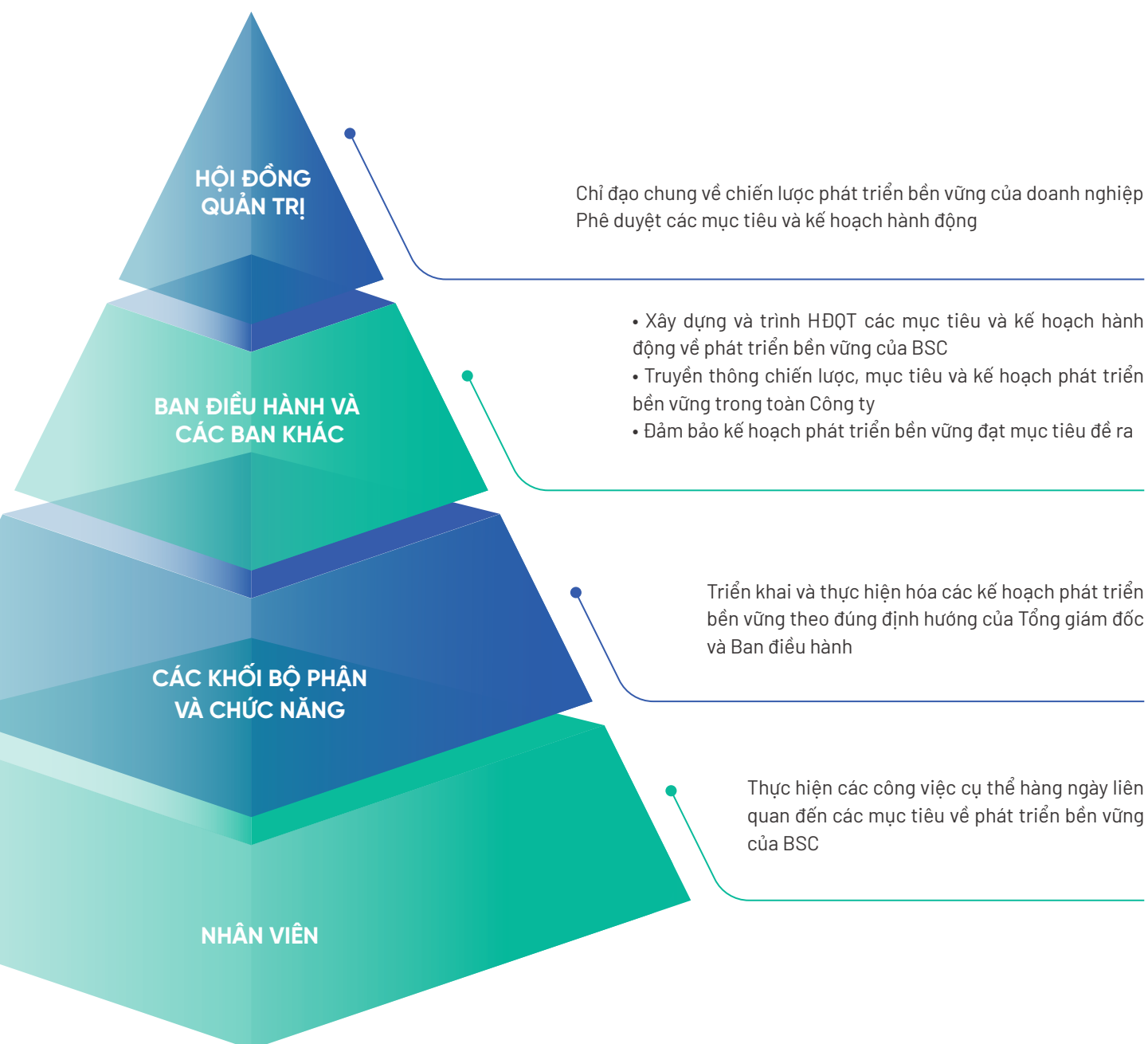
Đánh giá cao tầm quan trọng của yếu tố môi trường đến cuộc sống và sự phát triển kinh tế, đối với những vấn đề về môi trường và tiết kiệm năng lượng BSC rất quan tâm và chú trọng.



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mô hình quản trị về phát triển bền vững

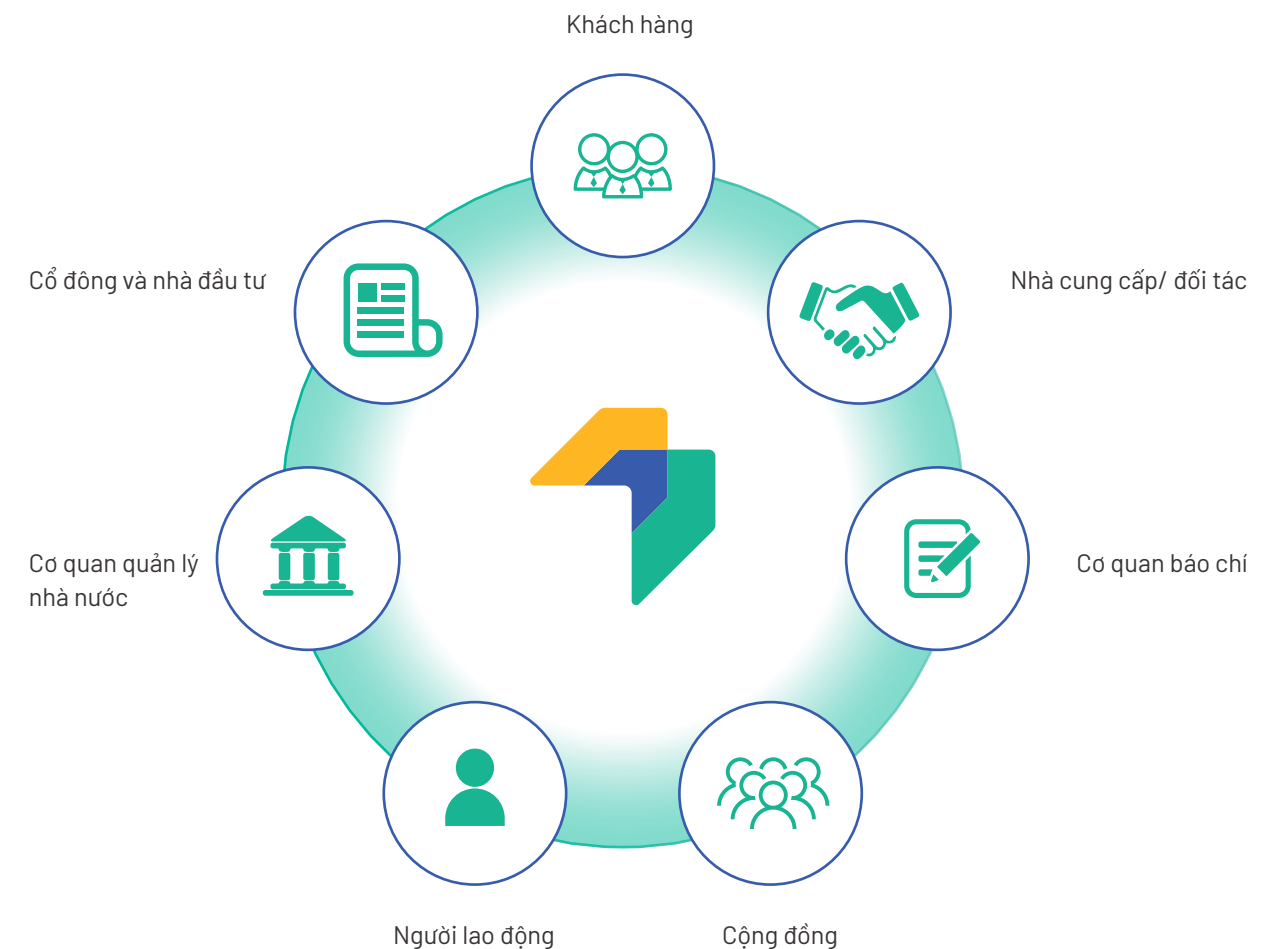
Công tác quản trị bền vững của BSC được xây dựng dựa trên những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật Việt Nam về quản trị công ty đại chúng. Cơ chế quản trị về phát triển bền vững tại BSC được xây dựng thống nhất và xuyên suốt, nhằm triển khai hoạt động kinh doanh một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.



Tương tác với các bên hữu quan

Với nỗ lực không ngừng phát triển, BSC luôn sẵn sàng tiếp nhận phản hồi, đóng góp ý kiến từ tất cả các bên liên quan như khách hàng, cổ đông... để từ đó có đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên và cũng là cơ sở để tiếp tục nâng cao, phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.

Các bên hữu quan trọng yếu



Quy trình tương tác với các bên hữu quan trọng yếu

BSC chủ động hợp tác tích cực và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên hữu quan, tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Với từng bên hữu quan cụ thể, BSC xây dựng và áp dụng các phương thức tương tác, trao đổi, chia sẻ thông tin bằng các hình thức và các kênh liên lạc phù hợp.

	Phương thức tương tác	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của BSC đáp ứng yêu cầu/mong muốn của bên hữu quan
Khách hàng	- Trực tiếp gặp gỡ - Trung tâm tư vấn khách hàng, Tổng đài, Zalo official account - Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng - Mạng xã hội: Website, Facebook	- Nhu cầu sử dụng liên tục các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ tài chính và bảo mật thông tin khách hàng - Chất lượng sản phẩm, dịch vụ do BSC cung cấp - Thắc mắc, khiếu nại phản hồi khác	- Triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch nhanh chóng và an toàn - Tăng cường nhân sự tư vấn giải pháp và hỗ trợ thắc mắc, yêu cầu của khách hàng 24/7 - Thực hiện khảo sát ý kiến của khách hàng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ - Theo dõi phản hồi của khách hàng trên mạng xã hội
Cổ đông và nhà đầu tư	- Đại hội đồng cổ đông - Cập nhật thông tin định kỳ qua website BSC - Tài liệu dành cho Nhà đầu tư - Trao đổi trực tiếp hoặc qua điện thoại, email	- Hiệu quả kinh doanh và các lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư - Thông tin minh bạch và kịp thời, bảo đảm quyền lợi công bằng, bình đẳng giữa các cổ đông - Thắc mắc, khiếu nại phản hồi khác	- Đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cổ đông - Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường đúng trình tự, quy định, các nội dung được Đại hội thông qua với tỷ lệ tán thành cao - Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định
Người lao động	- Hội nghị người lao động thường niên - Ấn phẩm nội bộ: Group nội bộ, Bản tin nội bộ - Trao đổi với Công đoàn, Đoàn thanh niên - Các hoạt động gắn kết người lao động	- Môi trường làm việc cùng các chế độ đãi ngộ, chính sách phúc lợi - Lộ trình nghề nghiệp và động lực làm việc - Chương trình đào tạo phát triển kỹ năng nghề nghiệp - An toàn và sức khỏe lao động	- Bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền lợi, chế độ đãi ngộ, chính sách phúc lợi - Lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, cơ hội thăng tiến công bằng, bình đẳng - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, áp dụng chương trình bảo hiểm sức khỏe cho người lao động và người thân - Tổ chức chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp - Tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ gắn kết người lao động

Cơ quan quản lý	- Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên - Gặp gỡ trao đổi tại các diễn đàn, hội thảo; Tham vấn ý kiến - Tham gia góp ý các dự thảo, chính sách	- Tuân thủ các quy định của pháp luật - Đảm bảo tăng trưởng bền vững đóng góp cho sự phát triển chung của thị trường chứng khoán và nền kinh tế - Quản lý tác động tới môi trường và xã hội - Trao đổi/ Tham vấn ý kiến trong quá trình thực thi các chính sách, quy định của pháp luật	- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động của công ty - Xây dựng, đóng góp ý kiến hoàn chỉnh sản phẩm, chính sách,... hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán - Tích cực tham gia thúc đẩy quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo chủ trương của Chính phủ - Tiên phong triển khai các sản phẩm mới trên thị trường chứng khoán - Tham gia và là thành viên tích cực của các Hiệp hội ngành: Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA)
Cộng đồng	Các chương trình an sinh xã hội, chung tay góp sức vì cộng đồng	- Có trách nhiệm xã hội, đóng góp cho các hoạt động từ thiện và phát triển kinh tế - xã hội trong cộng đồng - Tác động tích cực cho xã hội	- Lắng nghe, đồng hành vì sự phát triển của cộng đồng - Các chương trình hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và các chương trình an sinh xã hội, đóng góp hỗ trợ y tế, giáo dục, nuôi dưỡng thế hệ tương lai
Cơ quan báo chí	- Hợp báo - Thông cáo báo chí/báo cáo kết quả hoạt động định kỳ - Đội ngũ chuyên gia trả lời, cung cấp thông tin cho báo chí	- Kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ - Nhận định thị trường, phân tích triển vọng ngành/cổ phiếu - Các thông tin và sự kiện quan trọng của công ty	- Phối hợp chặt chẽ để cung cấp các thông tin minh bạch và kịp thời đến công chúng - Trao đổi thường xuyên và định kỳ về diễn biến và dự báo thị trường - Phản hồi kịp thời đối với những thông tin liên quan đến công ty
Nhà cung cấp /Đối tác	- Gặp gỡ trao đổi trực tiếp, bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp tác với các nhà cung cấp - Duy trì tính cạnh tranh - Đảm bảo minh bạch trong chào thầu - Chất lượng dịch vụ, nguồn gốc hàng hóa rõ ràng	- Quy trình lựa chọn nhà cung cấp minh bạch và công bằng, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật - Đối xử công bằng và tôn trọng nhà cung cấp - Thực thi các nghĩa vụ theo thỏa thuận, cam kết, bao gồm cam kết về quản lý rủi ro, trách nhiệm môi trường - xã hội,... và trách nhiệm cộng đồng	- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình lựa chọn đối tác/nhà cung cấp - Cam kết thực thi các nghĩa vụ, trách nhiệm theo cam kết - Nâng cao nhận thức về thực hành quản trị doanh nghiệp, quản lý tác động môi trường đối với các đối tác/ nhà cung cấp

Xác định các chủ đề trọng yếu



“Kinh doanh hiệu quả, không ngừng tăng trưởng, BSC còn kiên định phát triển bền vững, cống hiến những giá trị tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng.”

DẤU ẤN CỦA BSC TRÊN HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Hành động vì môi trường

Doanh nghiệp là một tế bào của nền kinh tế và là một chủ thể tích cực trong xã hội, nên không thể không đặt ra vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Từ nhiều năm nay BSC luôn cố gắng giảm thiểu các tác hại gây ra cho môi trường và thực hiện nhiều thay đổi trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao nhận thức trong việc sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên để góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Năng lượng

- Theo dõi và có chế độ bảo trì, vệ sinh thường xuyên máy móc, thiết bị và hệ thống điều hòa để nâng cao tuổi thọ và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.
- Ban hành quy định và kiểm tra hàng ngày về việc tắt các thiết bị điện sau giờ làm việc.
- Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ họp trực tuyến và trao đổi, làm việc từ xa cho các cán bộ nhân viên thông qua các nền tảng Microsoft Teams, Zoom, 3CX,...qua đó giảm tần suất di chuyển bằng các phương tiện giao thông, tiết kiệm chi phí đi lại, xăng dầu góp phần giảm lượng khí thải ra môi trường.

Nước thải và chất thải rắn

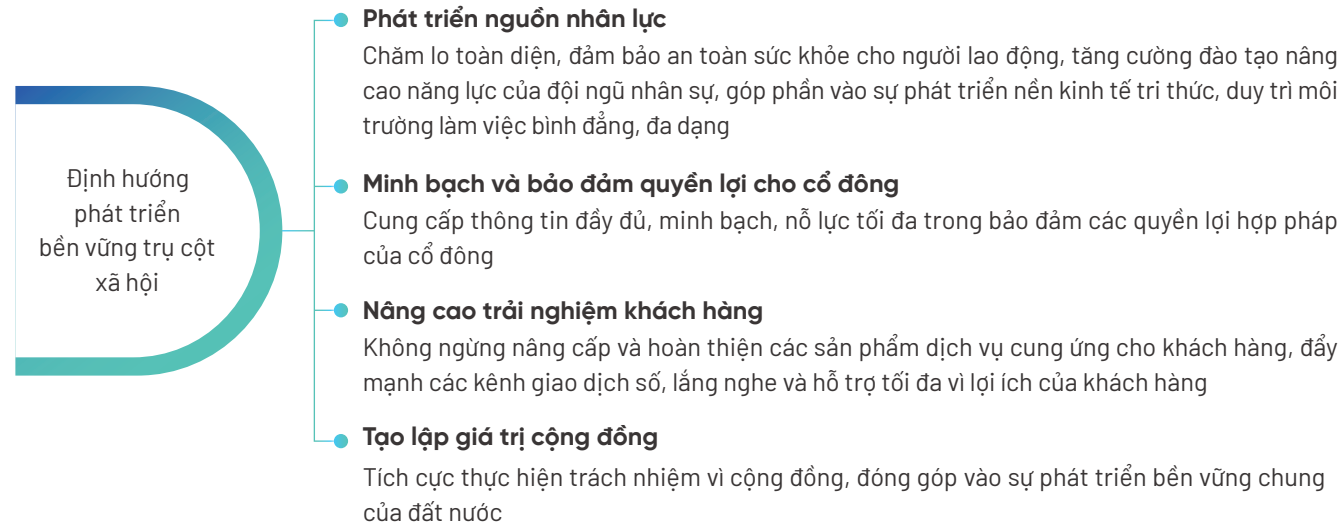
- Đưa vào sử dụng phần mềm eOffice phục vụ báo cáo, luân chuyển, lưu trữ văn bản, chứng từ và tiết kiệm giấy in, không gian lưu trữ.
- Sử dụng chai nước thủy tinh, bình giữ nhiệt cho nhân viên, khách hàng, đối tác thay vì dung chai nước uống 1 lần để hạn chế rác thải nhựa.
- Công ty áp dụng các giải pháp hạn chế phát thải ra môi trường từ các phương tiện giao thông thông qua khuyến khích các cuộc họp trực tuyến, trao đổi công việc trên nền tảng sử dụng công nghệ thông tin để giảm việc di chuyển.

Môi trường làm việc xanh

- Người lao động dành một phần lớn thời gian trong ngày của mình tại nơi làm việc, vì vậy, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp được BSC duy trì và không ngừng cải tiến.
- BSC luôn chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động và đảm bảo chất lượng không khí sạch, tạo môi trường làm việc an toàn cho các cán bộ.
- Hướng tới mục tiêu văn phòng xanh, cây xanh được bố trí với mật độ hợp lý tại các văn phòng, với đội ngũ nhân viên chăm sóc chuyên biệt, đồng thời, BSC khuyến khích cán bộ trồng cây xanh tại bàn làm việc nhằm tạo ra môi trường xanh, nâng cao sức khỏe và tinh thần cho người lao động.



2. Nỗ lực xây dựng xã hội bền vững



Minh bạch, bảo đảm quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư

• Minh bạch thông tin:

- Công bố thông tin: BSC luôn nỗ lực tối đa trong việc thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế công bố thông tin. Các thông tin được công bố một cách công khai, dễ tiếp cận và đảm bảo tính kịp thời.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán: Trong năm 2024, BSC tiếp tục hợp tác với Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (EY) để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét tài chính bán niên.

• Tối đa hóa lợi ích cho cổ đông:

- Chi trả cổ tức: Trong năm 2024, BSC đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% cho các cổ đông trong danh sách chốt quyền vào ngày 10/07/2024.
- Quan hệ cổ đông: BSC luôn duy trì các kênh liên lạc đa dạng và thuận tiện với cổ đông, bao gồm qua email, văn bản, điện thoại, và các kênh trực tuyến khác. Bên cạnh đó, BSC luôn sẵn sàng lắng nghe ý kiến, phản hồi và giải đáp các thắc mắc từ phía cổ đông, nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi và sự hài lòng của các cổ đông.

• Quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

- Trong năm 2024, ĐHĐCĐ thường niên BSC đã được tổ chức thành công ngay từ lần họp đầu tiên vào ngày 23/04/2024. Toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của BSC đảm bảo tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ theo đúng quy định.
- Biên bản họp, Nghị quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ của công ty được đều được công bố thông tin đúng thời hạn tới các cơ quan quản lý và đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của BSC. Các nội dung được đăng tải thể hiện đầy đủ các thông tin, nội dung đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ và đảm bảo cho tất cả các cổ đông, kể cả các cổ đông không dự họp cũng nắm bắt được trọn vẹn các nội dung được thảo luận tại Đại hội.



• Quyền bình đẳng:

BSC luôn cam kết đảm bảo sự công bằng và quyền lợi bình đẳng đối với tất cả các cổ đông. Vì vậy, việc cung cấp thông tin một cách minh bạch, đầy đủ và kịp thời đến tất cả cổ đông, bất kể cổ đông thiểu số hay cổ đông đa số, cổ đông trong nước hay ngoài nước, luôn là ưu tiên hàng đầu của BSC. Công ty luôn nhất quán thực hiện chính sách này nhằm bảo vệ quyền lợi của mọi cổ đông.

• Quản trị xung đột lợi ích:

BSC luôn chú trọng quản trị và ngăn ngừa xung đột lợi ích trong các giao dịch của công ty với người có liên quan hoặc người nội bộ (nếu có), và cam kết thực hiện các giao dịch này một cách công khai, minh bạch. Mọi giao dịch với người có liên quan hoặc người nội bộ (nếu có) đều được BSC ghi nhận đầy đủ trong các báo cáo như Báo cáo quản trị và Báo cáo tài chính. Các báo cáo này được công bố thông tin theo quy định và được công khai tới các cổ đông, đảm bảo quản trị xung đột về lợi ích một cách hiệu quả, minh bạch.

Tận tâm phục vụ, thấu hiểu khách hàng

BSC không ngừng nỗ lực cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đầu tư phù hợp nhất, đẩy mạnh chuyển đổi số để phục vụ khách hàng tối đa, nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng.

1. Nâng cao trải nghiệm khách hàng:

BSC Smart Invest – Nâng tầm giao dịch

Ứng dụng đầu tư chứng khoán BSC Smart Invest tiếp tục được BSC nâng cấp trong năm 2024, với hàng loạt tính năng vượt trội như: Danh mục khuyến nghị BSC10, BSC30, BSC50; Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài; Thanh khoản thị trường; Độ rộng thị trường, Danh sách mã cổ phiếu dẫn dắt,... Mọi thông tin quan trọng của thị trường đều được hiển thị rõ ràng, sinh động và trực quan qua từng màn hình. BSC tin rằng những cải tiến này sẽ giúp Khách hàng tự tin nắm bắt cơ hội, đón đầu xu hướng trong từng quyết định đầu tư.

BSC10 – Danh mục bút phá, tỷ suất vượt trội

Với mong muốn mang các cơ hội đầu tư hấp dẫn được chọn lọc và đánh giá kỹ càng tới khách hàng, BSC10 là danh mục 10 cổ phiếu được khuyến nghị bởi Trung tâm Phân tích Nghiên cứu BSC. Với tỷ suất sinh lời lũy kế năm 2024 là 37.4%, BSC10 tiếp tục duy trì hiệu quả với hiệu suất gấp 3.1 lần hiệu suất của Vn-Index trong cùng thời kỳ.

Danh mục BSC10 được rà soát và cập nhật định kỳ hàng tháng theo sát diễn biến của thị trường & cổ phiếu, đặc biệt phù hợp với mục tiêu đầu tư ngắn hạn. Để lọt vào danh mục, các cổ phiếu đều đáp ứng đủ các tiêu chí:



Câu chuyện đầu tư hấp dẫn trong ngắn hạn



Yếu tố cơ bản tốt, định giá phù hợp



Thanh khoản cao



“Bảo hiểm an ninh mạng” – An tâm giao dịch chứng khoán số

Song song với các hoạt động nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin với nhiều lớp bảo mật, năm 2024, BSC tiếp tục gia tăng quyền lợi cho khách hàng với chương trình “Tặng Bảo hiểm An ninh mạng” khi khách hàng mở tài khoản và giao dịch tại BSC. Chương trình được phối hợp với Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) nhằm giảm thiểu các thiệt hại có thể xảy ra trước các rủi ro trên không gian mạng.

Thấu hiểu khách hàng

BSC tập trung tư vấn cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp nhất, chú trọng chất lượng chăm sóc khách hàng.



2. Hỗ trợ khách hàng:

Bên cạnh công tác phát triển sản phẩm dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, BSC cũng chú trọng phát triển đa dạng các kênh hỗ trợ khách hàng.

Nắm bắt được xu hướng ưu tiên sử dụng các kênh giao dịch online, những năm gần đây BSC chú trọng phát triển các kênh hỗ trợ trực tuyến để phục vụ khách hàng một cách kịp thời. Ngoài quầy giao dịch, khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận BSC qua 7 kênh tương tác khác như: Tổng đài, Email, Website, Facebook, Zalo, Viber, WhatsApp.

3. Đảm bảo quyền lợi khách hàng:

BSC luôn đặt mục tiêu bảo mật thông tin khách hàng lên hàng đầu và cam kết bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng.

• Các chính sách, quy trình nội bộ về bảo mật thông tin khách hàng:

Với tư cách là đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính, BSC có trách nhiệm quản lý, bảo mật thông tin khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ. Để phù hợp với quy định của pháp luật, thống nhất cơ chế quản lý và bảo vệ thông tin của khách hàng, BSC đã ban hành các văn bản nội bộ quy định cụ thể nghĩa vụ của BSC trong công tác quản lý, bảo mật thông tin khách hàng, hướng dẫn về việc phân loại, sử dụng và bảo vệ dữ liệu trong nội bộ cũng như cung cấp dữ liệu ra bên ngoài.

• Hệ thống công nghệ thông tin:

Hệ thống công nghệ thông tin của BSC được xây dựng hiện đại, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng, thường xuyên cập nhật các phần mềm để bảo mật thông tin khách hàng trước các nguồn tin tặc và lừa đảo.

• Thường xuyên giám sát các hoạt động liên quan đến thông tin khách hàng:

BSC thực hiện giám sát hệ thống công nghệ thông tin, thường xuyên kiểm tra, rà soát và đánh giá các tài khoản có quyền quản trị trong hệ thống, bảo đảm các tài khoản này chỉ được cấp quyền truy cập vào hệ thống thông tin theo đúng thẩm quyền và phạm vi được phép.

• Đào tạo, nâng cao nhận thức của cán bộ về bảo mật thông tin:

Trách nhiệm bảo mật thông tin được BSC quy định bắt buộc cho toàn bộ lãnh đạo và cán bộ trong công ty. Trường hợp cán bộ BSC cung cấp thông tin không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền, không tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi, thiệt hại gây ra sẽ bị xử lý kỷ luật và có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, đồng thời phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra.

Bên cạnh đó, BSC cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ để nâng cao nhận thức của cán bộ về bảo mật thông tin, cũng như kịp thời cập nhật các thủ đoạn của tội phạm công nghệ tới toàn thể cán bộ trong công ty.

• Truyền thông, tăng cường ý thức tự bảo vệ cho khách hàng:

Sự gia tăng của các thủ đoạn lừa đảo tinh vi, công nghệ cao đã làm tăng rủi ro thiệt hại về tài chính cho khách hàng. Theo đó, BSC chủ động khuyến nghị khách hàng các nguyên tắc bảo mật an toàn khi thực hiện các giao dịch trên internet và liên tục cảnh báo các chiêu thức lừa đảo, đánh cắp thông tin giao dịch của tội phạm công nghệ trên các kênh truyền thông để giúp khách hàng tăng cường nhận thức bảo mật các thông tin của bản thân.

Phát triển nguồn nhân lực

Tại BSC, nguồn nhân lực không chỉ là chìa khóa thành công mà còn là động lực cốt lõi giúp công ty phát triển bền vững. Đặc thù của ngành tài chính đòi hỏi đội ngũ nhân sự không chỉ có chuyên môn vững vàng, mà còn cần phẩm chất đạo đức và tư duy nhạy bén. Vì vậy, BSC luôn chú trọng đến việc thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài thông qua các chính sách đãi ngộ cạnh tranh, môi trường làm việc chuyên nghiệp và cơ hội phát triển bền vững. Công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc khuyến khích sự sáng tạo, minh bạch và công bằng, giúp mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực của mình.

Thông kê đội ngũ Nhân sự năm 2024

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số nhân sự đang làm việc tại BSC là 302 cán bộ. Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 97,68% tổng số lao động. Với 78,81% số lượng nhân viên có trình độ cử nhân, 18,87% số lượng nhân viên có trình độ trên đại học đảm bảo nền tảng kiến thức chuyên môn để phát triển và cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao.

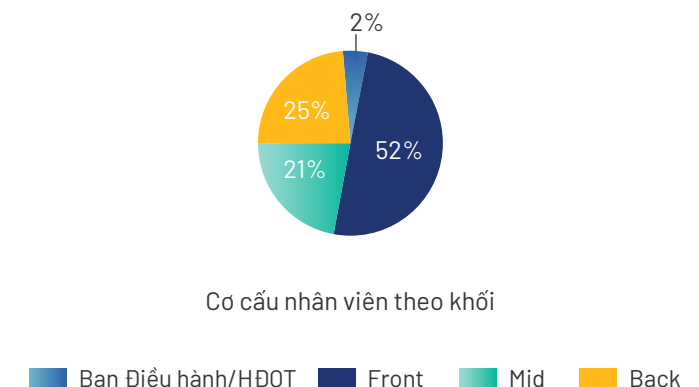
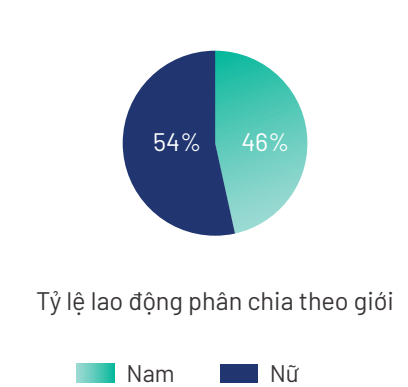
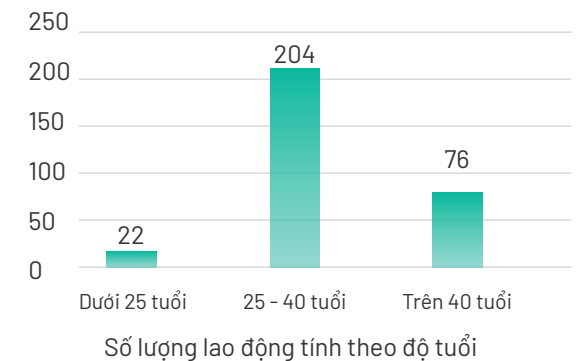
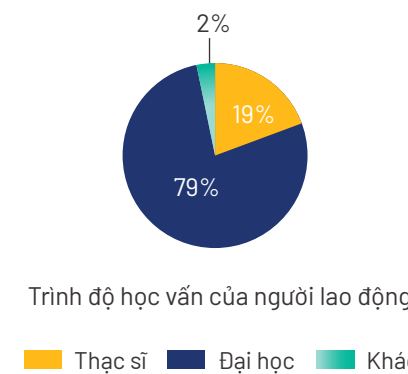
Xét về độ tuổi, đội ngũ nhân sự của BSC chủ yếu tập trung ở độ tuổi từ 25-40 tuổi (67,55%) được đào tạo bài bản và nhiệt tình trong công việc. Với cơ cấu nhân sự trẻ, BSC trang bị cho mình lực lượng lao động ở độ tuổi cống hiến, nhiệt tình, hứa hẹn mang lại một BSC năng động, sáng tạo, không ngừng chuyển mình phát triển lớn mạnh.

Khối kinh doanh trực tiếp luôn được BSC đảm bảo duy trì cơ cấu với tỷ trọng lớn chiếm đến 52,65% trên tổng số nhân sự. Bên cạnh đó, 24,83% là nhân sự khối backoffice và 20,86% nhân sự thuộc khối middle.

302 nhân sự

97,68%

Nhân sự có trình độ đại học và trên đại học



Tại BSC, 100% người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp thông qua chỉ tiêu KPIs được phân giao và đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm.

Chăm sóc sức khỏe người lao động



Bảo vệ sức khỏe người lao động chính là bảo vệ nguồn nhân lực, góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, theo đó BSC chú trọng thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động với nhiều hình thức đa dạng:

- 100% người lao động trong công ty được tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, giúp phát hiện sớm các vấn đề về sức khỏe để theo dõi và điều trị kịp thời. Thông tin về sức khỏe của người lao động được bảo mật và BSC không sử dụng kết quả khám sức khỏe vào các quyết định liên quan đến hoạt động nhân sự.
- BSC áp dụng chương trình bảo hiểm toàn diện (Bảo hiểm

tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, quỹ hưu trí tự nguyện) nhằm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người lao động, đồng thời triển khai các gói bảo hiểm sức khỏe ưu đãi dành cho người thân của cán bộ.

- Các hoạt động nâng cao sức khỏe của Công đoàn và Đoàn thanh niên BSC: Thành lập các câu lạc bộ thể thao; Chương trình động lực khuyến khích CBNV tham gia giải chạy “Tết ấm cho người nghèo” và giải chạy “Cho cuộc sống Xanh” do BIDV tổ chức;...
- Tại trụ sở làm việc, BSC có bố trí phòng tập luyện thể thao cho cán bộ.



Chế độ lương thưởng và đãi ngộ cho người lao động

Tại BSC, chính sách lương thưởng và phúc lợi không chỉ đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực, thu hút và giữ chân nhân tài. Công ty cam kết xây dựng hệ thống đãi ngộ dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch và gắn liền với hiệu quả công việc. Thu nhập của mỗi nhân viên không chỉ phản ánh năng lực cá nhân mà còn dựa trên đóng góp vào kết quả chung của bộ phận và công ty. Hệ thống đãi ngộ linh hoạt giúp khuyến khích nhân viên nâng cao năng suất lao động, đồng thời đảm bảo sự công bằng trong phân phối thu nhập, thu hút và giữ chân nhân tài cho công ty.



Cơ cấu thu nhập của nhân sự BSC

Tiền lương

- Lương cơ bản hàng tháng
- Lương doanh số
- Lương hiệu suất
- Lương hiệu suất cao
- Lương làm thêm giờ

Các chế độ phúc lợi

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Bảo hiểm tai nạn, sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, Quỹ hưu trí tự nguyện
- Phụ cấp ăn trưa, phụ cấp trang phục
- Phúc lợi các dịp lễ Tết
- Khám sức khỏe định kỳ
- Các khoản phụ cấp công tác phí, điện thoại, ...
- Chương trình nội bộ, nghỉ mát, teambuilding,...

Bên cạnh các khoản tiền lương, BSC triển khai nhiều chính sách hỗ trợ tài chính và phúc lợi toàn diện, bao gồm:

Phụ cấp, trợ cấp và khen thưởng



- Tiền ăn trưa, phụ cấp trang phục (chỉ trả định kỳ hàng tháng)
- Phụ cấp công tác phí, điện thoại, văn phòng phẩm...
- Tiền thưởng theo thành tích cá nhân và kết quả kinh doanh của công ty đảm bảo ghi nhận đóng góp của nhân viên.

Chương trình phúc lợi sức khỏe và an sinh



- Khám sức khỏe định kỳ tại các cơ sở y tế uy tín
- Chương trình bảo hiểm toàn diện: bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, quỹ hưu trí tự nguyện.
- Hỗ trợ nơi ở cho nhân viên công tác dài ngày hoặc điều động, thuyền chuyển.



BSC cũng thay mặt nhân viên đóng góp vào quỹ Công đoàn, đảm bảo quyền lợi và phúc lợi chung của toàn thể cán bộ nhân viên. Tất cả chính sách đãi ngộ đều hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo động lực làm việc và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bền vững.

Kết cấu các khoản đãi ngộ tài chính của BSC trong năm 2024

Diễn giải	2024
1. Lương, thưởng	79%
2. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	4%
3. Quỹ khen thưởng phúc lợi	17%

Các hoạt động tập thể, kết nối người lao động



Các hoạt động tập thể sôi nổi được tổ chức ở cả Trụ sở chính và Chi nhánh của BSC, góp phần gia tăng mức độ thấu hiểu, gắn kết giữa những người lao động:

- Tổ chức du lịch, nghỉ mát, du xuân, các hoạt động thiện nguyện nhằm gắn kết nội bộ và thể hiện trách nhiệm xã hội của BSC.
- Các câu lạc bộ thể thao như bóng đá, bóng bàn, chạy, yoga, zumba, pickleball... giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe và cân bằng cuộc sống.
- Chương trình gắn kết gia đình: hỗ trợ điều trị bệnh hiểm nghèo, khen thưởng học sinh giỏi, tổ chức Tết thiếu nhi, Tết Trung thu cho các con em cán bộ,...





Đào tạo và phát triển liên tục

Công tác đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty nhằm phát triển nguồn nhân lực nội bộ, từ đó gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Hàng năm, BSC chú trọng việc phát triển nguồn lực thông qua tổ chức các chương trình đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng và nâng cao năng lực làm việc cho cán bộ nhân viên, cử nhân viên tham gia các diễn đàn, các hội thảo, các đợt tập huấn ngắn hạn tại Việt Nam và nước ngoài để có cơ hội học hỏi, chia sẻ và tích lũy kinh nghiệm thực tế. Bên cạnh đó, BSC còn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia học tập và hoàn thiện các chứng chỉ quốc tế chuyên nghiệp như CFA, CPA ..., tài trợ chi phí hoàn thiện các Chứng chỉ hành nghề chứng khoán để đáp ứng yêu cầu công việc và các quy định của pháp luật

Trong năm 2024, BSC đã tổ chức triển khai nhiều khóa đào tạo có tính ứng dụng cao và đáp ứng nhu cầu học tập, phát triển của cán bộ nhân viên, có thể kể đến một số khóa tiêu biểu như:



Kiểm toán nội bộ theo chuẩn quốc tế IIA



Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ theo chuẩn quốc tế COSO



Kiểm thử phần mềm (ISTQB)



Power BI cơ bản



Docker Foundation



Lập trình bằng ngôn ngữ Reactjs



Chuyên gia Bảo mật mạng CEH

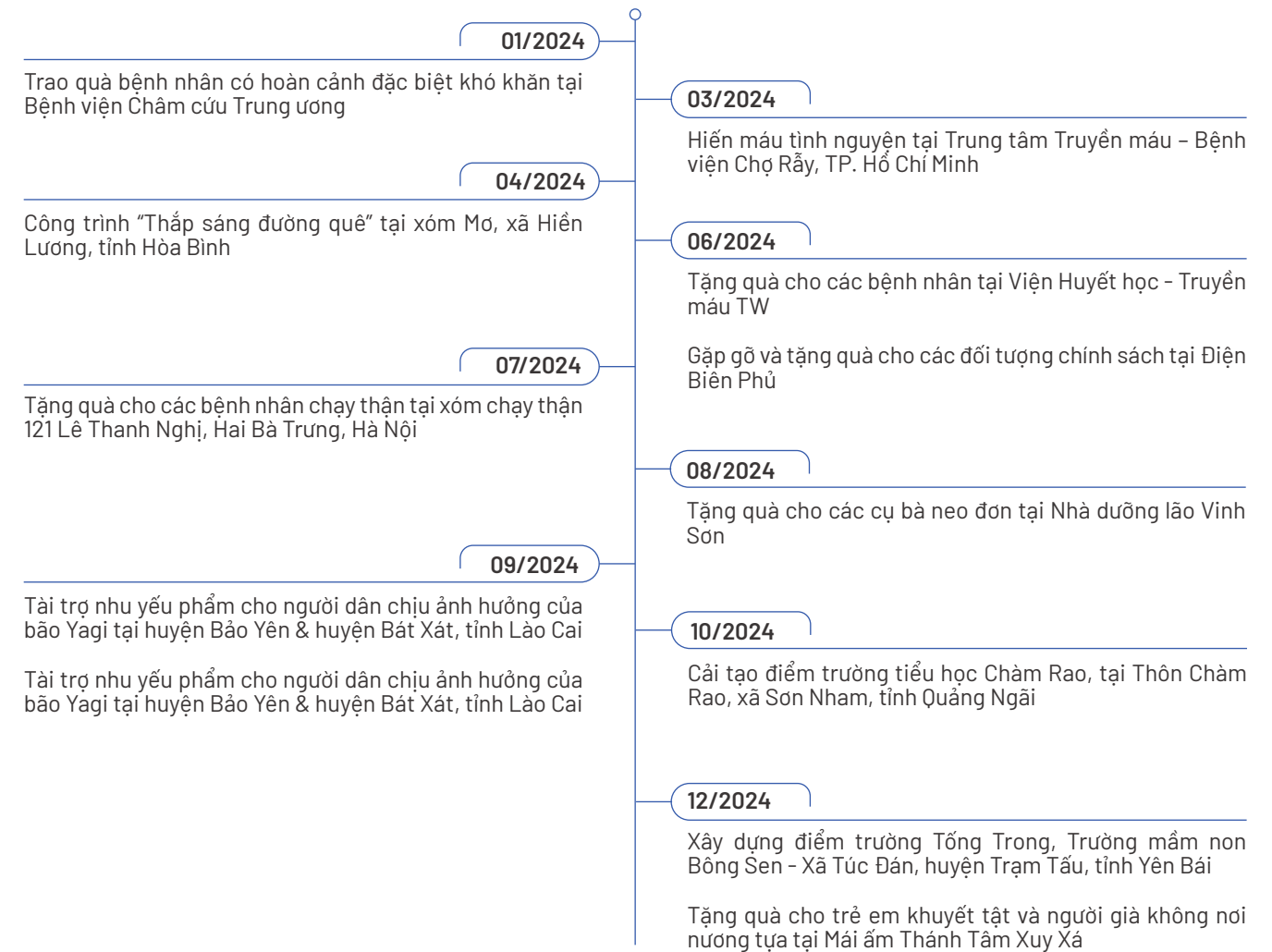


An toàn thông tin cho người dùng

Chung tay xây dựng cộng đồng, xã hội

Trong năm 2024, BSC tiếp tục tập trung triển khai các hoạt động an sinh xã hội hướng tới các đối tượng trẻ em, người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn và người bệnh. Với tổng số tiền giải ngân đạt gần 1.6 tỷ đồng, BSC đã triển khai nhiều chương trình ý nghĩa như: hỗ trợ xây dựng, cải tạo trường học; thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bệnh nhân điều trị tại các cơ sở y tế và cứu trợ khẩn cấp cho các khu vực chịu ảnh hưởng bởi thiên tai. Những đóng góp này không chỉ góp phần cải thiện đời sống người dân mà còn khẳng định vai trò, trách nhiệm của BSC đối với cộng đồng, đồng thời lan tỏa các giá trị nhân văn sâu sắc trong xã hội.

Các chương trình an sinh xã hội BSC đã triển khai trong năm 2024:



Các chương trình an sinh xã hội do BSC triển khai đã tạo nên những thay đổi thiết thực, mang lại niềm hy vọng và sự sẻ chia, đặc biệt với những đối tượng yếu thế trong xã hội; lan tỏa mạnh mẽ tinh thần tương thân tương ái tới cộng đồng. Bên cạnh đó, thể hiện vai trò tiên phong, gắn kết mục tiêu phát triển chung của BSC trong việc xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

3. Thúc đẩy quản trị minh bạch, hiệu quả

BSC luôn coi trọng đạo đức kinh doanh và cam kết thực hiện quản trị công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết.

Định hướng phát triển bền vững trụ cột quản trị



Quản trị rủi ro

BSC luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro và đảm bảo tuân thủ theo các quy định của UBCKNN. Hệ thống quản trị rủi ro hoàn chỉnh và thống nhất giúp BSC có tầm nhìn khách quan nhất về các mặt hoạt động của mình. Khả năng chủ động phát hiện các rủi ro tiềm tàng, quản lý rủi ro luôn là một lợi thế để giúp BSC ngăn chặn và hạn chế một cách có hiệu quả những tổn thất do các rủi ro gây ra.

Hàng năm, BSC xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm

cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên và thiết lập khung quản trị rủi ro nhằm: xác định khẩu vị rủi ro đảm bảo nguyên tắc gắn kết với các mục tiêu và chiến lược kinh doanh của BSC, và xác định khả năng chấp nhận rủi ro của BSC.

Quy trình quản trị rủi ro tại BSC được xây dựng đầy đủ, chi tiết, bao gồm: nhận diện rủi ro, đo lường và phân tích rủi ro, đánh giá rủi ro, xử lý rủi ro, báo cáo và theo dõi rủi ro.

Nhận diện rủi ro

Xác định các rủi ro phát sinh/ có khả năng phát trong việc triển khai hoạt động kinh doanh.
Xác định nguyên nhân cốt lõi, hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh.

Đo lường và phân tích rủi ro

Phân tích khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng của rủi ro, từ đó xác định mức độ trọng yếu của rủi ro.
Xây dựng định nghĩa và tiêu chí thông số đo lường cụ thể cho từng cấp độ rủi ro đối với nhóm rủi ro trọng yếu đảm bảo phù hợp với khẩu vị rủi ro của BSC.

Đánh giá rủi ro

Xác định và đánh giá mức độ hiệu quả của những quy trình/ hoạt động kiểm soát hiện tại đối với nhóm rủi ro trọng yếu.

Xử lý rủi ro

Xây dựng các kế hoạch hành động tương ứng nhằm giảm thiểu, xử lý rủi ro đối với những rủi ro trọng yếu chưa có kiểm soát hiệu quả, và đồng thời liên tục giám sát việc thực hiện các biện pháp xử lý rủi ro.

Báo cáo và theo dõi rủi ro

Theo dõi, định kỳ đánh giá và báo cáo tính hiệu quả của biện pháp xử lý rủi ro, chiến lược & cơ chế kiểm soát đã xây dựng, đảm bảo tính phù hợp với điều kiện luôn thay đổi, và thực hiện cập nhật khi cần thiết.
Thường xuyên trao đổi, cập nhật và tham vấn 2 chiều giữa người ra quyết định và các bên liên quan về các thông tin về rủi ro (sự tồn tại, tính chất, hình thức, mức độ trọng yếu, khả năng chấp nhận rủi ro).

Dựa trên nền tảng hệ thống quản trị rủi ro, BSC đã xây dựng các chương trình hành động áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro trong năm 2024:

Loại rủi ro	Quản trị rủi ro tại BSC
Rủi ro hoạt động	BSC chuẩn hóa quy trình và các chốt chặn kiểm soát thông qua việc xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung các chính sách và quy trình đối với từng nghiệp vụ như môi giới, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư... trong đó quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng vị trí đối với từng công việc cụ thể. Đây là công cụ cơ bản để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm giảm thiểu rủi ro. Cùng với đó, các biện pháp quản trị rủi ro khác được áp dụng bao gồm: xây dựng và giám sát các thông số đo lường rủi ro tuân thủ, nhân sự, gián đoạn giao dịch,...; triển khai và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống giám sát và cảnh báo sự cố; xây dựng và bổ sung các kịch bản diễn tập cho việc xử lý các sự cố liên quan đến CNTT; quản lý việc truy cập, phân quyền truy cập theo chức năng – nhiệm vụ đối với từng bộ phận nhằm nâng cao tính bảo mật của hệ thống...
Rủi ro thị trường	BSC thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường hàng ngày theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, kết hợp với hệ thống báo cáo định kỳ tại BSC. Hàng năm, BSC xây dựng các thông số đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro từng nghiệp vụ kinh doanh tiềm ẩn rủi ro thị trường (tự doanh cổ phiếu, trái phiếu...) đảm bảo phù hợp với kế hoạch kinh doanh, chiến lược đầu tư và khẩu vị rủi ro của BSC. Các thông số đo lường rủi ro này được tính toán, theo dõi thường xuyên và cảnh báo kịp thời tới cấp thẩm quyền khi có sự kiện vi phạm ngưỡng cảnh báo. Hàng tuần, các phòng kinh doanh được thông báo về giới hạn kiểm soát hạn mức đầu tư từng tuần. Ngoài ra, cơ cấu danh mục đầu tư được quản lý hàng tháng thông qua báo cáo phân tích giá trị thuần của các khoản đầu tư nhằm cung cấp các thông tin về mức độ tập trung rủi ro và các tiêu chí đánh giá bao gồm: đơn vị phát hành/ đối tác, lĩnh vực/ ngành nghề, loại đầu tư, kỳ hạn...
Rủi ro thanh toán	BSC thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán hàng ngày theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Hàng năm, BSC xây dựng các thông số đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro từng nghiệp vụ kinh doanh tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tự doanh trái phiếu, cho vay ký quỹ...) đảm bảo phù hợp với kế hoạch kinh doanh và khẩu vị rủi ro của BSC. Các thông số đo lường rủi ro này được theo dõi, đánh giá định kỳ và được cảnh báo kịp thời tới cấp thẩm quyền khi có sự kiện vi phạm ngưỡng cảnh báo. Định kỳ hàng tháng và hàng quý, BSC thực hiện đánh giá về mức độ rủi ro thanh toán của danh mục trái phiếu đầu tư và danh mục cho vay ký quỹ dựa trên các thông tin cập nhật trên thị trường và mô hình xếp hạng cổ phiếu do BSC xây dựng nhằm nhận diện, sàng lọc và giảm thiểu mức độ rủi ro thanh toán cho BSC.

Rủi ro thanh khoản	BSC xây dựng bộ chỉ số thanh khoản mục tiêu áp dụng dựa trên Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính. BSC luôn duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền hợp lý để đáp ứng cho các hoạt động của BSC và giúp ổn định thanh khoản. Hàng tháng, BSC lập báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản, xác định dòng tiền ra, dòng tiền vào và mức chênh lệch thanh khoản thực tế theo thang kỳ hạn nhằm đánh giá về khả năng/ trạng thái thanh khoản của BSC trong kỳ báo cáo. Ngoài ra, hàng quý BSC lập báo cáo phân tích dòng tiền cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ.
Rủi ro pháp lý	BSC chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của BSC. Đồng thời, BSC chủ động rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán.

Bộ quy tắc ứng xử

Bộ quy tắc ứng xử tại BSC được xây dựng và truyền thông rộng rãi đến tất cả các cá nhân trong công ty nhằm xây dựng một tập thể vững mạnh, đoàn kết, hướng tới sự phát triển lâu dài. Bộ quy tắc ứng xử của chúng tôi luôn đặt yếu tố ý thức con người lên hàng đầu, bao gồm những đặc điểm, phẩm chất làm kim chỉ nam cho các hành vi, tình huống đối xử giữa các đồng nghiệp trong công ty, đề cao sự sáng tạo, nhân phẩm mỗi cá nhân, tạo ra môi trường hoàn toàn bình đẳng, thoải mái để các nhân viên có thể hoàn thành tốt công việc của mình, tuyệt đối nói không với chèn ép, bắt nạt và các hành vi quấy rối, đảm bảo sự riêng tư và tuyệt mật đối với từng người. Bộ quy tắc được thể hiện qua các đặc điểm sau:



Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

Tuân thủ pháp luật

BSC luôn cam kết và nỗ lực hành động để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, thông lệ quốc tế và các hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch đã được BSC ký kết với các khách hàng, đối tác nhằm đáp ứng cho sự phát triển an toàn, bền vững. BSC không chấp nhận bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ, vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp. Mọi chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động của BSC đều được nhận diện, theo dõi, đảm bảo việc chấp hành và phòng, tránh các hành vi vi phạm tuân thủ. Hoạt động tuân thủ pháp luật tại BSC được triển khai đồng bộ và toàn diện dựa trên các nội dung:



- Luôn bám sát và thường xuyên cập nhật hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định pháp luật và thông lệ quốc tế liên quan đến các hoạt động của công ty.
- Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản, quy trình, quy định nội bộ nhằm hướng dẫn và đảm bảo thực thi tuân thủ trong các hoạt động của công ty; Ứng dụng sâu rộng và mạnh mẽ nền tảng công nghệ thông tin vào tất cả các hoạt động của công ty, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ nhân viên, hiệu quả của hoạt động và hạn chế các hành vi vi phạm.
- Tăng cường hoạt động đào tạo nghiệp vụ, các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp cho toàn thể cán bộ, nhân viên của BSC, góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ, theo đó, mọi cán bộ, nhân viên BSC luôn hiểu, làm đúng và tự nguyện tuân thủ.
- Xây dựng hệ thống giám sát tuân thủ, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp thông lệ quốc tế; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, đánh giá tuân thủ trong toàn bộ hoạt động quản lý, vận hành của công ty.
- Kiến nghị và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động tuân thủ tại BSC.



Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong giao dịch với khách hàng và các đối tác

- BSC luôn phục vụ và hỗ trợ khách hàng, đối tác, cổ đông theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cao nhất, nỗ lực đạt lợi thế cạnh tranh tốt nhất thông qua việc không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đồng thời không chấp nhận bất cứ hành vi vi phạm pháp luật, gian lận, vi phạm đạo đức nghề nghiệp để trục lợi hoặc cạnh tranh không lành mạnh.
- BSC duy trì và nâng cao hình ảnh uy tín, sự tin tưởng đối với đối tác, khách hàng, cổ đông, tăng cường phối hợp và trao đổi với các cơ quan quản lý nhà nước trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ứng xử mà BSC ban hành. BSC mong muốn xây dựng niềm tin, sự tin nhiệm của khách hàng, đối tác thông qua văn hóa làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả trên cơ sở thượng tôn pháp luật và cạnh tranh lành mạnh.

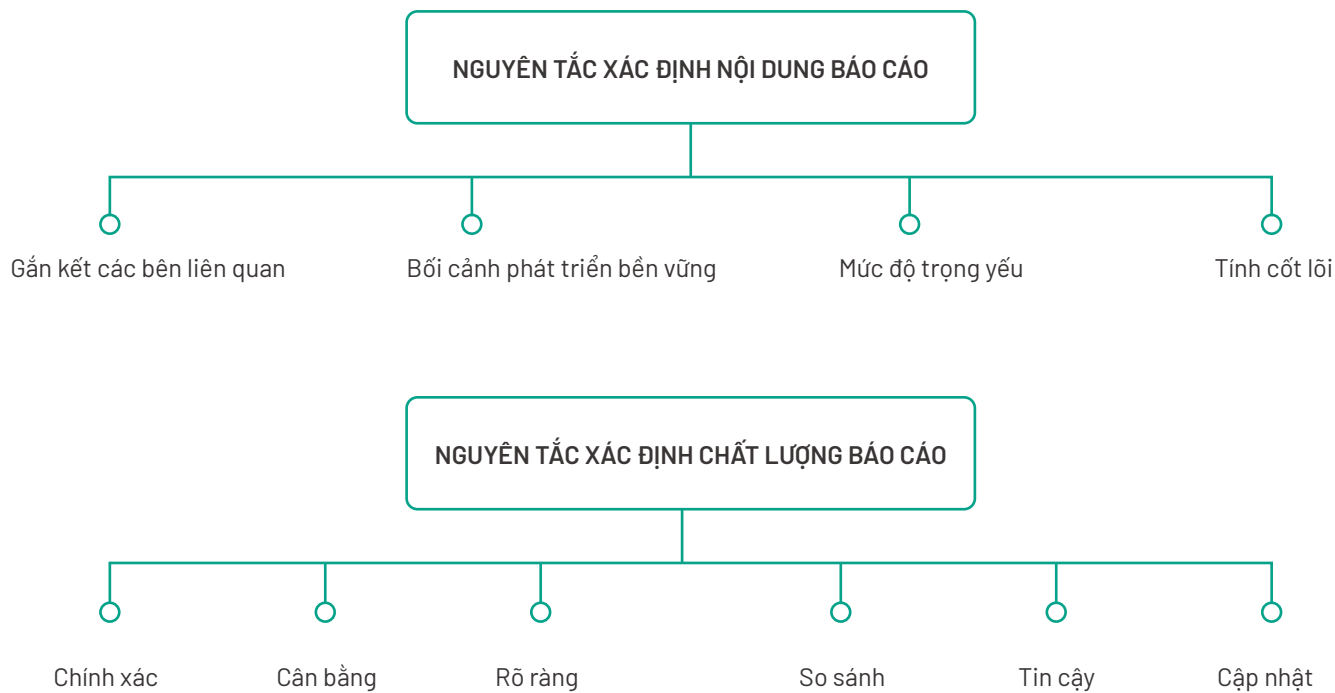
GRI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Phạm vi của báo cáo

Giai đoạn báo cáo: Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024

Tiêu chuẩn áp dụng: Báo cáo này bao gồm các kết quả và thành tích của BSC trong công cuộc quản lý bền vững, được áp dụng Bộ tiêu chuẩn lập Báo cáo phát triển bền vững – GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu, bao gồm các tiêu chuẩn báo cáo toàn diện bền vững sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Báo cáo này đã được lập tuân theo Tiêu chuẩn GRI: tùy chọn Cốt lõi.

Nguyên tắc báo cáo



Liên hệ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp liên quan đến hoạt động phát triển bền vững cũng như nội dung trong Báo cáo phát triển bền vững của BSC, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin dưới đây:

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV – Hội sở chính

Số điện thoại: (+84 24) 39352722

Email: truyenthongmarketing@bsc.com.vn

Địa chỉ: Tầng 8, 9, Tòa nhà ThaiHoldings, số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

PHỤ LỤC THAM CHIẾU CHỈ SỐ GRI STANDARDS

GRI	MÔ TẢ	THAM CHIẾU	TRANG	LÝ DO BỎ QUA
GRI 100: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG 2016				
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP				
102-1	Tên Tổ chức	BCTN	10	
102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	BCTN – Tổng quan	16, 17	
102-3	Địa điểm của Trụ sở chính	BCTN – Tổng quan	18	
102-4	Các địa điểm hoạt động	BCTN – Tổng quan	18	
102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	BCTN	70	
102-7	Quy mô của tổ chức	BCTN – Tổng quan	10	
102-8	Thông tin nhân viên và người lao động khác	BCPTBV – Phát triển nguồn nhân lực	111	
102-9	Chuỗi cung ứng	BCTN – Tổng quan	18	
102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức			
102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	BCPTBV – Quản trị rủi ro	118	
102-12	Các sáng kiến bên ngoài			
102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	BCPTBV – Tương tác với các bên hữu quan	103	
CHIẾN LƯỢC				
102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	BCTN – Thông điệp của Tổng giám đốc	04	
		BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	101	
102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	BCPTBV – Quản trị rủi ro	118	
ĐẠO ĐỨC VÀ CHÍNH TRỰC				
102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	BCPTBV – Đạo đức kinh doanh; Bộ quy tắc ứng xử	120	

QUẢN TRỊ			
102-18	Cơ cấu quản trị	BCTN – Quản trị công ty	22
102-35	Chính sách về thù lao	BCTN – Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	90
102-39	Tỷ lệ phần trăm gia tăng trong tổng tỷ lệ thù lao hằng năm	BCTN – Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	90
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN			
102-40	Danh sách các nhóm liên quan	BCPTBV – Tương tác với các bên hữu quan	103
102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	BCPTBV – Tương tác với các bên hữu quan	103
102-43	Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan	BCPTBV – Quy trình tương tác với các bên hữu quan trọng yếu	104
102-44	Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	101
THÔNG LỆ BÁO CÁO			
102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	BCTC	138
102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	101
102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	BCPTBV – Xác định các chủ đề trọng yếu	106
102-48	Trình bày lại thông tin	Không phát sinh việc trình bày lại thông tin	
102-49	Các thay đổi trong báo cáo	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	122
102-50	Kỳ báo cáo	01/01/2024 – 31/12/2024	
102-52	Chu kỳ báo cáo	Thường niên	
102-53	Đầu mối liên hệ cho thắc mắc về báo cáo	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	122
102-54	Tuyên bố báo cáo tuân thủ theo tiêu chuẩn GRI	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	122
102-55	Mục lục GRI	BCPTBV – Phụ lục tham chiếu chỉ số GRI	123
102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	122

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ			
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	101
103-2	Phương pháp quản trị và các hợp phần	BCPTBV – Mô hình quản trị về phát triển bền vững	102
103-3	Đánh giá phương pháp quản trị	BCPTBV – Mô hình quản trị về phát triển bền vững	102
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ 2016			
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	BCTN – Báo cáo hoạt động năm 2024	45
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	113
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ		BSC chưa có dự án đầu tư cơ sở hạ tầng
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	103
GRI 205: CHỐNG THAM NHƯNG			
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	BCPTBV – Bộ quy tắc ứng xử của BSC	120
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình phòng chống tham nhũng	BCPTBV – Bộ quy tắc ứng xử của BSC	120
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý		Không có vụ việc tham nhũng
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG 2016			
GRI 302: NĂNG LƯỢNG			
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	BCPTBV – Hành động vì môi trường	107
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	BCPTBV – Hành động vì môi trường	107

GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG			
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường		Không có hành vi vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI 2016			
GRI 401: VIỆC LÀM			
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự	111
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	113
401-3	Nghỉ thai sản	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	113
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	BCPTBV – Đào tạo và phát triển liên tục	116
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự	111
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG			
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự	111
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	BCPTBV – Chung tay xây dựng cộng đồng, xã hội	117
413-2	Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và thực tế đáng kể với cộng đồng địa phương		Không có ảnh hưởng tiêu cực nào
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU			
417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	BCTN – Ngành nghề kinh doanh	17

417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	Không có vụ việc không tuân thủ nào
417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	Không có vụ việc không tuân thủ nào
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG		
418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	Không có vi phạm và khiếu nại nào
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI		
419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế xã hội	Không có vi phạm nào

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01

Thông tin chung

02

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

03

Báo cáo kiểm toán độc lập

04

Báo cáo tình hình tài chính

05

Báo cáo kết quả hoạt động

06

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

07

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

08

Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG TIN CHUNG



Năm
1999

Cấp phép thành lập

2.230.607.010.000 đồng

Vốn điều lệ tại 31/12/2024

01 Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings, Số 210 Trần Quang Khải,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

01 Chi nhánh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place, Số 93 Đường
Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố
Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 02/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 1999 và các giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp theo từng thời kỳ. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán cập nhật mới nhất tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là Giấy phép số 64/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 08 năm 2024. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101003060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 28 vào ngày 28 tháng 08 năm 2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.230.607.010.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.027.831.270.000 đồng).

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, 9 Tòa nhà Thaiholdings, Số 210 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam, một (01) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và hai (02) phòng giao dịch tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 302 nhân viên (31 tháng 12 năm 2023: 300 nhân viên).

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022
Ông Nguyễn Duy Viễn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2024
Ông Lim Do Kyooun	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
Bà Vũ Minh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
Bà Kang Hee Joung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
Ông Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2020
Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020
Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020
Ông Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020
Ông Chung Jae Hoon	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2022

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Viễn, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- 1 Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- 2 Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- 3 Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- 4 Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2025

Số tham chiếu:
13404533/E-68466567

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV ("Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025 và được trình bày từ trang 06 đến trang 72, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
2400-2023-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán:
3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.761.438.272.702	8.239.817.818.241
110	I. Tài sản tài chính		9.744.115.509.451	8.220.951.309.048
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	284.434.076.341	817.120.935.160
111.1	1.1. Tiền		284.434.076.341	247.120.935.160
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		-	570.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)	7.1	3.083.692.663.220	1.779.660.683.519
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)	7.2	1.024.903.095.891	1.245.057.534.296
114	4. Các khoản cho vay	7.3	5.200.189.976.858	4.295.818.320.157
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)	7.4	34.410.500.000	-
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(6.380.166.000)	(6.353.605.200)
117	7. Các khoản phải thu	9	116.334.455.714	80.779.439.583
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		22.385.605.000	1.086.025.000
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		93.948.850.714	79.693.414.583
117.4	7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		93.948.850.714	79.693.414.583
118	8. Trả trước cho người bán	9	1.050.300.613	2.748.124.266
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	5.410.736.959	6.050.762.267
122	10. Các khoản phải thu khác	9	119.869.855	69.115.000
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(50.000.000)	-
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	10	17.322.763.251	18.866.509.193
131	1. Tạm ứng		35.000.000	804.634.181
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		-	704.371.800
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		12.459.778.751	12.529.518.712
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		4.827.984.500	4.827.984.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		553.617.410.063	86.561.139.656
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		466.314.493.156	-
212	1. Các khoản đầu tư	7.2	466.314.493.156	-
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)		466.314.493.156	-
220	II. Tài sản cố định		27.588.949.695	29.010.258.252
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	17.489.612.160	16.810.289.513
222	1.1. Nguyên giá		60.635.846.082	53.462.506.176
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(43.146.233.922)	(36.652.216.663)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	10.099.337.535	12.199.968.739
228	2.1. Nguyên giá		19.340.100.495	19.340.100.495
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(9.240.762.960)	(7.140.131.756)
250	III. Tài sản dài hạn khác		59.713.967.212	57.550.881.404
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	11.393.479.792	11.800.725.855
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	14	12.520.487.420	9.950.155.549
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	20.800.000.000	20.800.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	16	15.000.000.000	15.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.315.055.682.765	8.326.378.957.897

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.253.174.152.094	3.641.963.845.387
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		5.235.251.622.304	3.636.264.292.026
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	4.876.835.049.496	2.803.542.585.092
312	1.1. Vay ngắn hạn		4.876.835.049.496	2.803.542.585.092
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		-	500.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	252.171.078.954	222.826.813.066
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		784.880.619	1.502.427.506
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		461.500.000	1.452.573.520
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	46.324.528.539	34.613.187.461
323	7. Phải trả người lao động		42.383.417.209	47.104.676.600
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		6.194.000	-
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	11.759.559.695	20.712.116.242
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	1.350.306.680	2.328.707.634
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.175.107.112	2.181.204.905
340	II. Nợ phải trả dài hạn		17.922.529.790	5.699.553.361
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23	17.922.529.790	5.699.553.361
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.061.881.530.671	4.684.415.112.510
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	5.061.881.530.671	4.684.415.112.510
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.287.262.921.017	4.084.487.181.017
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.230.607.010.000	2.027.831.270.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.230.607.010.000	2.027.831.270.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		2.056.655.911.017	2.056.655.911.017
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(4.286.330.000)	-
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	778.904.939.654	599.927.931.493
417.1	3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		690.518.821.802	555.060.325.003
417.2	3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		88.386.117.852	44.867.606.490
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.315.055.682.765	8.326.378.957.897

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
001	Tài sản cố định thuê ngoài		994.635.000	994.635.000
004	Nợ khó đòi đã xử lý		4.517.439.940	4.517.439.940
005	Ngoại tệ các loại			
	- Đô la Mỹ (USD)		2.434,40	2.460,80
	- Euro (EUR)		42,20	42,08
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	24.3	223.060.701	202.783.127
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	25.1	1.606.773.250.000	120.042.460.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	25.2	200.000.230.000	60.110.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	25.3	7.549.000.000	200.190.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	25.4	1.393.129.670.000	1.770.868.750.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư		46.743.163.054.000	41.843.455.082.900
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		40.578.324.894.000	35.746.565.272.900
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		354.415.640.000	338.151.620.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		4.824.324.300.000	4.655.592.160.000
021.4	Tài sản tài chính bị phong tỏa, tạm giữ		197.135.100.000	717.379.640.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		788.963.120.000	385.766.390.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		13.917.013.220.000	320.632.320.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		10.873.133.220.000	319.792.320.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		1.000.880.000.000	840.000.000
022.3	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, cầm cố		2.025.000.000.000	-
022.4	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		18.000.000.000	-
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	25.5	233.866.080.000	401.600.780.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư		325.839.130.000	165.088.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
026	Tiền gửi của khách hàng		1.636.690.921.125	2.864.906.901.303
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.6	1.275.110.125.131	929.962.067.661
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	25.6	77.679.001.820	51.888.425.468
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	25.6	223.945.141.885	703.068.961.912
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		39.005.508.640	70.214.621.988
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		35.263.320.682	69.964.681.367
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		3.742.187.958	249.940.621
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	25.7	20.951.143.649	1.109.772.824.274
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.8	1.615.739.777.476	1.755.134.077.029
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.588.840.060.282	1.728.234.507.051
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		26.899.717.194	26.899.569.978
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	25.9	2.857.390.000	5.268.462.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.10	18.093.753.649	1.104.504.362.274

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		494.082.932.529	435.808.935.787
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	183.983.753.031	208.178.139.566
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	251.661.832.788	176.363.449.070
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.3	55.595.710.820	49.410.761.678
01.4	1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	26.2	2.841.635.890	1.856.585.473
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	26.3	81.440.471.756	71.190.167.842
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.3	505.476.829.793	446.144.244.601
04	4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	26.3	371.000.000	-
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		298.866.259.761	286.030.755.179
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		750.000.000	-
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		497.006.655	389.054.175
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		14.727.846.627	12.989.260.585
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		14.439.774.840	6.443.962.439
11	10. Thu nhập hoạt động khác		20.179.820	1.677.991
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.410.672.301.781	1.258.998.058.599

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		255.037.897.008	178.550.870.608
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	51.508.724.514	41.544.814.495
21.2	1.2. Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	195.938.003.184	132.406.385.094
21.3	1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		4.767.191.607	2.464.005.234
21.4	1.4. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	26.2	2.823.977.703	2.135.665.785
24	2. Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm các tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	27	26.560.800	(131.947.200)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	28	11.702.727.990	9.597.365.602
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	251.710.870.432	235.446.060.474
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	14.135.874.222	13.256.787.054
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	12.736.595.813	14.091.598.139
32	7. Chi phí dịch vụ khác	28	50.000.000	-
40	Cộng chi phí hoạt động		545.400.526.265	450.810.734.677
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		243.394.509	7.373.498
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		7.955.848.150	8.225.825.817
44	3. Doanh thu khác về đầu tư		665.055	1.964.771.787
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		8.199.907.714	10.197.971.102
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	29	-	4.077.698
52	2. Chi phí lãi vay	29	169.579.406.087	142.660.266.139
55	3. Chi phí tài chính khác	29	1.627.301.206	512.592.426
60	Cộng chi phí tài chính		171.206.707.293	143.176.936.263
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	187.104.323.760	166.227.088.970
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		515.160.652.177	508.981.269.791

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác		606.170.908	72.815.537
72	2. Chi phí khác		81.322.623	6.424.264
80	Cộng kết quả hoạt động khác		524.848.285	66.391.273
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		515.685.500.462	509.047.661.064
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		459.944.012.671	465.369.677.400
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		55.741.487.791	43.677.983.664
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	31	102.614.062.306	100.788.054.437
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		90.391.085.877	100.897.063.775
100.2	2. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại		12.222.976.429	(109.009.338)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		413.071.438.156	408.259.606.627
300	XI. LỖ TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32	(4.286.330.000)	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		(4.286.330.000)	-
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	34	413.071.438.156	408.259.606.627
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)		1.852	1.692

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		515.685.500.462	509.047.661.064
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		63.980.004.680	63.286.914.688
03	Khấu hao TSCĐ		9.257.369.207	8.702.699.785
04	Các khoản dự phòng		76.560.800	(131.947.200)
06	Chi phí lãi vay	29	169.579.406.087	142.660.266.139
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.355.631.386)	(8.250.689.453)
08	Dự thu tiền lãi		(106.577.700.028)	(79.693.414.583)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		198.761.980.887	134.542.050.879
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		198.761.980.887	134.542.050.879
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(254.503.468.678)	(178.220.034.543)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(254.503.468.678)	(178.220.034.543)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.630.422.911.310)	(2.799.336.488.799)
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(1.248.308.150.097)	(285.644.262.394)
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(246.160.054.751)	(981.724.232.930)
33	Tăng các khoản cho vay		(904.371.656.701)	(1.336.242.147.030)
34	Tăng các tài sản tài chính AFS		(38.696.830.000)	-
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(21.299.580.000)	1.045.096.000
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		92.322.263.897	40.277.440.479
37	(Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		640.025.308	(4.473.548.366)
39	Tăng các khoản phải thu khác		1.647.068.798	2.210.127.099
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		1.881.252.044	(6.452.940.230)
41	Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		17.695.704	3.894.891
42	Giảm chi phí trả trước		(2.500.591.910)	(8.458.784.181)
43	Thuế TNDN đã nộp	20	(74.747.194.594)	(87.163.850.418)
44	Lãi vay đã trả		(178.549.658.338)	(123.762.937.017)
45	Giảm phải trả cho người bán		(1.708.620.407)	(3.003.177.857)
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(29.804.903.793)	(19.486.002.888)
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(3.932.550.205)	(3.386.004.375)
48	(Tăng)/giảm phải trả người lao động		(4.721.259.391)	20.507.320.978
50	(Tăng)/giảm phải trả, phải nộp khác		28.383.523.121	(3.560.448.776)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	879.318.970
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(513.689.995)	(901.350.754)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(2.106.498.893.959)	(2.270.679.896.711)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(7.836.060.650)	(11.943.815.710)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		399.118.181	24.863.636
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.956.513.205	8.225.825.817
70	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		519.570.736	(3.693.126.257)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	23.389.399.200
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		-	(198.090.000)
73	Tiền vay gốc		9.656.411.614.194	36.093.821.960.022
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(8.083.119.149.790)	(33.719.737.360.302)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(93.647.230.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.573.292.464.404	2.303.628.678.920
90	IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(532.686.858.819)	29.255.655.952
101	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	817.120.935.160	787.865.279.208
101.1	Tiền		247.120.935.160	287.865.279.208
101.2	Các khoản tương đương tiền		570.000.000.000	500.000.000.000
103	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	284.434.076.341	817.120.935.160
103.1	Tiền		284.434.076.341	247.120.935.160
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	570.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1 Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		137.280.001.332.959	122.547.051.498.108
02	2 Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(144.849.784.848.047)	(111.888.813.526.760)
07	3 Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		335.814.306.265.749	296.259.801.492.056
08	4 Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(328.372.939.637.281)	(306.051.078.877.109)
11	5 Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(10.977.412.933)	(9.732.099.410)
14	6 Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		5.565.859.965.292	11.964.580.596.327
15	7 Tiền chi trả của Tổ chức phát hành chứng khoán		(6.654.681.645.917)	(10.873.559.696.827)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		(1.228.215.980.178)	1.948.249.386.385

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		2.864.906.901.303	916.657.514.918
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		2.864.906.901.303	916.657.514.918
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	25.6	981.850.493.129 51.888.425.468	497.892.913.364 78.457.090.677
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.6	703.068.961.912	277.032.189.128
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		70.214.621.988	122.980.487.652
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	25.7	1.109.772.824.274	18.751.924.774
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		1.636.690.921.125	2.864.906.901.303
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.636.690.921.125	2.864.906.901.303
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	25.6 25.6	1.352.789.126.951 77.679.001.82	981.850.493.129 51.888.425.468
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.6	223.945.141.885	703.068.961.912
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		39.005.508.640	70.214.621.988
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	25.7	20.951.143.649	1.109.772.824.274

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

		Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.911.465.801.817	4.084.487.181.017	173.219.469.200	(198.090.000)	202.775.740.000	-	4.084.487.181.017	4.287.262.921.017
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	24.2	1.878.001.200.000	2.027.831.270.000	149.830.070.000	-	202.775.740.000	-	2.027.831.270.000	2.230.607.010.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		2.038.154.023.957	2.056.655.911.017	18.501.887.060	-	-	-	2.056.655.911.017	2.056.655.911.017
1.3. Cổ phiếu quỹ		(4.689.422.140)	-	4.887.512.140	(198.090.000)	-	-	-	-
2 Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	(4.286.330.000)	-	(4.286.330.000)
3 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		54.270.023.547	-	-	(54.270.023.547)	-	-	-	-
4 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		54.270.023.547	-	-	(54.270.023.547)	-	-	-	-
5 Lợi nhuận chưa phân phối		346.391.609.556	599.927.931.493	461.043.142.691	(207.506.820.754)	413.071.438.156	(234.094.429.995)	599.927.931.493	778.904.939.654
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	24.1	345.310.996.068	555.060.325.003	417.256.149.689	(207.506.820.754)	369.552.926.794	(234.094.429.995)	555.060.325.003	690.518.821.802
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	24.1	1.080.613.488	44.867.606.490	43.786.993.002	-	43.518.511.362	-	44.867.606.490	88.386.117.852
TỔNG CỘNG	24.2	4.366.397.458.467	4.684.415.112.510	634.262.611.891	(316.244.957.848)	615.847.178.156	(238.380.759.995)	4.684.415.112.510	5.061.881.530.671

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

		Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1. Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	33	-	-	-	-	-	(4.286.330.000)	-	(4.286.330.000)
TỔNG CỘNG	24.2	-	-	-	-	-	(4.286.330.000)	-	(4.286.330.000)

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 02/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 1999 và các giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp theo từng thời năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang hoạt động theo:

Tên văn bản	Ngày cấp	Đơn vị cấp
Giấy phép số 64/GPĐC-UBCK Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101003060	Ngày 28 tháng 08 năm 2024 Cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 28 vào ngày 28 tháng 08 năm 2024	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngày 19 tháng 07 năm 2011, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và thực hiện nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, 9, Tòa nhà Thaiholdings, Số 210 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và hai (02) phòng giao dịch tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 302 nhân viên (31 tháng 12 năm 2023: 300 nhân viên).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Điều lệ của Công ty được thông qua theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông và sửa đổi theo Nghị quyết số 728/NQ-BSC ngày 09 tháng 09 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV.

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.230.607.010.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.027.831.270.000 đồng).

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

► Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu;

► Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại rỗng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc, cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý/ giá trị thị trường (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên UPCoM thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của Tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào thời điểm ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.9 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “*Chi phí hoạt động*” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.15 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 7 năm
Phần mềm	3 - 8 năm

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ theo thời gian thanh toán trước hoặc phân bổ tối đa ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm.

4.18 Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.19 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi vay phải trả tổ chức tín dụng và các đối tượng khác, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.20 Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ Tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "*Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL*" (chỉ tiết "*Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "*Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL*" (chỉ tiết "*Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "*Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*" hoặc "*Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Lợi ích của nhân viên

4.21.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.21.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.21.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.22 Hợp đồng phái sinh tiền tệ

Công ty tham gia vào các giao dịch ngoại tệ với các Ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ,...) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá và dòng tiền trong tương lai. Lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.23 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Doanh thu lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.25 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.26 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.28 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.29 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.30 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.31 Thông tin bộ phận

Mỗi bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.



4.32 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.33 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	107.743.950	519.730
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	284.326.332.391	247.120.415.430
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	258.897.621.472	117.384.585.430
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán trong giao dịch chứng khoán	25.428.710.919	129.735.830.000
Các khoản tương đương tiền	-	570.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	570.000.000.000
Tổng cộng	284.434.076.341	817.120.935.160

6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
a. Của Công ty	540.105.372	63.541.667.367.207
- Cổ phiếu	147.157.373	4.404.707.929.810
- Trái phiếu	338.022.180	58.711.676.215.397
- Chứng khoán phái sinh	2.519	323.899.960.000
- Chứng khoán khác	54.923.300	101.383.262.000
b. Của Nhà đầu tư	11.506.878.381	374.658.713.321.968
- Cổ phiếu	10.638.289.414	245.754.900.453.678
- Trái phiếu	537.050.953	69.980.027.136.340
- Chứng khoán phái sinh	460.558	58.641.094.840.000
- Chứng khoán khác	331.077.456	282.690.891.950
Tổng cộng	12.046.983.753	438.200.380.689.175

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh số 4.7.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	600.517.960.246	656.807.743.780	14.737.616.851	17.032.916.880
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	62.756.705.200	66.806.430.000	3.469.843	2.544.000
Công ty Cổ phần Thế giới di động	62.349.800.000	64.178.100.000	1.345.639.545	1.371.397.600
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	60.556.272.067	62.841.739.350	1.272.067	1.006.200
Cổ phiếu khác	414.855.182.979	462.981.474.430	13.387.235.396	15.657.969.080
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.369.947.839	82.537.062.628	58.402.587.716	82.575.114.328
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	58.063.615.500	82.325.851.400	58.063.615.500	82.325.851.400
Cổ phiếu khác	306.332.339	211.211.228	338.972.216	249.262.928
Trái phiếu niêm yết	1.011.925.830.000	1.017.735.171.550	309.426.434.712	312.797.255.326
Trái phiếu chưa niêm yết	582.907.269.700	594.537.003.946	365.704.622.207	370.087.995.576
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền	-	-	2.429.776.445	2.507.015.000
Chứng chỉ tiền gửi	707.338.448.000	712.465.297.316	964.227.365.867	980.156.954.909
Chứng chỉ quỹ	16.324.559.793	19.610.384.000	14.147.461.683	14.503.431.500
Tổng cộng	2.977.384.015.578	3.083.692.663.220	1.729.075.865.481	1.779.660.683.519

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

(a) Ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm (i)	767.628.849.314	817.113.013.705
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm (ii)	257.274.246.577	427.944.520.591
Tổng cộng	1.024.903.095.891	1.245.057.534.296

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và được hưởng lãi suất từ 3,60%/năm đến 6,00%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 5,20%/năm đến 10,70%/năm).
- (ii) Các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và được hưởng lãi suất từ 4,40%/năm đến 5,90%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 4,30%/năm đến 8,80%/năm).

(b) Dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng (i)	466.314.493.156	-

- (i) Các khoản trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 7 đến 10 năm và được hưởng lãi suất từ 5,58%/năm đến 6,68%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.3 Các khoản cho vay

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (i)
Cho vay hoạt động ký quỹ (ii)	5.057.485.511.134	5.051.105.345.134	4.146.626.421.580	4.140.272.816.380
Ứng trước tiền bán chứng khoán	142.704.465.724	142.704.465.724	149.191.898.577	149.191.898.577
Tổng cộng	5.200.189.976.858	5.193.809.810.858	4.295.818.320.157	4.289.464.714.957

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.
- (ii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc tối đa là ba (03) tháng và được hưởng lãi suất từ 8,50%/năm đến 13,00%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ có thời hạn gốc tối đa là ba (03) tháng và hưởng lãi suất từ 9,50%/năm đến 13,00%/năm)

7.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	28.357.210.000	24.747.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.339.620.000	9.663.500.000	-	-
Tổng cộng	38.696.830.000	34.410.500.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch đánh giá				
Các loại tài sản tài chính	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	600.517.960.246	60.474.390.508	(4.184.606.974)	656.807.743.780
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.369.947.839	24.278.235.762	(111.120.973)	82.537.062.628
Trái phiếu niêm yết	1.011.925.830.000	6.213.853.368	(404.511.818)	1.017.735.171.550
Trái phiếu chưa niêm yết	582.907.269.700	11.629.734.246	-	594.537.003.946
Chứng chỉ tiền gửi	707.338.448.000	5.126.849.316	-	712.465.297.316
Chứng chỉ quỹ	16.324.559.793	3.711.080.292	(425.256.085)	19.610.384.000
AFS				
Cổ phiếu niêm yết	28.357.210.000	-	(3.610.210.000)	24.747.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.339.620.000	-	(676.120.000)	9.663.500.000
Tổng cộng	3.016.080.845.578	111.434.143.492	(9.411.825.850)	3.118.103.163.220
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	14.737.616.851	2.402.334.981	(107.034.952)	17.032.916.880
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.402.587.716	24.302.186.639	(129.660.027)	82.575.114.328
Trái phiếu niêm yết	309.426.434.712	3.370.820.614	-	312.797.255.326
Trái phiếu chưa niêm yết	365.704.622.207	4.383.373.369	-	370.087.995.576
Cổ phiếu dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền	2.429.776.445	78.754.655	(1.516.100)	2.507.015.000
Chứng chỉ tiền gửi	964.227.365.867	15.929.589.042	-	980.156.954.909
Chứng chỉ quỹ	14.147.461.683	1.312.507.325	(956.537.508)	14.503.431.500
Tổng cộng	1.729.075.865.481	51.779.566.625	(1.194.748.587)	1.779.660.683.519

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THỂ CHẤP

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	6.353.605.200	6.485.552.400
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	26.560.800	(131.947.200)
Tổng cộng	6.380.166.000	6.353.605.200

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	22.385.605.000	1.086.025.000
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	93.948.850.714	79.693.414.583
- Trong đó: Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán	92.793.781.714	79.268.917.022
3. Trả trước cho người bán	1.050.300.613	2.748.124.266
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	5.410.736.959	6.050.762.267
5. Các khoản phải thu khác	119.869.855	69.115.000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(50.000.000)	-
Tổng cộng	122.865.363.141	89.647.441.116

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	35.000.000	804.634.181
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	-	704.371.800
Chi phí trả trước ngắn hạn	12.459.778.751	12.529.518.712
- Chi phí trả trước thuê văn phòng	5.684.093.120	7.021.686.207
- Chi phí trả trước khác	6.775.685.631	5.507.832.505
Tài sản ngắn hạn khác	4.827.984.500	4.827.984.500
- Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Công ty (*)	4.827.984.500	4.827.984.500
Tổng cộng	17.322.763.251	18.866.509.193

(*) Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	48.788.725.539	2.028.717.698	2.645.062.939	53.462.506.176
Tăng trong năm	6.914.270.000	187.500.000	734.290.650	7.836.060.650
Thanh lý	405.572.918	167.630.898	89.516.928	662.720.744
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	55.297.422.621	2.048.586.800	3.289.836.661	60.635.846.082
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	35.198.164.973	467.496.018	986.555.672	36.652.216.663
Khấu hao trong năm	6.173.419.709	235.247.442	748.070.852	7.156.738.003
Thanh lý	405.572.918	167.630.898	89.516.928	662.720.744
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	40.966.011.764	535.112.562	1.645.109.596	43.146.233.922
Giá trị còn lại				
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	13.590.560.566	1.561.221.680	1.658.507.267	16.810.289.513
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	14.331.410.857	1.513.474.238	1.644.727.065	17.489.612.160

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	28.350.407.969	19.544.728.713

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	19.340.100.495
Tăng trong năm	2.374.730.000
Giảm khác trong năm	2.374.730.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	19.340.100.495
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	7.140.131.756
Khấu hao trong năm	2.100.631.204
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	9.240.762.960
Giá trị còn lại	
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	12.199.968.739
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	10.099.337.535

Các thông tin khác về TSCĐ vô hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.339.286.000	2.414.980.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	10.382.718.692	10.582.718.692
Đặt cọc thuê xe ô tô	620.100.000	819.788.000
Khác	390.661.100	398.219.163
Tổng cộng	11.393.479.792	11.800.725.855

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	10.652.135.436	7.676.426.112
Phí bảo hiểm	1.377.826.209	1.858.796.590
Phí bản quyền phần mềm	88.424.750	325.845.927
Khác	402.101.025	89.086.920
Tổng cộng	12.520.487.420	9.950.155.549

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.223.227.395	13.223.227.395
Tiền lãi phân bổ	7.456.772.605	7.456.772.605
Tổng cộng	20.800.000.000	20.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TIỀN NỘP QUỸ BÙ TRỪ

Theo Thông tư số 11/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 10 tỷ đồng tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam vào Quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán phái sinh. Các khoản đóng góp bổ sung định kỳ bao gồm khoản đóng góp bổ sung do đánh giá lại định kỳ và các khoản đóng góp bổ sung bất thường do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành theo từng năm.

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

17. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính ngắn hạn	1.555.000.000.000	1.430.000.000.000	Vay ngắn hạn
Dài hạn			
Tài sản tài chính dài hạn	400.000.000.000	-	Vay ngắn hạn
Tổng cộng	1.955.000.000.000	1.430.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng (i)	2.220.000.000.000	18.505.760.000.000	(16.181.450.000.000)	4.544.310.000.000
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	350.000.000.000	1.600.000.000.000	(1.400.000.000.000)	550.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	800.000.000.000	3.490.000.000.000	(3.740.000.000.000)	550.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	50.000.000.000	1.700.000.000.000	(1.200.000.000.000)	550.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	-	1.234.000.000.000	(699.000.000.000)	535.000.000.000
- Ngân hàng Sinopac	-	750.450.000.000	(381.450.000.000)	369.000.000.000
- Ngân hàng Kookmin	-	455.310.000.000	-	455.310.000.000
- Đối tượng khác	1.020.000.000.000	9.276.000.000.000	(8.761.000.000.000)	1.535.000.000.000
Vay tổ chức, cá nhân (ii)	583.542.585.092	2.266.651.614.194	(2.517.669.149.790)	332.525.049.496
Tổng cộng	2.803.542.585.092	20.772.411.614.194	(18.699.119.149.790)	4.876.835.049.496

(i) Các khoản vay từ các ngân hàng thương mại trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có kỳ hạn tối đa 12 tháng. Lãi suất của các khoản vay dưới 7,00%/năm. Mục đích của các khoản vay là để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Các khoản vay này có thời hạn gốc vay là dưới 1 năm và chịu lãi suất dưới 6,00%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán tiền mua chứng khoán	239.915.412.915	210.072.870.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	8.322.377.776	10.354.723.567
- Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	5.131.446.420	5.558.190.368
- Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	1.256.642.213	1.143.675.231
- Phải trả BIDV (Thuyết minh 35.1)	1.934.289.143	3.212.646.968
- Phải trả chứng quyền	-	440.211.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	3.933.288.263	2.399.219.499
Tổng cộng	252.171.078.954	222.826.813.066

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	315.699.544	937.851.660	(1.087.356.335)	166.194.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 31)	19.143.887.372	90.391.085.877	(74.747.194.594)	34.787.778.655
Thuế thu nhập cá nhân	14.430.514.490	175.730.992.492	(180.320.028.549)	9.841.478.433
- Của người lao động	2.268.156.174	31.594.396.161	(32.676.744.524)	1.185.807.811
- Của Nhà đầu tư	12.162.358.316	144.136.596.331	(147.643.284.025)	8.655.670.622
Các loại thuế khác	723.086.055	10.534.496.169	(9.728.505.642)	1.529.076.582
Tổng cộng	34.613.187.461	277.594.426.198	(265.883.085.120)	46.324.528.539

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay các tổ chức tín dụng và các cá nhân	11.700.755.994	20.671.008.245
Chi phí phải trả khác	58.803.701	41.107.997
Tổng cộng	11.759.559.695	20.712.116.242

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khách hàng (*)	1.336.492.097	881.907.634
Phải trả khác	13.814.583	1.446.800.000
Tổng cộng	1.350.306.680	2.328.707.634

(*) Phải trả khách hàng do nội dung lệnh chuyển tiền chưa đủ thông tin để ghi tăng tiền khách hàng.

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Phải trả thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN hoàn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ	5.699.553.361	5.808.562.699
Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoàn lại phát sinh do phân đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	12.228.288.589	(241.122.858)
Ảnh hưởng khác	(5.312.160)	132.113.520
Số dư cuối năm	17.922.529.790	5.699.553.361

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	690.518.821.802	555.060.325.003
Lợi nhuận chưa thực hiện	88.386.117.852	44.867.606.490
Tổng cộng	778.904.939.654	599.927.931.493

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	1.878.001.200.000	2.038.154.023.957	-	(4.689.422.140)	54.270.023.547	54.270.023.547	346.391.609.556	4.366.397.458.467
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(198.090.000)	-	-	-	(198.090.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	18.501.887.060	-	4.887.512.140	-	-	-	23.389.399.200
Sử dụng các quỹ trong năm	56.185.830.000	-	-	-	(54.270.023.547)	(54.270.023.547)	52.354.217.094	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(93.647.230.000)	(93.647.230.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	93.644.240.000	-	-	-	-	-	(93.644.240.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(19.314.000.000)	(19.314.000.000)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(463.909.000)	(463.909.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	408.259.606.627	408.259.606.627
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	429.318.970	429.318.970
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(437.441.754)	(437.441.754)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.027.831.270.000	2.056.655.911.017	-	-	-	-	599.927.931.493	4.684.415.112.510
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	413.071.438.156	413.071.438.156
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	(4.286.330.000)	-	-	-	-	(4.286.330.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	202.775.740.000	-	-	-	-	-	(202.775.740.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	(30.805.000.000)	(30.805.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(513.689.995)	(513.689.995)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.230.607.010.000	2.056.655.911.017	(4.286.330.000)	-	-	-	778.904.939.654	5.061.881.530.671

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty (“ĐHĐCĐ”) đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, cụ thể, ĐHĐCĐ đã thông qua phương án đối với các nội dung sau:

- ▶ Thông qua phương án chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu;
- ▶ Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại với số tiền 30.805.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	223.060.701	202.783.127
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	223.060.701	202.783.127
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	223.060.701	202.783.127
- Cổ phiếu phổ thông	223.060.701	202.783.127
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	223.060.701	202.783.127
- Cổ phiếu phổ thông	223.060.701	202.783.127

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của các Nhà đầu tư				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	115.923.897	51,97	105.385.361	51,96
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	78.087.289	35,01	70.988.445	35,00
Các cổ đông khác (*)	29.049.515	13,02	26.409.321	13,04
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	223.060.701	100,00	202.783.127	100,00

(*) Các cổ đông khác là cổ đông tổ chức và cá nhân, mỗi cổ đông sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

24.4 Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Số cổ phiếu quỹ	Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	187.300.660	499.460	187.800.120
Số lượng cổ phiếu mới phát hành trong năm	14.983.007	-	14.983.007
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	505.660	(505.660)	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(6.200)	6.200	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	202.783.127	-	202.783.127
Số lượng cổ phiếu mới phát hành trong năm	20.277.574	-	20.277.574
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	223.060.701	-	223.060.701

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHI TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

25.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.303.377.250.000	19.532.460.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	300.000.000.000	100.010.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	3.396.000.000	500.000.000
Tổng cộng	1.606.773.250.000	120.042.460.000

25.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	200.000.230.000	60.110.000

25.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	7.549.000.000	190.000.000
Trái phiếu	-	200.000.000.000
Tổng cộng	7.549.000.000	200.190.000.000

25.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ tiền gửi	950.000.000.000	1.365.000.000.000
Cổ phiếu	43.129.670.000	43.128.750.000
Trái phiếu	400.000.000.000	362.740.000.000
Tổng cộng	1.393.129.670.000	1.770.868.750.000

25.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền và chứng chỉ quỹ	233.866.080.000	401.600.780.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHI TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.6 Tiền gửi của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.275.110.125.131	929.962.067.661
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.266.348.018.240	926.939.261.329
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.762.106.891	3.022.806.332
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	77.679.001.820	51.888.425.468
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	223.945.141.885	703.068.961.912
Tổng cộng	1.576.734.268.836	1.684.919.455.041

25.7 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	2.857.390.000	5.268.462.000
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	18.093.753.649	1.104.504.362.274
	20.951.143.649	1.109.772.824.274

25.8 Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	1.528.695.646.765	1.695.043.068.729
- Nhà đầu tư nước ngoài	9.365.128.891	8.202.582.832
- Phải trả tiền ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	77.679.001.820	51.888.425.468
Tổng cộng	1.615.739.777.476	1.755.134.077.029

25.9 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	2.857.390.000	5.268.462.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHI TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.10 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	18.093.753.649	1.104.504.362.274

25.11 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí môi giới chứng khoán		
- Phải trả phí giao dịch chứng khoán	818.172.037	1.221.504.252
- Phải trả khác	682.828.187	1.211.674.841
Tổng cộng	1.501.000.224	2.433.179.093

25.12 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nghiệp vụ margin	5.150.279.292.848	4.225.895.338.602
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.3)	5.057.485.511.134	4.146.626.421.580
- Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	5.057.485.511.134	4.146.626.421.580
Phải trả lãi margin	92.793.781.714	79.268.917.022
- Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	92.793.781.714	79.268.917.022
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh số 7.3)	142.704.465.724	149.191.898.577
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	142.704.465.724	149.191.898.577
Tổng cộng	5.292.983.758.572	4.375.087.237.179

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyển tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(Lỗ) bán chứng khoán năm này VND	Lãi/(Lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	34.493.615	36.485	1.258.506.352.458	1.149.166.228.936	109.340.123.522	93.271.326.439
2	Trái phiếu niêm yết	161.704.482	111.231	17.986.479.211.541	17.969.706.944.950	16.772.266.591	36.501.599.123
3	Trái phiếu chưa niêm yết	7.685.653	1.488.270	11.438.323.873.501	11.423.004.655.301	15.319.218.200	17.292.240.339
4	Chứng chỉ tiền gửi	15.349.449	2.263.719	34.746.836.288.017	34.717.141.899.930	29.694.388.087	36.784.822.581
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	9.965.080.000	6.265.638.000
6	Khác	12.453.463	1.713	21.335.864.350	18.443.187.719	2.892.676.631	18.062.513.084
	Tổng cộng	231.686.662		65.451.481.589.867	65.277.462.916.836	183.983.753.031	208.178.139.566
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	28.401.314	22.161	629.411.799.930	665.125.217.478	(35.713.417.548)	(24.467.212.962)
2	Trái phiếu niêm yết	9.000.000	101.080	909.720.000.000	911.618.700.000	(1.898.700.000)	(3.226.000.000)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	318	10.055.031	3.197.500.000	3.343.865.388	(146.365.388)	(615.763.014)
4	Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	-	(2.395.873.233)
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	(10.993.612.000)	(8.220.489.000)
6	Khác	17.224.994	1.824	31.416.039.304	34.172.668.882	(2.756.629.578)	(2.619.476.286)
	Tổng cộng	54.626.626		1.573.745.339.234	1.614.260.451.748	(51.508.724.514)	(41.544.814.495)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
I	FVTPL					
1	Cổ phiếu niêm yết	600.517.960.246	656.807.743.780	56.289.783.534	2.295.300.029	53.994.483.505
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	58.369.947.839	82.537.062.628	24.167.114.789	24.172.526.612	(5.411.823)
3	Trái phiếu niêm yết	1.011.925.830.000	1.017.735.171.550	5.809.341.550	3.370.820.614	2.438.520.936
4	Trái phiếu chưa niêm yết	582.907.269.700	594.537.003.946	11.629.734.246	4.383.373.369	7.246.360.877
5	Chứng chỉ tiền gửi	707.338.448.000	712.465.297.316	5.126.849.316	15.929.589.042	(10.802.739.726)
6	Chứng quyền có đảm bảo	-	-	-	(17.658.187)	17.658.187
7	Khác	16.324.559.793	19.610.384.000	3.285.824.207	433.208.372	2.852.615.835
	Tổng cộng	2.977.384.015.578	3.083.692.663.220	106.308.647.642	50.567.159.851	55.741.487.791

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

26.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, AFS, HTM và các khoản cho vay

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	55.595.710.820	49.410.761.678
Từ tài sản tài chính AFS	371.000.000	-
Từ tài sản tài chính HTM	81.440.471.756	71.190.167.842
	505.476.829.793	446.144.244.601
Tổng cộng	642.884.012.369	566.745.174.121

27. TRÍCH LẬP/(HOÀN NHẬP) DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	26.560.800	(131.947.200)
Tổng cộng	26.560.800	(131.947.200)

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh	11.702.727.990	9.597.365.602
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	251.710.870.432	235.446.060.474
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	14.135.874.222	13.256.787.054
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	12.736.595.813	14.091.598.139
Chi phí dịch vụ khác	50.000.000	-
Tổng cộng	290.336.068.457	272.391.811.269

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	103.639.883.896	104.195.233.945
Chi phí hoạt động lưu ký	14.135.874.222	13.256.787.054
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	95.818.182	692.000.000
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	71.871.218.759	73.024.552.585
Chi phí hợp tác phát triển khách hàng	36.020.695.300	34.990.537.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.042.715.857	4.101.718.547
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	50.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.822.210.853	11.374.709.520
Chi phí thuê văn phòng	20.247.906.715	12.232.765.416
Chi phí bảo trì phần mềm	3.451.294.266	3.673.597.814
Chi phí khác	23.958.450.407	14.849.909.294
Tổng cộng	290.336.068.457	272.391.811.269

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	-	4.077.698
Chi phí lãi vay ngân hàng	120.430.713.490	103.282.870.109
Chi phí lãi vay từ trái phiếu phát hành	21.700.274.657	10.446.575.343
Chi phí lãi vay cá nhân	26.119.675.554	28.336.286.480
Chi phí lãi vay khác	1.328.742.386	594.534.207
Chi phí tài chính khác	1.627.301.206	512.592.426
Tổng cộng	171.206.707.293	143.176.936.263

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	111.066.164.858	105.630.383.827
Chi phí thuê văn phòng	25.655.062.012	19.981.032.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.214.653.350	4.406.256.978
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí mạng viễn thông	4.372.735.495	3.588.333.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.639.792.412	7.962.827.744
Chi phí dịch kiểm toán	367.200.000	414.800.000
Chi phí khác	30.784.715.633	24.239.454.461
Tổng cộng	187.104.323.760	166.227.088.970

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	515.685.500.462	509.047.661.064
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	103.137.100.092	101.809.532.213
Điều chỉnh thuế TNDN:	(594.452.382)	(1.107.341.570)
- Thu nhập không chịu thuế	(720.158.818)	(1.040.181.079)
- Chi phí không được trừ	124.902.312	203.515.662
- Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	5.813.064	(22.614.159)
- Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính	(12.227.985.369)	(139.052.656)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại của các năm trước ghi nhận vào năm nay	12.222.976.429	(109.009.338)
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	102.542.647.710	100.702.190.643
Chi phí thuế nộp bổ sung năm 2022 và 2023	71.414.596	85.863.794
Tổng chi phí thuế ghi nhận trong năm	102.614.062.306	100.788.054.437
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động		
Thuế TNDN - hiện hành	90.391.085.877	100.897.063.775
Thuế TNDN - hoãn lại	12.222.976.429	(109.009.338)
Tổng cộng	102.614.062.306	100.788.054.437

32. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh		Số cuối năm
Lỗi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	-	(4.286.330.000)	-	(4.286.330.000)	
Tổng cộng	-	(4.286.330.000)	-	(4.286.330.000)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Chi phí, lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(4.286.330.000)	-
- Lỗi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	(4.286.330.000)	-
Tổng cộng	(4.286.330.000)	-

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2023. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	413.071.438.156	408.259.606.627
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi - VND	-	30.805.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	413.071.438.156	377.454.606.627
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - Cổ phiếu	223.060.701	223.060.701
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	1.852	1.692

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho tất cả các kỳ báo cáo. Theo đó số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2023 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2024.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Phải thu/(Phải trả)					
Bên liên quan	Giao dịch	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm	Doanh thu/(Chi phí)
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty	219.883.973.598	102.324.433.448.706	(102.438.858.045.944)	105.459.376.360	-
	Số dư tiền gửi không kỳ hạn của Nhà đầu tư	2.226.528.550.220	215.336.854.859.489	(216.856.158.044.955)	707.225.364.754	-
	Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ)	1.369.646.596	-	(1.369.646.596)	-	-
	Đầu tư vào trái phiếu	13.560.357.538	1.250.396.110.595	(1.263.956.468.133)	-	-
	Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn	1.211.240.192.867	1.606.753.636.000	(2.727.993.828.867)	90.000.000.000	-
	Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu	27.655.209.021	20.414.877.005	(44.562.140.818)	3.507.945.208	-
	Phải thu phí dịch vụ	-	130.000.000	(70.000.000)	60.000.000	-
	Phải trả phí dịch vụ giao dịch	(2.065.775.260)	(26.544.012.268)	27.857.641.965	(752.145.563)	-
	Phải trả lãi hoạt động cho vay ký quỹ	(1.146.871.708)	(7.389.435.025)	7.354.163.153	(1.182.143.580)	-
	Giải ngân hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng	172.666.875.643	512.709.279.512	(579.919.206.383)	105.456.948.772	-
	Doanh thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu	-	-	-	-	29.877.462.972
	Doanh thu lưu ký khác	-	-	-	-	118.181.819
	Chi phí dịch vụ giao dịch	-	-	-	-	(31.247.621.470)
	Chi phí dịch vụ thanh toán	-	-	-	-	(305.024.308)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Phải thu/(Phải trả)					
Bên liên quan	Giao dịch	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm	Doanh thu/(Chi phí)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Đầu tư và cổ phiếu (lô lẻ)	302.793	-	(302.793)	-	-
	Doanh thu phí môi giới chứng khoán	-	-	-	-	344.403.405
	Doanh thu phí lưu ký	-	-	-	-	36.973.101
	Chi phí mua bảo hiểm	-	-	-	-	(1.078.140.172)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	-	-
	Dự thu lãi tiền gửi	2.191.781	-	(2.191.781)	-	-
	Doanh thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-	31.780.822
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Vốn góp bằng tiền (VND)	2.694.931.722.000	-	-	2.694.931.722.000	-
	Cổ tức được chia bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	-	70.988.440.000	-	70.988.440.000	-
	Chi phí cho nhân sự phái cử	-	-	-	-	(9.005.827.436)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người quản lý khác:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	120.000.000	120.000.000
Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.840.884.362	2.903.120.602
	Phó Tổng Giám Đốc		
Ông Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc	2.822.188.227	3.422.134.080
	Ủy viên Hội đồng quản trị		
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên Hội đồng quản trị	423.845.087	2.366.362.200
Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Vũ Minh Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Ủy viên Hội đồng quản trị	41.350.000	-
Bà Kang Hee Joung	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	2.061.381.722	2.495.831.840
Ông Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.999.415.529	2.586.339.168
Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc	2.018.396.376	2.588.594.547
	kiêm Giám đốc Chi nhánh		
Tổng cộng		12.423.461.303	16.578.382.437

35.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp và hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận môi giới chứng khoán tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, HTM và AFS.

Bộ phận tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động đại lý phát hành chứng khoán, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Bộ phận kinh doanh nguồn vốn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến các hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Hoạt động tư vấn, đại lý	Kinh doanh nguồn vốn	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	819.070.936.181	479.964.681.623	15.686.781.495	104.149.810.196	1.418.872.209.495
2. Các chi phí trực tiếp	265.873.305.454	266.740.624.998	12.786.595.813	-	545.400.526.265
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	108.009.525.171	63.292.146.102	2.068.589.845	13.734.062.642	187.104.323.760
4. Doanh thu thuần khác					524.848.285
5. Chi phí tài chính					171.206.707.293
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	445.188.105.556	149.931.910.522	831.595.837	90.415.747.554	515.685.500.462

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. Tài sản bộ phận	5.288.113.482.544	3.612.786.314.876	3.850.846.987	1.024.903.095.891	9.929.653.740.298
2. Tài sản phân bổ	58.285.618.733	34.154.597.853	1.116.281.539	7.411.368.001	100.967.866.126
3. Tài sản không phân bổ					284.434.076.341
Tổng tài sản	5.346.399.101.277	3.646.940.912.729	4.967.128.526	1.032.314.463.892	10.315.055.682.765
1. Nợ phải trả bộ phận	244.174.493.616	38.613.079.790	461.500.000	-	283.249.073.406
2. Nợ phân bổ	53.737.987.713	31.489.746.522	1.029.185.671	6.833.109.286	93.090.029.192
3. Nợ phải trả không phân bổ					4.876.835.049.496
Tổng nợ phải trả	297.912.481.329	70.102.826.312	1.490.685.671	6.833.109.286	5.253.174.152.094

(*) Chi phí được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: VND

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Hoạt động tư vấn, đại lý	Kinh doanh nguồn vốn	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	745.164.260.365	416.049.691.001	6.833.016.614	101.149.061.721	1.269.196.029.701
2. Các chi phí trực tiếp	248.570.900.328	188.148.236.210	14.091.598.139	-	450.810.734.677
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	97.594.447.907	54.490.187.003	894.922.797	13.247.531.263	166.227.088.970
4. Doanh thu thuần khác					66.391.273
5. Chi phí tài chính					143.176.936.263
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	398.998.912.130	173.411.267.788	(8.153.504.322)	87.901.530.458	509.047.661.064
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
1. Tài sản bộ phận	4.371.176.394.246	1.785.634.807.019	3.608.000.000	1.815.421.917.857	7.975.841.119.122
2. Tài sản phân bổ	60.717.634.383	33.900.650.322	556.769.328	8.241.849.582	103.416.903.615
3. Tài sản không phân bổ					247.120.935.160
Tổng tài sản	4.431.894.028.629	1.819.535.457.341	4.164.769.328	1.823.663.767.439	8.326.378.957.897
Nợ phải trả					
1. Nợ phải trả bộ phận	34.654.806.302	216.212.634.361	2.144.573.520	-	253.012.014.183
2. Nợ phân bổ	50.145.065.237	27.997.637.577	459.820.850	6.806.722.448	85.409.246.112
3. Nợ phải trả không phân bổ					3.303.542.585.092
Tổng nợ phải trả	84.799.871.539	244.210.271.938	2.604.394.370	6.806.722.448	3.641.963.845.387

(*) Chi phí được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	43.498.901.886	42.792.163.380
Trên 1 – 5 năm	168.989.875.824	161.123.837.520
Trên 5 năm	33.722.826.110	74.985.165.345
Tổng cộng	246.211.603.820	278.901.166.245

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty, phê duyệt Chính sách quản trị rủi ro (bao gồm các hạn mức rủi ro), giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi các phòng ban kinh doanh sử dụng vốn và được theo dõi giám sát bởi Phòng Quản trị rủi ro. Phòng Quản trị rủi ro đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết hoặc ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Số dư với ngân hàng

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, lãi dự thu và các khoản ký quỹ.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có bậc tín nhiệm cao. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi Phòng Kinh doanh vốn theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư với ngân hàng BIDV, ngân hàng mẹ chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tài sản tài chính FVTPL

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ và trái phiếu tổ chức tín dụng, được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi Phòng Đầu tư, Phòng Kinh doanh vốn và Phòng Quản trị rủi ro và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có số dư nào với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ của Công ty được xây dựng, rà soát và cập nhật thường xuyên bởi Phòng Dịch vụ tài chính; Hội đồng tư vấn đầu tư và cho vay ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm định giá và tính thanh khoản.

Phòng Dịch vụ khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn tỷ lệ Công ty quy định (tỷ lệ này được xây dựng theo quy định nội bộ và không thấp hơn tỷ lệ 30% theo luật định), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 15.812.357.869.960 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 14.094.664.133.820 đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

Đơn vị tính: VND

Quá hạn nhưng không bị suy giảm							
Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	< 90 ngày	91 - 180 ngày	181 - 210 ngày	> 210 ngày	
Số đầu năm	4.295.818.320.157	6.353.605.200	4.288.434.034.265	1.030.680.692	-	-	-
Số cuối năm	5.200.189.976.858	6.380.166.000	5.192.804.220.056	1.005.590.802	-	-	-

Các khoản phải thu và tài sản khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất có lợi nhất cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản trị rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn khoảng 79.323.460.298 Đồng Việt Nam (2023: cao hơn/thấp hơn khoảng 11.649.342.228 Đồng Việt Nam). Công ty trình bày các cổ phiếu này trên khoản mục tài sản tài chính FVTPL và AFS.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính biến động xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hợp đồng hoán đổi của Công ty và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ Đô la Mỹ và Euro.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chỉ nắm giữ một số lượng không lớn ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ và Euro nên rủi ro tiền tệ là không trọng yếu.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	284.434.076.341	-	-	-	284.434.076.341
Tài sản tài chính	7.755.037.602	3.118.103.163.220	6.233.652.528.303	-	450.000.000.000	9.809.510.729.125
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	3.083.692.663.220	-	-	-	3.083.692.663.220
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.041.217.589.047	-	450.000.000.000	1.491.217.589.047
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	7.755.037.602	-	5.192.434.939.256	-	-	5.200.189.976.858
Sẵn sàng để bán	-	34.410.500.000	-	-	-	34.410.500.000
Tài sản khác	100.000.000	41.721.267.914	121.915.963.961	15.111.072.059	22.762.172.581	201.610.476.515
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	390.661.100	-	620.100.000	10.382.718.692	11.393.479.792
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	100.000.000	5.530.606.814	116.334.455.714	-	-	121.865.062.528
Tài sản khác	-	35.800.000.000	4.862.984.500	-	-	40.662.984.500
Tài sản cố định	-	-	718.523.747	14.490.972.059	12.379.453.889	27.588.949.695
Tổng cộng	7.855.037.602	3.444.258.507.475	6.355.568.492.264	15.111.072.059	472.762.172.581	10.295.555.281.981
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	4.876.835.049.496	-	-	4.876.835.049.496
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	252.171.078.954	-	-	252.171.078.954
Phải trả người bán	-	-	784.880.619	-	-	784.880.619
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	11.759.559.695	-	-	11.759.559.695
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	46.324.528.539	-	-	46.324.528.539
Phải trả, phải nộp khác	-	-	1.350.306.680	-	-	1.350.306.680
Tổng cộng	-	-	5.189.225.403.983	-	-	5.189.225.403.983
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	7.855.037.602	3.444.258.507.475	1.166.343.088.281	15.111.072.059	472.762.172.581	5.106.329.877.998

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2025